BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: THẠC SĨ

Ngành: Tài chính - Ngân hàng

Mã ngành: 8340201

Hà Nội - 2024

MỤC LỤC

PHẦN I. MỘT SỐ THÔNG TIN CƠ BẢN GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO .3

1.1 .Giới thiệu khái quát về Nhà trường.....3

1.2. Giới thiệu khái quát về Khoa Tài chính - Ngân hàng và Bảo hiểm 10

PHẦN II. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO 13

2.1. Sự phù hợp với chiến lược phát triển nguồn nhân lực và nhu cầu nguồn nhân lực của ngành, địa phương, vùng, quốc gia.....13

2.2. Sự phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược phát triển của Nhà trường.....15

2.3. Phân tích, thuyết minh về nhu cầu đào tạo, nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực trình độ Thạc sĩ ngành Tài chính - Ngân hàng.....17

PHẦN III. ĐIỀU KIỆN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 23

3.1. Mục tiêu đào tạo 24

3.2. Chuẩn đầu ra:.....25

3.3. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo.....26

3.4. Khối lượng kiến thức toàn khoá 27

3.5. Đối tượng tuyển sinh 27

3.6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp 28

3.7. Cách thức đánh giá 28

3.8. Nội dung chương trình 29

3.9. Hướng dẫn thực hiện 39

3.10. Kế hoạch giảng dạy dự kiến 40

3.11. Kế hoạch đào tạo toàn khóa dự kiến 44

PHẦN IV. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ KHOA HỌC ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO.....45

4.1 Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu 45

4.2. Danh sách giảng viên vận hành, giảng dạy chương trình đào tạo.....57

4.3. Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa.....69

4.4. Các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo 69

4.5. Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo.....84

PHẦN V. ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ VẬT CHẤT ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO 100

5.1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành đào tạo trình độ đại học 100

5.2. Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập của ngành đào tạo 101

5.3. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo 103

PHẦN VI. ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO.....122

6.1. Bộ máy quản lý cấp Khoa 122

6.2. Bộ môn quản lý chuyên môn.....123

PHẦN VII. KẾ HOẠCH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG 123

7.1. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý 123

7.2. Kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, đầu tư chi phí đào tạo.....124

7.3. Kế hoạch hợp tác quốc tế về đào tạo, tổ chức hội nghị, hội thảo và nghiên cứu khoa học 124

PHẦN VIII. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG, NGĂN NGỪA, XỬ LÝ RỦI RO TRONG MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO 126

8.1. Rủi ro trong mở ngành đào tạo.....126

8.2. Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro 126

PHẦN IX. ĐỀ NGHỊ VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN 127

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành: **Tài chính - Ngân hàng**

Mã ngành: **8340201**

Định hướng đào tạo: **Ứng dụng**

Trình độ đào tạo: **Thạc sĩ**

PHẦN I. MỘT SỐ THÔNG TIN CƠ BẢN GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu khái quát về Nhà trường

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp là trường công lập thuộc Bộ Công Thương, được thành lập theo Quyết định số 1206/QĐ-TTg ngày 11 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp I (tiền thân là Trường Trung cấp kỹ thuật III ra đời từ năm 1956). Nhà trường đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động theo Quyết định số 618/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2017.

1.1.1. Thông tin chung về Nhà trường

1) Tên Trường

- Tiếng Việt: Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp
- Tiếng Anh: University of Economics – Technology for Industries

2) Tên viết tắt của Trường

- Tiếng Việt: ĐHKT-KTCN
- Tiếng Anh: UNETI

3) Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Công Thương

4) Địa chỉ trường: Trường có hai cơ sở đào tạo

- Cơ sở Hà Nội: + Số 456 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội.
  + Số 218, Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội.
- Cơ sở Nam Định: + Số 353, Trần Hưng Đạo, TP Nam Định.

+ Mỹ Xá, TP Nam Định.

5) Thông tin liên hệ:

- Điện thoại: (024)38621504 Fax: (024) 38623938;

- Email: web@uneti.edu.vn; Website: www.uneti.edu.vn

6) Năm thành lập trường: 2007

7) Thời gian bắt đầu đào tạo:

- Đại học chính quy khóa 1: 9/2007; Đại học chính quy khóa 2: 9/2008; Đại học chính quy khóa 3: 9/2009; Đại học chính quy khóa: 9/2010; Đại học chính quy khóa 5: 9/2011; Đại học chính quy khóa 6: 9/2012; Đại học chính quy khóa 7: 9/2013; Đại học chính quy khóa 8: 9/2014; Đại học chính quy khóa 9: 9/2015; Đại học chính quy khóa 10: 9/2016; Đại học chính quy khóa 11: 9/2017; Đại học chính quy khóa 12: 9/2018; Đại học chính quy khóa 13: 9/2019; Đại học chính quy khóa 14: 9/2020; Đại học chính quy khóa 15: 9/2021; Đại học chính quy khóa 16: 9/2022.

8) Thời gian cấp bằng tốt nghiệp:

- Đại học chính quy khóa 1: 7/2011; khoá 2: 7/2012; khoá 3: 7/2013, khóa 4: 7/2014; khoá 5: 7/2015, khoá 6: 7/2016, khoá 7: 7/2017, khóa 8: 7/2018, khóa 9: 7/2019, khóa 10: 7/2020, khoá 11: 7/2021, khóa 12: 7/2022, khóa 12: 7/2023.

9) Loại hình trường đào tạo: Công lập

Quá trình hình thành và phát triển của Nhà trường: Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp (tên tiếng Anh là University of Economics - Technology for Industries) là đơn vị giáo dục đào tạo trực thuộc Bộ Công Thương, có tiền thân là Trường Trung cấp kỹ thuật III thành lập năm 1956, sau đó được nâng cấp lên đại học tại Quyết định số 1206/QĐ-TTg ngày 11/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp I.

Với sứ mạng: Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp là cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng hoạt động theo cơ chế tự chủ; thực hiện các chức năng giáo dục – đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng đáp ứng mục tiêu xã hội và yêu cầu Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa đất nước. Qua hơn 65 năm xây dựng và trưởng thành, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp đã trở thành một trong những trường trọng điểm của Bộ Công Thương, đã và đang đào tạo nguồn nhân lực đa ngành, đa nghề, đa bậc học, cung cấp nguồn nhân lực cho các ngành, lĩnh vực Bộ quản lý.

Cơ cấu tổ chức của Nhà trường được xây dựng theo quy định của Bộ Công Thương, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), điều lệ trường đại học, phù hợp với điều kiện thực tế của trường, bao gồm 09 phòng (ban), 15 khoa, 06 trung tâm và được vận hành theo kiểu trực tuyến - chức năng. Lực lượng cán bộ, giảng viên, nhân viên được phát triển không ngừng cả về số lượng và chất lượng. Hiện nay đội ngũ cán bộ, giảng viên của trường là 767 người, với cơ cấu theo thâm niên công tác và độ tuổi hợp lý, được chuẩn hóa theo tiêu chuẩn quy định đối với trường đại học.

Hiện nay, Trường đang đào tạo 04 ngành trình độ thạc sĩ, 24 ngành ở trình độ đại học hệ chính quy, trong đó có ngành Tài chính - Ngân hàng.

Chương trình đào tạo của Nhà trường được xây dựng căn cứ trên các văn bản pháp quy của Bộ GD&ĐT, có sự tham gia của các nhà khoa học chuyên môn, chuyên gia, các tổ chức nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp. CTĐT định kỳ được điều chỉnh bổ sung theo chuẩn đầu ra để phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và cả nước, 100% CTĐT được thực hiện dưới hình thức học chế tín chỉ.

Cơ sở vật chất của Nhà trường hiện nay bao gồm 4 địa điểm làm việc, giảng dạy, thực hành/thực tập với tổng diện tích xấp xỉ 29 ha; trong đó có 328 phòng học với tỷ lệ 2.92m2/1SV, 60 phòng thực hành/thí nghiệm. Trường tích cực đầu tư kinh phí để trang bị các thiết bị tại các phòng thực hành với các loại máy móc hiện đại; hệ thống máy tính của trường đã được nối mạng ADSL, wireless đáp ứng nhu cầu dạy và học, nghiên cứu, tổ chức hội nghị, hội thảo và công tác quản lý điều hành.

Thư viện nhà trường được bố trí tại 02 cơ sở gồm 3 phòng đọc với 13.042 đầu tài liệu tương đương 61.853 bản (bao gồm giáo trình, sách tham khảo, sách tiếng việt, sách tiếng nước ngoài...) trên tổng diện tích 1.554m2, bố trí 336 chỗ ngồi cho người đọc, được kết nối internet và thư viện điện tử với các đơn vị khác. Vì vậy nguồn tài liệu đảm bảo cho cán bộ, giảng viên, sinh viên khai thác để phục vụ công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

Nhà trường đã đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội được 13 khóa đại học, 26 khóa cao đẳng hệ chính quy. Trong vòng 05 năm trở lại đây Nhà trường đã đào tạo được 23.530 người học, trong đó có 14199 SV đại học chính quy, 335 đại học không chính quy, 8896 cao đẳng. Hiện tại, số SV đang theo học tại trường là trên 16.756 người, trong đó sinh viên đại học chính quy chiếm tỷ trọng lớn.

Ngày 08 tháng 05 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 618/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp với mục tiêu: phát triển Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp thành trường đại học ứng dụng đa ngành, đa lĩnh vực, đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng theo các chuẩn mực khu vực và quốc tế; hoạt động tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình, trách nhiệm bảo đảm các đối tượng chính sách, đối tượng thuộc hộ nghèo có cơ hội học tập tại Trường. Đây chính là cơ hội quan trọng để Trường có điều kiện tiếp tục nâng cấp chất lượng, mở rộng quy mô, phát triển đào tạo trình độ cao theo định hướng nhu cầu xã hội, từ đó hoàn thành sứ mạng của mình, vươn lên thành một trong những cơ sở đào tạo trọng điểm của cả nước.

1.1.2. Các kết quả trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học

1. 1.2.1 Thành tựu trong hoạt động đào tạo

Trường đang đào tạo 24 CTĐT bậc đại học, 04 CTĐT bậc thạc sỹ. Trường đã cung cấp cho thị trường lao động cử nhân khối ngành kinh tế (Kế toán, Quản trị kinh doanh, Kinh doanh thương mại, Tài chính - Ngân hàng...) và khối ngành kỹ thuật (CNKT Cơ khí, CNKT Điện, Điện tử, Công nghệ thực phẩm, Điện tử viễn thông, Điều khiển và tự động hóa, vv…). Thương hiệu của Nhà trường luôn được giữ vững và ngày càng được nâng cao, kết quả tuyển sinh luôn đạt chỉ tiêu cho phép và đến nay nguồn tuyển sinh vẫn đang rất dồi dào. Quy mô của Trường hiện nay trên 16.756 SV. Trường luôn coi trọng công tác xây dựng chương trình, giáo trình và đề cương bài giảng để phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập.

Trường có quan hệ với các nước phát triển như Úc, Đài Loan, Hàn Quốc, vv... và các nước trong khối ASEAN như Lào, vv... Thời gian tới, Nhà trường tiếp tục đưa mối quan hệ với các đối tác quốc tế hiện có đi vào chiều sâu và mở rộng với các đối tác mới, như: Trường Đại học Western Sydney của Australia, Trường Đại học KHCN (NTUST), đại học Feng Chia, ĐHQG Hanbat Hàn Quốc, đại học TaYeh, học viện Lee Ming của Đài Loan; Trường Đại học quốc gia Lào, Trường Đại học Công nghệ thực phẩm Plovdiv của Bulgaria… Đặc biệt, Nhà trường đã tham gia và là thành viên chính thức của Hiệp hội Quốc tế các trường đại học về KHCN thực phẩm có trụ sở đặt tại Plovdiv Bulgaria, gồm 18 trường đại học từ các nước Pháp, Đức; Nga, Thổ Nhĩ Kỳ, Hy Lạp, Bulgaria; vv… với mục đích hợp tác và trao đổi về NCKH, hỗ trợ lẫn nhau về các CTĐT tiên tiến và hướng vào việc mở các lớp chất lượng cao trên tinh thần hợp tác đôi

bên cùng có lợi.

1.1.2.2. Về đội ngũ giảng viên

Tính đến thời điểm hiện nay, Nhà trường có 767 giảng viên cơ hữu và toàn thời gian; trong đó có 03 GS; 24 PGS (chiếm 3,5%); Tiến sĩ: 87 người (chiếm 11,3%); Thạc sĩ: 518 người (chiếm 67,5%) còn lại là GV đang học Cao học. Ngoài ra, cũng có 120 PGS, TS, ThS và kỹ sư có kinh nghiệm của các trường đại học, các viện và doanh nghiệp tham gia thỉnh giảng. Nhiều GV của Nhà trường là những chuyên gia có uy tín trong các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, đã tham gia các Hội đồng tư vấn, Hội đồng nghiệm thu cấp Sở, Bộ, Nhà nước.

1.1.2.3. Thành tựu trong hoạt động nghiên cứu khoa học

Cùng với công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường. Nhà trường luôn quan tâm khuyến khích công tác nghiên cứu khoa học trong toàn thể Cán bộ, giảng viên và học sinh/sinh viên. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của nhà trường được tăng theo từng năm và ngày càng có chất lượng hiệu quả, kết quả thống kê ở bảng 1.1 và bảng 1.2 dưới đây.

Bảng 1.1: Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong thời kỳ 2018-2023

STT	Phân loại đề tài	Số lượng					
		2018	2019	2020	2021	2022	2023
1	Đề tài cấp Nhà nước	-	-	-	-	1	1
2	Đề tài cấp Bộ và tương đương	3	2	-	1	2	2
3	Đề tài cấp trường	86	54	51	84	122	97
4	Tổng	93	57	52	85	126	100

(*) Đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Sở, cấp trường năm 2022 đang thực hiện

Số lượng các công trình NCKH của các cán bộ cơ hữu của nhà trường được được công bố trong 5 năm gần đây được tổng hợp trong bảng 1.2 dưới đây.

Bảng 1.2: Số lượng các bài báo khoa học đăng trên các tạp chí từ 2018-2023 của Nhà trường

STT	Loại tạp chí	Số lượng	

		2018	2019	2020	2021	2022	2023
1	Tạp chí KH quốc tế: (Trong đó có ngành TCNH)	9 (1)	68 (8)	127 (39)	78 (23)	70 (1)	54 (0)
2	Tạp chí KH Ngành trong nước: (Trong đó có ngành TCNH)	267 (33)	276 (37)	251 (17)	297 (49)	262 (43)	451 (83)
3	Tổng: (Trong đó có ngành TCNH)	276 (34)	344 (45)	378 (56)	375 (72)	332 (44)	505 (83)

1.1.3. Các cấp học và trình độ đào tạo của nhà trường hiện tại

Các ngành được đào tạo ở các cấp trình độ được thống kê từ bảng 1.3, bảng 1.4 dưới đây:

Bảng 1.3: Các ngành/chuyên ngành đào tạo Thạc sĩ.

STT	Mã số	Tên ngành	Ghi chú
1	8540101	Công nghệ thực phẩm	
2	8520201	Kỹ thuật Điện	
3	8340301	Kế toán	
4	8520103	Kỹ thuật cơ khí	

Bảng 1.4: Các ngành đào tạo Đại học

STT	Mã số	Tên ngành	Ghi chú
1	7540202	Công nghệ sợi, dệt	
2	7540204	Công nghệ dệt, may	
3	7540101	Công nghệ thực phẩm	
4	7480201	Công nghệ thông tin	
5	7510303	CNKT điều khiển và TĐH	
6	7510301	CNKT điện, điện tử	
7	7510302	CNKT điện tử - viễn thông	

8	7510201	CNKT cơ khí	
9	7340301	Kế toán	
10	7340101	Quản trị kinh doanh	
11	7340201	Tài chính - Ngân hàng	
12	7340121	Kinh doanh thương mại	
13	7480102	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	
14	7510203	CNKT cơ điện tử	
15	7220201	Ngôn ngữ Anh	
16	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
17	7340204	Bảo hiểm	
18	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	
19	7460108	Khoa học dữ liệu	
20	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính	
21	7340115	Marketing	
22	7510605	Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng	
23	7340302	Kiểm toán	
24	7810201	Quản trị khách sạn	

1.1.4. Các danh hiệu đã đạt được

Với các nỗ lực không ngừng nghỉ, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp đã được Đảng, Nhà nước và các cấp bộ, ngành ghi nhận và tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý:

- Huân chương Hồ Chí Minh (2016)

- 02 Huân chương Độc lập hạng Nhất (2011; 2005), 01 hạng Nhì (2001), 01 hạng Ba (1996), 2 Huân chương Lao động hạng Nhất (1985, 1992) 01 hạng Nhì (1981) và 02 hạng Ba (1960, 1962).

- Huân chương Tự do hạng Nhất của nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào (1981) và rất nhiều cờ thưởng, bằng khen của các cấp, các ngành…

- Công đoàn Trường đã được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba (2005); Đoàn Thanh niên được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhì (2004) và hạng

Ba (1999).

1.2. Giới thiệu khái quát về Khoa Tài chính - Ngân hàng và Bảo hiểm

Khoa Tài chính - Ngân hàng và Bảo hiểm tiền thân là Ban Kinh tế của Trường Kỹ thuật công nghiệp nhẹ Nam Định, được thành lập từ năm 1986. Sau các giai đoạn nâng cấp và đổi tên, Khoa Tài chính - Ngân hàng được thành lập, trực thuộc Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp theo Quyết định số 274/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 14 tháng 5 năm 2012. Năm 2022 khoa mở thêm ngành đào tạo đại học là Bảo hiểm và được đổi tên thành khoa Tài chính - Ngân hàng và Bảo hiểm theo quyết định số 346/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 31 tháng 5 năm 2022.

Khoa Tài chính - Ngân hàng và Bảo hiểm Trường ĐHKTKTCN hiện tại có 50 GV bao gồm GV cơ hữu và giảng viên toàn thời gian với hai tổ bộ môn:

1) Bộ môn Tài chính doanh nghiệp: 26 giảng viên cơ hữu

2) Bộ môn Ngân hàng và Bảo hiểm: 24 giảng viên cơ hữu

Khoa Tài chính - Ngân hàng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp được thành lập từ năm 2012 trên cơ sở tách ra từ khoa Kinh tế pháp chế, đổi tên từ năm 2022 thành khoa Tài chính - Ngân hàng và Bảo hiểm. Kể từ khi thành lập đến nay, với vai trò là đầu mối đào tạo, Khoa Tài chính - Ngân hàng và Bảo hiểm đã và đang tham gia đào tạo 15 khóa đại học chính quy, 27 khóa cao đẳng chính quy và nhiều khóa đại học liên thông. Lưu lượng sinh viên theo học ngành Tài chính - Ngân hàng trong trường khoảng 800-1000 sinh viên mỗi năm. Sinh viên Khoa Tài chính - Ngân hàng được tiếp cận chương trình đào tạo hiện đại, gắn liền giữa lý luận và thực tiễn; Được trang bị các kỹ năng chuyên ngành hoàn toàn do các chuyên gia giảng dạy, do đó, có khả năng và tự tin đảm nhiệm ngay công việc chuyên môn sau khi tốt nghiệp; Được chú trọng phát triển những kỹ năng mềm cũng như phát huy những điểm mạnh của bản thân, thích nghi nhanh và hội nhập với mọi môi trường công tác. 100% sinh viên được Khoa giới thiệu địa điểm học việc, thực tập cuối khóa và cơ hội việc làm sau khi ra trường. Nhiều sinh viên sau khi tốt nghiệp đã tìm được cho mình những vị trí công tác phù hợp với chuyên ngành được đào tạo và có khả năng thăng tiến cao trong công việc.

Nhiệm vụ chính của Khoa Tài chính - Ngân hàng và Bảo hiểm là thực hiện hoạt động giảng dạy trình độ đại học theo chuyên ngành chuyên sâu đồng thời thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học dưới nhiều hình thức khác nhau như: Tham gia các đề tài khoa học cấp nhà nước, cấp ngành, cấp Trường, cấp Khoa; Chủ biên và đồng tác giả các

giáo trình chuyên ngành; tham gia hướng dẫn và phản biện luận văn Thạc sĩ; Dịch và biên soạn tài liệu; Viết bài cho các báo và tạp chí chuyên ngành; Tổ chức hội thảo khoa học trong giảng viên, sinh viên… Khoa Tài chính - Ngân hàng và Bảo hiểm có đội ngũ giảng viên vững vàng về chuyên môn, tâm huyết với nghề nghiệp, giàu kinh nghiệm trong công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học, được đào tạo bài bản trong và ngoài nước. Đặc biệt Khoa có đội ngũ giảng viên trẻ nhiệt tình, năng nổ, và có tiềm năng phát triển tốt. Tổng số giảng viên trong khoa tính đến tháng 12/2023 là 50 người, 100% cán bộ giảng viên trong khoa có trình độ từ thạc sỹ trở lên, trong đó có 1GS, 1 PGS, 10 tiến sĩ (24%), 38 thạc sỹ (76%).

Chương trình đào tạo của Khoa Tài chính - Ngân hàng và Bảo hiểm hàng năm đều được xây dựng và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội và phù hợp với điều kiện cũng như xu hướng hội nhập quốc tế. Hướng đến tương lai, Khoa Tài chính - Ngân hàng và Bảo hiểm sẽ trở thành một trung tâm đào tạo, nghiên cứu và tư vấn về khoa học Tài chính - Ngân hàng có uy tín ngang tầm với các cơ sở đào tạo đại học trong nước và khu vực châu Á. Cung cấp cho người học môi trường giáo dục đại học và nghiên cứu khoa học tốt, có tính chuyên môn cao; đảm bảo cho người học khi tốt nghiệp có đủ năng lực cạnh tranh và thích ứng nhanh với nền kinh tế toàn cầu.… Các kỹ năng nghề nghiệp được lựa chọn đưa vào trong chương trình đào tạo đều dựa trên các khảo sát, đánh giá từ các doanh nghiệp và nền kinh tế ổn định, có tiềm năng phát triển đúng định hướng của Chính phủ và xã hội.

Xác định được nghiên cứu khoa học là một nhiệm vụ trọng tâm của giảng viên bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy, tất cả cán bộ, giảng viên thuộc Khoa Tài chính - Ngân hàng và Bảo hiểm đều tích cực tham gia hoạt động nghiên cứu. Với phương châm đào tạo phải gắn liền với nghiên cứu khoa học, công tác nghiên cứu khoa học luôn được hoàn thành xuất sắc với mục tiêu tìm tòi, khám phá, phát hiện và cập nhật những tri thức mới. Ngoài việc đảm bảo định mức, việc tham gia nghiên cứu khoa học còn giúp cho các cán bộ giảng viên của Khoa không ngừng trau dồi kiến thức thực tiễn và năng lực nghiên cứu, ứng dụng vào công tác giảng dạy. Hoạt động nghiên cứu của sinh viên cũng được Khoa quan tâm và chú trọng, có nhiều đề tài do sinh viên tham gia.

Trong các năm từ 2019 - 2023, Khoa Tài chính - Ngân hàng và Bảo hiểm đã có nhiều bài báo khoa học có chất lượng đăng trên các tạp chí khoa học uy tín cũng như các kỷ yếu hội thảo trong và ngoài nước. Hàng năm, khoa cũng tổ chức nhiều hội thảo

khoa học giảng viên và sinh viên, thu hút được sự quan tâm của sinh viên và giảng viên không chỉ của khoa mà còn của Trường.

Để tiếp tục những thành tích đã đạt được trong thời gian qua, Khoa Tài chính - Ngân hàng và Bảo hiểm vẫn tiếp tục nỗ lực phấn đấu trong nghiên cứu khoa học để có được các công trình nghiên cứu ngày càng có chất lượng tốt hơn và có tính ứng dụng tốt hơn vào hoạt động giảng dạy nói riêng và ứng dụng vào thực tiễn nền kinh tế nói chung.

Đồng thời, Khoa Tài chính - Ngân hàng và Bảo hiểm đang chủ trương mở rộng và đổi mới các chương trình đào tạo không chỉ trong phạm vi trong nước mà hướng tới phạm vi quốc tế và khu vực. Trước mắt tăng cường các hoạt động hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước về cung ứng các dịch vụ đào tạo đã có, triển khai các chuyên đề mới như mua bán sáp nhập doanh nghiệp, nghiệp vụ thu, tăng cường hợp tác trong nghiên cứu khoa học…

Khoa Tài chính - Ngân hàng và Bảo hiểm luôn quan tâm đến xây dựng môi trường để sinh viên chủ động học tập và rèn luyện, tạo cơ hội tiếp thu tối đa những kiến thức trong quá trình học và tự học. Khoa có các bộ phận trợ lý, các cố vấn học tập, cùng với Liên Chi đoàn, Liên Chi hội, câu lạc bộ Tài chính - Ngân hàng (FBC) trẻ luôn đồng hành và hỗ trợ các sinh viên trong suốt quá trình học tập và rèn luyện của mình để hoàn thiện cả về phẩm chất đạo đức, kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cũng như các kỹ năng sống khác.

Lưu lượng sinh viên theo học ngành Tài chính - Ngân hàng và Bảo hiểm tại khoa khoảng 1500-2000 sinh viên mỗi năm. Nhiều sinh viên sau khi tốt nghiệp đã tìm được cho mình những vị trí công tác phù hợp với chuyên ngành được đào tạo và có khả năng thăng tiến cao trong công việc.

Trong thời gian học tập tại trường, sinh viên của Khoa Tài chính - Ngân hàng và Bảo hiểm được trang bị một hệ thống kiến thức khá toàn diện về kiến thức chuyên ngành. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đạt loại khá, giỏi đạt trên > 70% số sinh viên tốt nghiệp hàng năm, >80% sinh viên ra trường có việc làm ngay trong 6 tháng, >95% có việc làm sau 1 năm.

Khoa Tài chính - Ngân hàng và Bảo hiểm luôn vững bước đi lên trong quá trình đào tạo và phát triển cùng với nhiều chuyên ngành tại Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp, luôn nỗ lực phấn đấu trở thành một địa chỉ tin cậy của nhiều sinh viên, các tổ chức và cá nhân trong nền kinh tế.

Năm 2019, CTĐT ngành Tài chính - Ngân hàng đã đạt chuẩn kiểm định chất lượng quốc gia theo Quyết định số 26/QĐ-KDCLGD, ngày 06/3/2020; do Trung tâm Kiểm định chất lượng trực thuộc Hiệp hội các Trường Đại học, Cao đẳng Việt Nam đánh giá.

Song song với nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, các giảng viên, sinh viên Khoa Tài chính - Ngân hàng và Bảo hiểm đã và đang tạo lập nhiều mối quan hệ hợp tác với các cơ sở đào tạo, các doanh nghiệp, các tổ chức trong và ngoài nước để nâng cao chất lượng đào tạo, giao lưu học hỏi, nâng cao kiến thức nhằm đáp ứng yêu cầu chất lượng trong bối cảnh hiện nay của đất nước. Hiện tại, Khoa Tài chính - Ngân hàng và Bảo hiểm đang có liên hệ mật thiết với nhiều khoa cùng chuyên ngành của các trường đại học, hơn 20 doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội, Nam Định và các tỉnh lân cận trong các hoạt động về hợp tác nghiên cứu khoa học, phối hợp đào tạo, thực hành thực tập... Các mối liên hệ này là cơ sở nền tảng giúp Khoa Tài chính - Ngân hàng và Bảo hiểm có thể triển khai sâu rộng lĩnh vực đào tạo hiện có (Tài chính - Ngân hàng, Bảo hiểm) cũng như ngành đào tạo dự kiến mở mới (thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng).

PHẦN II. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

2.1. Sự phù hợp với chiến lược phát triển nguồn nhân lực và nhu cầu nguồn nhân lực của ngành, địa phương, vùng, quốc gia

Thứ nhất, phù hợp với chiến lược phát triển thị trường tài chính của Việt Nam.

- Theo Quyết định số 986/QĐ-TTg ngày 08 tháng 08 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

- Theo Quyết định số 242/QĐ-TTg ngày 28 tháng 2 năm 2019 phê duyệt Đề án cơ cấu lại thị trường chứng khoán (TTCK) và thị trường bảo hiểm định hướng đến năm 2025 phê duyệt chiến lược phát triển ngành ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Căn cứ vào Quyết định số 1446/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2021 về việc phê duyệt Chương trình "Đào tạo, đào tạo lại nâng cao kỹ năng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư" do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát, dự báo nhu cầu nhân lực Việt Nam đến năm 2030 phù hợp chiến lược phát triển và điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước; tổng hợp nhu cầu nhân lực qua đào tạo trong các doanh nghiệp FDI phục vụ đào tạo, đào tạo lại lao

động. Đồng thời, tổng hợp kế hoạch kinh phí triển khai Chương trình thuộc nguồn kinh phí các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn ODA, các chương trình dự án sử dụng nguồn vốn hợp pháp khác để trình cấp thẩm quyền phê duyệt. Mặt khác theo quy hoạch và chiến lược phát triển nguồn nhân lực thời kỳ 2011-2020 của Chính phủ, số nhân lực qua đào tạo ở bậc trên đại học đạt 200 nghìn người vào năm 2015 và 300 nghìn người vào năm 2020 (Quyết định số 1216/QĐ-TTg, ngày 22/07/2011 của Thủ tướng Chính phủ) đã xác định các nội dung cụ thể cần thực hiện để phát triển các dịch vụ Tài chính – Ngân hàng: Phát triển dịch vụ Tài chính – Ngân hàng gắn với hội nhập thị trường tài chính; Phát triển dịch vụ Tài chính – Ngân hàng gắn với công nghệ 4.0; Phát triển dịch vụ Tài chính – Ngân hàng gắn với tài chính toàn diện; Phát triển dịch vụ Tài chính - Ngân hàng gắn với tài chính xanh. Việc phát triển dịch vụ Tài chính – Ngân hàng cần sự sáng tạo để thích ứng với quá trình tự do hóa và toàn cầu hóa, tiến tới tài chính toàn diện vào năm 2030, bảo đảm mọi thành phần trong nền kinh tế có cơ hội tiếp cận đầy đủ, thuận tiện với các dịch vụ Tài chính– Ngân hàng làm chủ được các tiến bộ công nghệ.

Thứ hai, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực Tài chính - Ngân hàng tại Việt Nam hiện nay.

Việt Nam đang trong thời kỳ của hội nhập quốc tế thông qua sự hình thành của cộng đồng Asean và các hiệp định tự do thương mại thế hệ mới, có được các kiến thức nghề nghiệp và kỹ năng phù hợp, có nghĩa là Việt Nam sẽ đáp ứng tốt và hưởng lợi từ việc phát triển và sẽ là nơi hấp dẫn cho các doanh nghiệp từ khắp nơi trên thế giới đến đầu tư. Việc không ngừng đổi mới giáo dục và dạy nghề là mục tiêu quan trọng của Chiến lược phát triển kinh tế xã hội quốc gia, yêu cầu cải tiến chất lượng lực lượng lao động sẽ là mấu chốt để tiếp tục hiện đại hóa nền kinh tế và phát triển bền vững tại Việt Nam.

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang tác động sâu rộng đến mọi ngành nghề trong xã hội. Tài chính - Ngân hàng cũng không nằm ngoài guồng ảnh hưởng đó. Tác động dễ nhận thấy nhất chính là các ngân hàng đang phát triển theo hướng đa dạng hình thức, ứng dụng số hóa, phần mềm và công nghệ thông tin vào quản lý và giao dịch. Trong bối cảnh đó, vấn đề nguồn nhân lực được xem là nền tảng phát triển bền vững cho các ngân hàng, tổ chức tài chính. Theo các chuyên gia dự báo, giai đoạn 2020

- 2025, nhu cầu nhân lực cấp cao cho ngành Tài chính - Ngân hàng tăng 20% mỗi năm, chiếm tỉ trọng 5% trong tổng số việc làm cần tuyển hàng năm, trong đó, trình độ đại học, cao đẳng trở lên chiếm tỉ lệ 80,4% nhu cầu tuyển dụng. Do tính chất rộng lớn của ngành bao gồm nhiều lĩnh vực khác nhau như: tài chính doanh nghiệp, ngân hàng, tài chính thuế, tài chính bảo hiểm... mà nhu cầu nhân lực cho ngành này luôn nằm trong "top" đầu. Tại nhiều địa phương có ngành tài chính – ngân hàng phát triển mạnh, thường xuyên có tình trạng "vừa thừa vừa thiếu" nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao. Vì vậy, cùng với chủ trương phát triển ngành Tài chính – Ngân hàng trở thành mũi nhọn tài chính khu vực khi vươn tầm quốc tế thì vấn đề đáp ứng nguồn nhân lực Tài chính - Ngân hàng chất lượng cao là rất cấp thiết nhằm phát triển và nâng cao nguồn nhân lực Tài chính - Ngân hàng cả về chất và lượng.

2.2. Sự phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược phát triển của Nhà trường

Sứ mạng của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp được khẳng định trong Chiến lược phát triển giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn 2030 đó là "Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp là cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng hoạt động theo cơ chế tự chủ; thực hiện các chức năng giáo dục - đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa đất nước".

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp là trường đại học đã có bề dày 65 năm kinh nghiệm trong đào tạo nguồn nhân lực kinh tế - xã hội, đặc biệt đối cho các ngành then chốt về kinh doanh thương mại, Quản trị kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng và bảo hiểm… Hướng đào tạo nguồn nhân lực cử nhân kinh tế của Trường cũng tập trung chủ yếu vào mục tiêu khai thác, ứng dụng, quản lý, nghiệp vụ đảm bảo cho an toàn xã hội... Vì vậy, đề án mở ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ thạc sĩ trong thời điểm hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn và trong cả nước với các lợi thế rõ ràng như sau:

- Tận dụng được hệ thống cơ sở vật chất, kinh nghiệm sẵn có trong đào tạo các ngành Tài chính - Ngân hàng, Bảo hiểm, phân tích dữ liệu, công nghệ thông tin vào đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng - trình độ Thạc sĩ.

- Đáp ứng đúng mục tiêu trong chiến lược phát triển và định hướng trong đào tạo của Trường là đào tạo định hướng nghề nghiệp.

- Đáp ứng đúng nhu cầu của xã hội về nguồn nhân lực ngành Tài chính - Ngân hàng - trình độ Thạc sĩ qua khảo sát, phân tích, đánh giá các đặc điểm và ưu thế cũng như nhu cầu của người học về ngành Tài chính - Ngân hàng - trình độ Thạc sĩ; xuất phát từ nhu cầu phát triển thực tế của đất nước, của bản thân Trường, Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp nhận thấy việc đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng - trình độ Thạc sĩ là cần thiết bởi các lý do sau đây:

1) Giáo dục Việt Nam đang đổi mới cơ bản và toàn diện theo hướng hội nhập sâu rộng và tiếp cận thông tin và tri thức thế giới;

2) Hoạt động công nghệ trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng ngày càng đa dạng và phức tạp, nhu cầu học ngành Tài chính - Ngân hàng - trình độ Thạc sĩ để đáp ứng yêu cầu của công việc trong thời kỳ hội nhập giai đoạn hiện nay vẫn là một nhu cầu rất lớn.

Về phía năng lực đào tạo, Trường có những thế mạnh sau đây:

3) Trường có đội ngũ giảng viên vững mạnh về số lượng, đảm bảo về chất lượng để tổ chức đào tạo, trong đó có đủ giảng viên cơ hữu có trình độ từ tiến sĩ trở lên tham gia giảng dạy 70% khối lượng chương trình đào tạo. Bên cạnh đó, Trường cũng có một lực lượng giảng viên thỉnh giảng đủ bằng cấp và kinh nghiệm;

4) Trường đã có quá trình và kinh nghiệm đào tạo chuyên ngành kinh tế, công nghệ trong hơn 15 năm;

5) Trường đã chuẩn bị tốt cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ mở ngành Tài chính - Ngân hàng - trình độ Thạc sĩ;

6) Trường đã tự chủ theo Quyết định số 618/QĐ-TTg ngày 08 tháng 05 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

7) Khoa Tài chính - Ngân hàng và Bảo hiểm đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo theo quy định mở ngành đào tạo Thạc sĩ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

8) Trong quá trình hoạt động Trường và khoa luôn chấp hành nghiêm chỉnh các quy chế và đã đúc kết được nhiều kinh nghiệm đào tạo.

Với kinh nghiệm và uy tín đào tạo trong những năm qua, Trường Đại học Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp tin tưởng rằng, việc mở ngành đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng - trình độ Thạc sĩ góp phần giải quyết sự thiếu hụt nhân lực về Tài chính - Ngân hàng - trình độ Thạc sĩ.

Từ các lý do trên, Khoa Tài chính - Ngân hàng và Bảo hiểm lập đề án đề nghị Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp cấp phép mở ngành đào tạo Tài chính - Ngân hàng - trình độ Thạc sĩ .

Trong giai đoạn này, để phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng Sông Hồng và chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến 2030, Nhà trường đã không ngừng nâng cao chất lượng giảng dạy ở các bậc Đại học; đồng thời mở thêm các ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ điển hình như Nhà trường hiện đang tiến hành đào tạo Thạc sĩ ngành Công nghệ Thực phẩm, Thạc sĩ ngành Kỹ thuật Điện và Thạc sĩ ngành Kế toán, Thạc sĩ kỹ thuật cơ khí. Việc mở thêm các ngành đào tạo Thạc sĩ giúp Nhà trường ngày càng nâng cao vị thế trên bản đồ các trường đại học ở Việt Nam từ đó giúp Nhà trường không ngừng phát triển, nâng tầm thương hiệu

2.3. Phân tích, thuyết minh về nhu cầu đào tạo, nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực trình độ Thạc sĩ ngành Tài chính - Ngân hàng

Phát triển nguồn nhân lực có tầm quan trọng đặc biệt, là một trong những yếu tố quyết định thành công hay thất bại trong hoạt động kinh doanh. Chuyển đổi số là thực tiễn tất yếu, đưa kinh tế - xã hội phát triển, đem đến cho con người một cuộc sống mới, hiện đại hơn. Khoảng cách cung và cầu về nhân lực cho chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và chất lượng nguồn nhân lực là vấn đề xuất hiện ở nhiều quốc gia trên thế giới. Tại Việt Nam, để đạt được các mục tiêu trong quá trình chuyển đổi số ở lĩnh vực tài chính, đặt ra trong "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030", ngày 3-6-2020, của Chính phủ, cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp.

Bên cạnh đó, CMCN 4.0 và xu hướng chuyển đổi số đang làm thay đổi nhanh chóng mô hình nghiệp vụ, kinh doanh của lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng nói riêng và

nền kinh tế nói chung. Các tổ chức doanh nghiệp lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng truyền thống đang dần thích ứng, tích hợp các công nghệ số mới như điện toán đám mây (Cloud Computing), dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain)... vào sản phẩm, dịch vụ, nghiệp vụ nội bộ của mình. Qua đó, cung ứng nhiều dịch vụ đổi mới sáng tạo, cá nhân hóa cao hơn và tăng cường trải nghiệm xuyên suốt, liền mạch hơn cho khách hàng, dẫn đến những tác động mạnh mẽ về cấu trúc lao động. Việt Nam là quốc gia có sự phát triển kinh tế số nhanh nhất khu vực Đông Nam Á, dự kiến đến năm 2030, nền kinh tế số sẽ mở rộng hơn hiện tại gấp 11 lần, sự tăng trưởng này sẽ diễn ra đồng đều ở tất cả các ngành, như thương mại điện tử, logistics, du lịch, đặc biệt là ngành Tài chính - Ngân hàng. Để đối mặt với những thay đổi này, thị trường lao động, giáo dục và các chính sách của nhà nước cần được điều chỉnh để thúc đẩy người lao động nâng cao kỹ năng thích ứng, di chuyển lao động, các chương trình đào tạo chuyên nghiệp và hỗ trợ lao động.

Do yêu cầu chuyển đổi số, các tổ chức TCNH sẽ xuất hiện ngày càng nhiều nhu cầu về những vị trí việc làm đòi hỏi sự thích nghi với công nghệ và nhân lực ở trình độ cao. Điều này có thể dẫn đến nguy cơ thiếu hụt nhân lực cấp cao trong ngành TCNH. Tại các quốc gia Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam cũng như toàn thế giới, việc giữ chân và thu hút nhân tài kỹ thuật chất lượng cao được coi là một trong những thách thức phổ biến nhất mà các ngân hàng và tổ chức tài chính phải đối mặt. Dự báo đến 2025, nhu cầu nhân lực cấp cao ngành TCNH sẽ tăng khoảng 20%/năm, trong đó, trình độ đại học trở lên, cao đẳng chiếm tỷ lệ 80,4% nhu cầu tuyển dụng.

Theo thống kê, tính đến thời điểm cuối 2022, lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, cụ thể là ngân hàng có thể ước tính có 456.614 người, với cơ cấu trình độ như sau: Tiến sĩ là 569 người, chiếm 0,16%; Thạc sĩ là 20.286 người, chiếm 5,85%; Đại học là 263.927 người, chiếm 76,16%; Quy mô nguồn nhân lực của ngành Tài chính - Ngân hàng được mở rộng, số lượng nhân lực liên tục tăng qua các năm đáp ứng được việc tăng quy mô hoạt động mở rộng màng lưới kinh doanh. Chất lượng nguồn nhân lực của lĩnh vực kinh tế Tài chính - Ngân hàng ngày càng cao: năng lực, trình độ chuyên môn, trình độ công nghệ của cán bộ được nâng lên không chỉ ở năng lực thực tiễn, kỹ năng, kết cấu về trình độ, bằng cấp thay đổi mà quan trọng hơn, hầu hết đội ngũ cán bộ đã dần thoát khỏi tư duy bao cấp, định hình tư duy kinh doanh với nhận thức, hiểu biết cơ bản về kinh tế Tài chính - Ngân hàng hiện đại.

Vấn đề phát triển nguồn nhân lực ngành Tài chính - Ngân hàng luôn có tính cấp thiết, đảm bảo sự phát triển bền vững của ngành cũng như đáp ứng nhu cầu đổi mới của kinh tế - xã hội. Với thời đại kinh tế số, xã hội số thì năng lực số là một trong những kĩ năng bắt buộc đối với nhân lực ngành Tài chính - Ngân hàng.

Các tổ chức thuộc lĩnh vực tài chính - ngân hàng đang thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số một cách toàn diện, tạo điều kiện cho nhân viên có cơ hội tiếp cận với các sản phẩm số, các ứng dụng số hay môi trường làm việc số. Trên cơ sở đó, tạo động lực (áp lực) cần thiết phải thay đổi, phải trau dồi kiến thức, kĩ năng số để tiếp tục tham gia vào hoạt động của tổ chức. Nâng cao năng lực nguồn nhân lực được coi là một trong các nhiệm vụ quan trọng của ngành Tài chính - Ngân hàng trong thời điểm hiện nay.

Để phục vụ cho việc mở ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng, Khoa Tài chính - Ngân hàng và Bảo hiểm, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp đã tiến hành khảo sát để phân tích đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng của các đơn vị sử dụng lao động, các chuyên gia; nhu cầu học tập nâng cao trình độ của sinh viên, cựu sinh viên và ý kiến của các giảng viên Khoa Tài chính - Ngân hàng và Bảo hiểm của Nhà trường về sự cần thiết của việc mở ngành đào tạo Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng.

- Mục tiêu khảo sát: Nhận biết thực trạng về nguồn nhân lực Tài chính - Ngân hàng tại các đơn vị được khảo sát, nhu cầu tuyển dụng đối với lao động trình độ Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng về số lượng và chất lượng đáp ứng các yêu cầu đối với vị trí việc làm tại đơn vị; nhu cầu học tập nâng cao trình độ của sinh viên, cựu sinh viên; đánh giá sự cần thiết của việc mở ngành đào tạo Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng.

- Đối tượng khảo sát: Đại diện các đơn vị sử dụng lao động, tổ chức xã hội nghề nghiệp, các chuyên gia trong lĩnh vực cơ khí, sinh viên năm cuối, cựu sinh viên Khoa Tài chính - Ngân hàng và Bảo hiểm; các giảng viên Khoa Tài chính - Ngân hàng và Bảo hiểm Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

- Phương pháp khảo sát: Phiếu khảo sát được thiết kế với nội dung các câu hỏi phù hợp với mục đích khảo sát của từng đối tượng. Phiếu khảo sát sau khi được gửi đến các đối tượng khảo sát sẽ được thu về và kiểm tra tính hợp lệ; sau đó tiến hành tổng hợp và phân tích thông tin thu được.

- Hình thức khảo sát: Khảo sát bằng hình thức phát phiếu trực tiếp.

- Số lượng phiếu khảo sát: 221 phiếu. Thu về 210 phiếu khảo sát hợp lệ. Trong đó có 60 phiếu khảo sát cho đối tượng doanh nghiệp, 05 tổ chức xã hội, 11 chuyên gia, 24 giảng viên và 40 phiếu khảo sát sinh viên năm cuối và 70 cựu sinh viên của Khoa Tài chính - Ngân hàng và Bảo hiểm Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

- Kết quả khảo sát chung:

Kết quả khảo sát đối với doanh nghiệp, tổ chức xã hội, chuyên gia và giảng viên cho thấy 97/ 100= 97% đối tượng được khảo sát đồng ý với quan điểm cần bổ sung thêm nhân lực chất lượng tốt cho ngành cơ khí.

Kết quả khảo sát đối với trên 110 sinh viên năm cuối và cựu sinh viên của Khoa Tài chính - Ngân hàng và Bảo hiểm Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp cho thấy: có 98/110= 89,09% số phiếu khảo sát đồng ý với quan điểm có nhu cầu học ngành Tài chính - Ngân hàng, trình độ thạc sĩ.

2.3.1. Kết quả khảo sát trong các doanh nghiệp

Mục tiêu khảo sát: Doanh nghiệp là các đơn vị sử dụng lao động, hàng năm có nhu cầu tuyển dụng nhân lực trong lĩnh vực cơ khí; chính vì vậy đây được coi là đối tượng chính mà các cơ sở đào tạo hướng tới khi xây dựng chương trình đào tạo Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng. Để phục vụ cho việc mở ngành đào tạo Tài chính - Ngân hàng trình độ Thạc sĩ, Nhà trường đã tiến hành thu thập, khảo sát về nhu cầu tuyển dụng nguồn nhân lực ngành Tài chính - Ngân hàng có trình độ cao tại doanh nghiệp, đánh giá chất lượng đối với nguồn nhân lực ngành Tài chính - Ngân hàng tại doanh nghiệp và khảo sát về kế hoạch mở ngành đào tạo Tài chính - Ngân hàng trình độ Thạc sĩ tại Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Số lượng phiếu khảo sát: 60 doanh nghiệp

Kết quả khảo sát: Phát ra 63 phiếu, thu về 60 phiếu hợp lệ, với kết quả như sau: Số lượng phiếu khảo sát đồng ý với quan điểm cần bổ sung thêm nhân lực trình độ cao cho ngành Tài chính - Ngân hàng, 60/60= 100% phiếu khảo sát đồng ý kế hoạch mở ngành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp; 57/60 =93% phiếu khảo sát đồng ý với quan điểm có nhu cầu tuyển dụng Thạc sĩ ngành Tài chính - Ngân hàng. (mục I)

Ý kiến đánh giá về thực trạng nguồn nhân lực trình độ Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng tại các doanh nghiệp được khảo sát cho thấy: Hầu hết các đơn vị được khảo sát đều cảm thấy khó khăn trong việc tuyển dụng lao động có tay nghề, quản lý cấp trung và chuyên gia. Trong đó, mức độ đánh giá khó khăn trong việc tuyển dụng chuyên gia ở mức cao nhất. Chất lượng nguồn nhân lực Tài chính - Ngân hàng hiện tại cũng được đánh giá chưa cao, trình độ chuyên môn của nhân lực Tài chính - Ngân hàng các doanh nghiệp vẫn còn hạn chế.

Trả lời cho câu hỏi yêu cầu về trình độ chuyên môn nhân lực Tài chính - Ngân hàng tương lai, có 70% ý kiến đồng ý cho rằng yêu cầu về trình độ chuyên môn nhân lực Tài chính - Ngân hàng tương lai là Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng. Như vậy, có thể nói nhu cầu về nguồn nhân lực có trình độ cao của ngành Tài chính - Ngân hàng ở mức cao, đặt ra yêu cầu các cơ sở đào tạo phải xây dựng chương trình đào tạo thạc sỹ ngành Tài chính - Ngân hàng để đáp ứng được nhu cầu về nhân lực cho xã hội.

2.3.2. Kết quả khảo sát đối với các tổ chức xã hội nghề nghiệp

Các tổ chức xã hội là những đơn vị thường có nhu cầu cao sử dụng nhân lực ngành Tài chính - Ngân hàng có chất lượng. Do đó, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp đã tiến hành khảo sát, điều tra tại 5 tổ chức xã hội khác nhau. Với mục tiêu khảo sát, điều tra về chất lượng nguồn nhân lực Tài chính - Ngân hàng cũng như nhu cầu tuyển dụng lao động nguồn nhân lực ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ thạc sĩ trong tương lai.

Số phiếu điều tra phát ra 5 phiếu, thu về 5 phiếu hợp lệ, với kết quả như sau: 100% các đại diện tổ chức xã hội đồng ý với quan điểm cần bổ sung thêm nhân lực chất lượng cao cho ngành Tài chính - Ngân hàng; 100% Phiếu khảo sát đồng ý kế hoạch mở ngành đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

2.3.3. Kết quả khảo sát đối với các chuyên gia

Mục tiêu khảo sát: Việc khảo sát các chuyên gia trong lĩnh vực kỹ thuật Tài chính - Ngân hàng nhằm đánh giá nhu cầu tuyển dụng nguồn nhân lực ngành Tài chính - Ngân hàng tại doanh nghiệp, đánh giá chất lượng nguồn nhân lực ngành Tài chính - Ngân hàng và khảo sát về kế hoạch mở ngành đào tạo Tài chính - Ngân hàng trình độ Thạc sĩ tại Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Số phiếu khảo sát phát ra: 11 phiếu khảo sát, thu về cả 11 phiếu khảo sát hợp lệ. 11/11=100% các chuyên gia được khảo sát đồng ý với quan điểm cần bổ sung thêm nhân lực chất lượng tốt cho ngành Tài chính - Ngân hàng; 11/11=100% phiếu khảo sát đồng ý kế hoạch mở ngành đào tạo Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp và có 9/11 = 81,8% phiếu khảo sát đồng ý với quan điểm có nhu cầu tuyển dụng Thạc sĩ ngành Tài chính - Ngân hàng trong tương lai. Bên cạnh đó, trả lời câu hỏi về tầm quan trọng của việc học tập nâng cao trình độ nhân lực ngành Tài chính - Ngân hàng, các chuyên gia đều cho rằng, việc bắt buộc thường xuyên nâng cao trình độ chuyên môn cho nhân lực ngành Tài chính - Ngân hàng là rất cần thiết.

Do đó, là một cơ sở đào tạo, việc mở ngành đào tạo Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng tại Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp để đáp ứng nhu cầu học tập nâng cao trình độ nguồn nhân lực Tài chính - Ngân hàng là hết sức có ý nghĩa.

2.3.4. Kết quả khảo sát đối với giảng viên

Mục tiêu của việc khảo sát các giảng viên của Khoa Tài chính - Ngân hàng và Bảo hiểm nhằm đánh giá chất lượng đào tạo nhân lực Tài chính - Ngân hàng và khả năng đáp ứng yêu cầu mở ngành đào tạo Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng của Khoa trong thời gian tới.

Số phiếu điều tra phát ra: 24 phiếu, thu về 24 phiếu hợp lệ. Kết quả khảo sát cho thấy có 24/24 = 100% phiếu khảo sát đồng ý với quan điểm cần bổ sung thêm nhân lực chất lượng tốt cho ngành Tài chính - Ngân hàng; 100% Phiếu khảo sát đồng ý kế hoạch mở ngành Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

2.3.5. Kết quả khảo sát đối sinh viên năm cuối

Sinh viên năm cuối được coi là những đối tượng có thể có nhu cầu, mong muốn học tập nâng cao trình độ. Do đó, việc khảo sát lấy ý kiến của sinh viên năm cuối của Nhà trường được coi là việc làm rất quan trọng của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp trong việc xây dựng kế hoạch mở ngành đào tạo Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng. Mục đích của việc khảo sát đối với sinh viên năm cuối của Khoa Tài chính - Ngân hàng và Bảo hiểm Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp nhằm khảo sát, đánh giá nhu cầu tiếp tục học tập nâng cao trình độ và nguyện vọng học chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Tài chính - Ngân hàng sau khi tốt nghiệp của các sinh viên năm cuối.

Số phiếu điều tra khảo sát: 43 phiếu khảo sát, thu về 40 phiếu hợp lệ; với kết quả như sau: 38 phiếu khảo sát (chiếm 95%) đồng ý với quan điểm có nhu cầu học thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng.

Qua kết quả trên có thể thấy rằng, sinh viên năm cuối tại Khoa Tài chính - Ngân hàng và Bảo hiểm của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp có nhu cầu về học ngành Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng ngay tại trường sau khi tốt nghiệp từ đó đặt ra yêu cầu việc mở ngành đào tạo Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng của Nhà trường là hết sức cần thiết.

2.3.6. Kết quả khảo sát đối với cựu sinh viên

Việc khảo sát đối với cựu sinh viên Khoa Tài chính - Ngân hàng và Bảo hiểm của nhà trường nhằm mục đích khảo sát, đánh giá về khả năng tìm kiếm việc làm cũng như nhu cầu học tập thạc sỹ ngành Tài chính - Ngân hàng tại Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Số phiếu khảo sát phát ra: 75 phiếu khảo sát, thu về 70 phiếu khảo sát hợp lệ.

Kết quả khảo sát: Có 60/70= 85,72% ý kiến đồng ý với quan điểm có nhu cầu học thạc sỹ ngành Tài chính - Ngân hàng. Như vậy tỉ lệ các cựu sinh viên có mong muốn được tiếp tục theo học trình độ thạc sĩ ngành Tài chính - Ngân hàng khá cao; nên việc mở ngành Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng là cần thiết.

PHẦN III. ĐIỀU KIỆN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trên cơ sở các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo; của Nhà trường quy định về việc mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ; Khoa Tài chính - Ngân hàng và Bảo hiểm đã triển khai nhiệm vụ cụ thể cho các giảng viên để xây dựng và hoàn thiện chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ thạc sĩ.

Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở đối sánh với các chương trình đào tạo trong và ngoài nước (Phụ lục III). Được xây dựng trên các giáo trình về ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ thạc sĩ từ các trường đại học hàng đầu quốc tế và được thay đổi, bổ sung, cập nhật thường xuyên để phù hợp với thực tiễn ở Việt Nam, nhưng vẫn giới thiệu được những kiến thức tiên tiến trên thế giới.

100% giảng viên giảng dạy chuyên ngành đã học tập hoặc được đào tạo trong các lĩnh vực về Kinh tế, Tài chính - Ngân hàng. Đội ngũ giảng viên cơ hữu nhiều kinh nghiệm giảng dạy và thực tế. Áp dụng phương pháp dạy học tiên tiến lấy người học là trung tâm.

Bên cạnh những kiến thức giáo dục đại cương, các chuyên ngành về Tài chính - Ngân hàng, học viên ngành Tài chính - Ngân hàng sẽ được đào tạo chuyên sâu để có những kiến thức chuyên ngành và những kỹ năng cần thiết trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.

Chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ thạc sĩ được thiết kế như sau:

Tên chương trình: **Tài chính - Ngân hàng**

Trình độ đào tạo: **Thạc sĩ**

Ngành đào tạo: **Tài chính - Ngân hàng**

Mã ngành: **8340201**

Định hướng đào tạo: **Ứng dụng**

Hình thức đào tạo: **Chính quy**

3.1. Mục tiêu đào tạo

3.1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo thạc sĩ ngành Tài chính - Ngân hàng theo định hướng ứng dụng, trang bị cho học viên kiến thức toàn diện và chuyên sâu về kinh tế, tài chính, tiền tệ, hoạt động ngân hàng và thị trường tài chính đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong nước và quốc tế. Người học được trang bị các kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin, có khả năng quản lý và quản trị hoạt động tài chính của các doanh nghiệp, ngân hàng thương mại và các định chế tài chính trung gian, thị trường tài chính; có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề về kinh tế, tài chính, ngân hàng.

3.1.2. Mục tiêu cụ thể:

PO1: Vận dụng các kiến thức chuyên ngành để phân tích, đánh giá các hoạt động kinh tế tài chính trong nước và quốc tế;

PO2: Thành thạo các kỹ năng nghề nghiệp chuyên môn để áp dụng vào thực tiễn nhằm diễn giải, phân tích, giải quyết và quản lý các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế, tài chính - ngân hàng;

PO3: Ứng dụng được các kỹ năng công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong công việc. Có khả năng sử dụng thành thạo các công cụ phân tích hiện đại, chủ động giải quyết các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng;

PO4: Thích nghi với sự thay đổi trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Có khả năng và trách nhiệm phản biện, truyền đạt tri thức liên quan đến lĩnh vực tài chính tiền tệ ngân

hàng.

3.2. Chuẩn đầu ra:

- PLO1: Giải thích được những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên để xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, vận dụng vào hoạt động nhận thức khoa học và thực tiễn;

- PLO2: Vận dụng kiến thức để phân tích, đánh giá các vấn đề chung kinh tế, tài chính trong và ngoài nước;

- PLO3: Hệ thống kiến thức toàn diện và chuyên sâu về lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng: kinh tế, tiền tệ, hoạt động ngân hàng và thị trường tài chính…;

- PLO4: Sử dụng và phát triển các lý thuyết và các mô hình kinh tế nâng cao và chuyên sâu để phân tích, đánh giá các vấn đề, chủ đề kinh tế - xã hội ở các cấp độ;

- PLO5: Tổng hợp, phân tích và đề xuất các giải pháp phù hợp để giải quyết các vấn đề thực tế phát sinh trong hoạt động tài chính tại các doanh nghiệp, các định chế tài chính trung gian và thị trường tài chính…;

- PLO6: Vận dụng thành thạo các kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến trong lĩnh vực tài chính ngân hàng;

- PLO7: Vận dụng tốt kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác, có khả năng làm việc nhóm, làm việc độc lập;

- PLO8: Sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp và chuyên ngành để cập nhật các vấn đề có tính chất toàn cầu hóa (Đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam);

- PLO9: Có khả năng tự định hướng, tự nghiên cứu phát triển chuyên môn, thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi, có khả năng đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực kinh tế, tài chính ngân hàng;

- PLO10: Có khả năng và trách nhiệm phản biện các vấn đề, các chủ đề các chính sách trong lĩnh vực kinh tế xã hội, tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

3.2.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, thạc sĩ ngành Tài chính - Ngân hàng có thể đảm nhiệm công việc và phát triển lên các vị trí cao hơn tại các Tổ chức tín dụng; các đơn vị sự nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp trong và ngoài nước ở vị trí quản lý tại:

- Vị trí quản lý tại khối các đơn vị sự nghiệp, cơ quan quản lý: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính; y ban Chứng khoán Nhà nước; Kho bạc Nhà nước; Tổng cục Thuế, chi cục thuế; Tổng cục Hải quan, chi cục hải quan; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; uỷ ban Giám sát Tài chính Quốc gia Việt Nam, Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam, v.v...; Bộ, cơ quan ngang Bộ, các cơ quan trung ương và địa phương, các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp...;

- Vị trí quản lý tại các NHTM và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng: Ngân hàng thương mại, công ty bảo hiểm; Quỹ tín dụng, công ty chứng khoán; công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; công ty tài chính; công ty thẩm định giá…và các tổ chức tài chính quốc tế…;

- Vị trí quản lý tại khối các doanh nghiệp: Công ty cổ phần, trách nhiệm hữu hạn, công ty liên doanh, công ty nước ngoài, tập đoàn đa quốc gia…;

- Giảng viên, nghiên cứu viên tại khối các cơ quan nghiên cứu, tư vấn: học viện, các viện nghiên cứu, các trường đại học và các trung tâm tư vấn tài chính độc lập…;

- Chuyên gia trên thị trường tài chính - tiền tệ trong nước và quốc tế: Chuyên gia tài chính, nhà môi giới, chuyên gia phân tích đầu tư và danh mục đầu tư, Nhà đầu tư cá nhân, quản lý dự án, Sáng lập điều hành doanh nghiệp khởi nghiệp…

3.2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Có đầy đủ khả năng theo học các chương trình nghiên cứu sinh để nhận học vị tiến sĩ ở các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước;

- Có khả năng tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ, nghiệp vụ đáp ứng nhiệm vụ công việc được giao.

3.3. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT	**Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**									
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
PO1	x	x	x							
PO2				x	x	x	x	x		

PO3									x	x

3.4. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Khối lượng kiến thức toàn khoá: 60 tín chỉ.

Trong đó:

- ***Khối kiến thức chung:*** ***6 tín chỉ***
- ***Phần kiến thức cơ sở ngành:*** ***8 tín chỉ***

  Các học phần bắt buộc 4 tín chỉ

  Các học phần tự chọn 4 tín chỉ
- ***Phần kiến thức chung của ngành*** ***19 tín chỉ***

  Các học phần bắt buộc 10 tín chỉ

  Các học phần tự chọn 9 tín chỉ
- ***Phần kiến thức chuyên ngành:*** ***18 tín chỉ***

  Các học phần bắt buộc 12 tín chỉ

  Các học phần tự chọn 6 tín chỉ
- ***Tốt nghiệp (Đồ án, dự án, đề án)*** ***9 tín chỉ***

3.5. Đối tượng tuyển sinh

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển. Các trường hợp đặc biệt sẽ do Hội đồng tuyển sinh nhà trường quyết định.

- Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

- Danh mục ngành phù hợp:

TT	**Ngành tốt nghiệp đại học**	**Các học phần bổ sung/chuyển đổi kiến thức** *(tên học phần, số tín chỉ)*
1	Tài chính - Ngân hàng Bảo hiểm	-

	Công nghệ tài chính	
2	Quản trị kinh doanh Kế toán Kiểm toán Kinh tế đầu tư Marketing Kinh doanh quốc tế Kinh doanh thương mại Thương mại điện tử	1. Ngân hàng thương mại (3TC)
3	Kinh tế Kinh tế chính trị Kinh tế phát triển Kinh tế quốc tế Thống kê kinh tế Toán kinh tế Kinh tế số	1. Tài chính tiền tệ (3TC) 2. Ngân hàng thương mại (3TC) 3. Tài chính doanh nghiệp (3TC)
4	Các nhóm ngành, ngành không thuộc 3 nhóm ngành trên nhưng trong CTĐT ở trình độ đại học của người dự tuyển có học phần liên quan đến một trong những nội dung sau: Tài chính, Ngân hàng, Bảo hiểm, Đầu tư, Kế toán, Kiểm toán, Kinh tế, Kinh doanh và quản lý…	1. Tài chính tiền tệ (3TC) 2. Ngân hàng thương mại (3TC) 3. Tài chính doanh nghiệp (3TC) 4. Quản trị ngân hàng thương mại 5. Thuế 6. Phân tích tài chính doanh nghiệp

Các quy định khác: Theo quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

3.6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Đào tạo theo học chế tín chỉ.

- Điều kiện tốt nghiệp: Học viên tham gia học tập trong thời gian đào tạo 2 năm và phải hoàn thành khối lượng học tập 60 tín chỉ theo chương trình quy định.

3.7. Cách thức đánh giá

Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ được quy định cụ thể trong Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

3.8. Nội dung chương trình

Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/ TL, Tự học)	Ghi chú
I. Phần kiến thức chung				**6**		
	Triết học	Triết học là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ của tất cả các chuyên ngành. Học phần từng bước trang bị cho học viên thiết lập được thế giới quan, phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành cần đào tạo. Vận dụng thế giới quan, phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin một cách sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn nhằm giải quyết những vấn đề mà đời sống xã hội của đất nước, của thời đại đang đặt ra.	LLCT	4	(48, 24, 120)	
	Phương pháp NCKH	Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần kiến thức chung của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành học TCNH. Học phần sẽ cung cấp cho học viên các nội dung cơ bản của quy trình thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học: xác định tên đề tài, đề cương nghiên cứu; phương pháp chọn mẫu, xây dựng bảng hỏi, thu thập dữ liệu và xử lý dữ liệu trong nghiên cứu; công bố kết quả nghiên cứu	TCNH &BH, KTKT	2	(24, 12, 60)	
II. Phần kiến thức cơ sở ngành				**8**		
Các học phần bắt buộc				***4***		
	Kinh tế học	Kinh tế học là môn học cơ sở ngành trong chương trình đào tạo thạc sĩ kinh tế. Với những kiến thức nâng cao về Kinh tế học được cung cấp trong môn học này, học viên có thể phân tích tác động của các chính sách của chính phủ đến giá cả, sản lượng cân bằng của thị trường, phúc lợi của các thành phần có liên quan và tổng thể	DL&KS	2	(24, 12, 60)	

Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/ TL, Tự học)	Ghi chú
		xã hội. Tiếp tục nghiên cứu hành vi của doanh nghiệp cạnh tranh không hoàn hảo ở mức cao hơn, nghiên cứu cân bằng tổng thể và điều kiện hiệu quả trong các thị trường cạnh tranh, phân tích những nhược điểm của kinh tế thị trường và vai trò của chính phủ. Học viên cũng có thể vận dụng các mô hình kinh tế vĩ mô để hiểu được sự vận hành của nền kinh tế, hiểu được các tác động của các chính sách. Mặt khác với sự hiểu biết về công cụ của chính sách kinh tế, học viên cũng có thể hiểu được cách sử dụng các chính sách để đạt được các tác động mong muốn về kinh tế vĩ mô cũng như dự đoán các chính sách kinh tế có thể được áp dụng.				
	Thống kê và phân tích dữ liệu	Học phần Thống kê và phân tích dữ liệu cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về thống kê và phân tích định lượng, bao gồm cách thức thu thập và xử lý thông tin về các hiện tượng kinh tế - xã hội, sử dụng kỹ thuật phân tích định lượng để phân tích dữ liệu, đánh giá, nhận xét những bảng báo cáo dựa trên các phân tích thực nghiệm. Qua đó, học viên nắm vững các công cụ phân tích nghiên cứu, kỹ năng ứng dụng phần mềm chuyên dụng kết hợp với kiến thức chuyên ngành để có thể tự mình thực hiện phân tích các kết quả điều tra trong nghiên cứu kinh tế và kinh doanh, làm cơ sở cho việc quyết định quản lý	KDTM	2	(24, 12, 60)	
Các học phần tự chọn (Chọn 2 trong 4 học phần)				***4***		
	Thị trường tài chính và các tổ	Học phần Thị trường tài chính và các tổ chức trung gian cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về các thành phần chủ yếu và mối quan hệ	TCNH &BH	2		

Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/ TL, Tự học)	Ghi chú
	chức trung gian	giữa các thành phần này trong hệ thống tài chính. Cụ thể, sinh viên sẽ được trang bị kiến thức nền tảng về thị trường tài chính, bao gồm thị trường các công cụ nợ, thị trường vốn cổ phần và thị trường chứng khoán phái sinh. Đồng thời, học phần cũng giới thiệu đến người học các định chế tài chính trung gian, bao gồm ngân hàng thương mại và các định chế tài chính phi ngân hàng. Ngoài ra, người học sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về lãi suất - một yếu tố quan trọng của thị trường tài chính và kiến thức cơ bản về hoạt động của ngân hàng trung ương			(24, 12, 60)	x
	Kế toán tài chính	Học phần Kế toán tài chính trang bị cho học viên kiến thức rộng và chuyên sâu về Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán và vận dụng để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn tại các doanh nghiệp, như: Chuẩn mực về Thuê tài sản; Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại; Điều chỉnh kế toán do thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót; Hợp nhất kinh doanh, Báo cáo tài chính hợp nhất	KTKT	2	(24, 12, 60)	x
	Quản trị Marketing ngân hàng	Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về hoạt động marketing tại các ngân hàng thương mại và phát triển khả năng của người học trong việc vận dụng các kỹ năng để thực hiện các nghiên cứu marketing, phân tích và hình thành các ý tưởng marketing cho ngân hàng. Học phần đề cập đến các lý thuyết tổng quan về marketing ngân hàng, nghiên cứu hành vi của khách hàng, nghiên cứu môi trường kinh doanh, phân đoạn thị trường, xác định thị	TCNH &BH	2	(24, 12, 60)	

Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/ TL, Tự học)	Ghi chú
		trường mục tiêu, định vị thương hiệu ngân hàng trên thị trường mục tiêu, xây dựng, thực thi và kiểm tra chiến lược marketing hỗn hợp				
	Kinh tế bảo hiểm	Cung cấp những vấn đề mang tính chất nguyên lý của hoạt động bảo hiểm, và những kiến thức thực tiễn cần thiết về nghiệp vụ kinh doanh bảo hiểm, do các công ty bảo hiểm chuyên nghiệp cung cấp trong bối cảnh môi trường kinh tế, xã hội, pháp lý của Việt Nam.	TCNH &BH	2	(24, 12, 60)	
III. Phần kiến thức chung của ngành				**19**		
Các học phần bắt buộc				**10**		
	Chuyên đề 1: Quản lý dự án đầu tư	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản lý dự án đầu tư như lập kế hoạch dự án, Quản lý thời gian và tiến độ dự án, phân bổ các nguồn lực, quản lý chi phí và quản trị rủi ro dự án kinh doanh và đánh giá dự án.	TCNH &BH	3	(36, 18, 90)	
	Ngân hàng Trung Ương và Chính sách tiền tệ	Học phần Ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ nhằm phát triển khả năng người học trong việc thực hiện các nghiệp vụ NHTW; xây dựng, thực thi chính sách tiền tệ và thanh tra giám sát hoạt động ngân hàng nhằm thực hiện mục tiêu CSTT và ổn định hoạt động hệ thống ngân hàng.	TCNH &BH	2	(24, 12, 60)	
	Tài chính công nâng cao	Tài chính công là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Môn học này cung cấp cho học viên kiến thức nền tảng và kỹ năng nghiên cứu cơ bản về lĩnh vực tài chính công theo hướng tiếp cận phân tích kinh tế như khu vực công, chi thu ngân sách, nợ công và những vấn đề chuyên sâu về thuế và tác động của thuế tới phân phối thu nhập và hiệu quả kinh tế	TCNH &BH	2	(24, 12, 60)	

Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/ TL, Tự học)	Ghi chú
	Quản trị tài chính quốc tế	Học phần Quản trị tài chính quốc tế cung cấp các nền tảng lý thuyết cũng như các cơ sở cho chính sách kinh tế ở cấp vĩ mô và quy định về vận hành ở cấp vi mô của Tài chính Quốc tế. Nội dung học phần nghiên cứu các vấn đề về hoạt động tài chính quốc tế và quản trị tài chính quốc tế, cụ thể: Những vấn đề cơ bản về Tài chính quốc tế và Quản trị Tài chính quốc tế; Hệ thống tiền tệ quốc tế, Cán cân thanh toán quốc tế, Tỷ giá và Chính sách tỷ giá, Các quan hệ ngang giá quốc tế trong việc hình thành tỷ giá hối đoái, Thị trường ngoại hối và các giao dịch trên thị trường ngoại hối, và Quản trị rủi ro tỷ giá.	TCNH &BH	3	(36, 18, 90)	
Các học phần tự chọn (Chọn 3 trong 6 học phần)				**9**		
	Toán tài chính	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về toán áp dụng trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng bao gồm về lý thuyết lãi đơn, lãi kép và chuỗi tiền tệ, tài khoản vãng lai của ngân hàng thương mại, thanh toán nợ thông thường và nợ trái phiếu	TCNH &BH	3	(36, 18, 90)	x
	Đầu tư quốc tế	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về bản chất, đặc điểm và các hình thức hoạt động của Đầu tư quốc tế. Học phần giúp sinh viên nắm được các yếu tố quyết định lưu chuyển Đầu tư quốc tế; biết được những tác động của Đầu tư quốc tế đối với nền kinh tế thế giới và các nước tham gia đầu tư, trong đó đặc biệt đối với Việt Nam.	TCNH &BH	3	(36, 18, 90)	x
	Thanh toán quốc tế và kinh doanh ngoại hối	Học phần Thanh toán quốc tế và kinh doanh ngoại hối cung cấp các nền tảng lý thuyết cũng như thực tiễn của hoạt động Thanh toán quốc tế và kinh doanh ngoại hối. Nội dung học phần nghiên cứu về các điều kiện thương	TCNH &BH	3	(36, 18, 90)	x

Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/ TL, Tự học)	Ghi chú
		mại quốc tế và các phương thức thanh toán quốc tế, Thị trường ngoại hối và các giao dịch trên thị trường ngoại hối				
	Quản lý tài chính cá nhân	Quản lý tài chính cá nhân là môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho người học các kiến thức và công cụ giúp người học có khả năng hoạch định tài chính; phát triển một kế hoạch tài chính; lựa chọn và ra các quyết định tài chính liên quan đến chi tiêu, tiết kiệm, đầu tư và quản lý rủi ro. Từ đó giúp người học chủ động thực hiện những quyết định tài chính, cũng như phát triển cơ hội nghề nghiệp trở thành một nhà tư vấn tài chính chuyên nghiệp trong tương lai	TCNH &BH	3	(36, 18, 90)	
	Tài trợ thương mại quốc tế	Học phần trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản và toàn diện về hoạt động tài trợ trong thương mại quốc tế. Học phần này đi sâu đến các kiến thức của tài trợ thương mại ngoại thương: mô hình hoạt động tài trợ thương mại, các hình thức tài trợ, phương tiện tài trợ, hệ thống văn bản pháp lý điều chỉnh hoạt động tài trợ thương mại, quy trình nghiệp vụ tài trợ, kỹ thuật phòng ngừa rủi ro và kỹ năng giải quyết tranh chấp trong hoạt động tài trợ thương mại quốc tế nhằm phát triển năng lực ra quyết định tài trợ, hình thức tài trợ phù hợp nhất	TCNH &BH	3	(36, 18, 90)	
	Phân tích chứng khoán	Phân tích chứng khoán là học phần kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo thạc sỹ khối ngành Tài chính - Ngân hàng. Học phần giới thiệu các kiến thức cơ bản cần thiết về phân tích công ty niêm yết, phân tích ngành, phân tích vĩ mô, phân tích kỹ thuật , phân tích định giá chứng khoán. Ngoài ra, học phần giới thiệu cách phân tích thị trường chứng	TCNH &BH	3	(36, 18, 90)	

Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/ TL, Tự học)	Ghi chú
		khoán, huấn luyện các kỹ năng phân tích cơ bản và phân tích kỹ thuật, áp dụng để định giá trái phiếu và cổ phiếu cũng như đo lường lợi suất đầu tư vào chứng khoán				
IV. Phần kiến thức chuyên ngành				**18**		
Các học phần bắt buộc				**12**		
	Quản trị ngân hàng hiện đại	Quản trị ngân hàng hiện đại là học phần chuyên ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Tài chính - Ngân hàng. Học phần cung cấp các kiến thức về quản trị ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng trong bối cảnh hiện đại. Cung cấp các phương pháp quản trị về mặt kỹ thuật như quản trị vốn tự có, quản trị tài sản nợ – có, quản trị thanh khoản, quản trị tín dụng và đầu tư của các NHTM và TCTD. Phân tích các loại rủi ro chủ yếu trong hoạt động kinh doanh của NHTM và TCTD về mặt định tính cũng như định lượng như rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất và rủi ro tỷ giá hối đoái.; đồng thời giới thiệu các giải pháp phòng ngừa và hạn chế rủi ro tại ngân hàng của các nước phát triển	TCNH &BH	3	(36, 18, 90)	
	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Quản trị Tài chính doanh nghiệp là môn khoa học cung cấp cho học viên các kiến thức liên quan các vấn đề về báo cáo tài chính của doanh nghiệp, cơ cấu nguồn vốn và chi phí sử dụng vốn, các phương pháp định giá doanh nghiệp, các phương án thuê hay mua tài sản, hoạch định ngân sách vốn đầu tư cũng như các kiến thức liên quan phân tích tài chính doanh nghiệp	TCNH &BH	3	(36, 18, 90)	
	Hợp đồng tương lai	Học phần cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các giao dịch tương lai		3		

Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/ TL, Tự học)	Ghi chú
	và quyền chọn	và quyền chọn. Ứng dụng của các hợp đồng này trong quản trị rủi ro. Các nội dung được đề cập đến bao gồm: Tổng quan về thị trường tương lai, quyền chọn, định giá hợp đồng tương lai, quyền chọn, chiến lược phòng ngừa rủi ro bằng hợp đồng tương lai, quyền chọn, định giá hợp đồng tương lai, quyền chọn	TCNH &BH		(36, 18, 90)	
	Chuyên đề 2: Phân tích tài chính doanh nghiệp nâng cao	Học phần cung cấp kiến thức về phân tích tài chính doanh nghiệp nâng cao cụ thể là việc tổ chức phân tích, đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp cũng như việc điều chỉnh dự báo hoạt động tài chính của doanh nghiệp trong tương lai	TCNH &BH	3	(36, 18, 90)	
Các học phần tự chọn (Chọn 2 trong 7 học phần)				**6**		
	Quản trị rủi ro tài chính	Học phần cung cấp những kiến thức quản trị hiện đại đối với quản lý rủi ro trong hoạt động tài chính của các doanh nghiệp, cách thức nhận dạng, đo lường và kiểm soát các loại rủi ro trong hoạt động tài chính của doanh nghiệp. Học phần giới thiệu những lý thuyết về động cơ quản trị rủi ro của các doanh nghiệp, độ nhạy cảm của doanh nghiệp đối với các bất ổn trong các yếu tố thị trường như giá cả hàng hóa, lãi suất, tỷ giá, giá chứng khoán	TCNH &BH	3	(36, 18, 90)	x
	Định giá doanh nghiệp	Trang bị cho người học những kiến thức toàn diện và chuyên sâu về định giá doanh nghiệp và công tác định giá doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường, từ đó người học có được cơ sở lý luận, phương pháp và cách thức thực hiện việc xác định giá trị doanh nghiệp cho các mục đích khác nhau trong thực tiễn.	TCNH &BH	3	(36, 18, 90)	x

Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/ TL, Tự học)	Ghi chú
	Quản trị dòng tiền	Học phần quản trị dòng tiền là môn học nâng cao dành cho học viên cao học chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng. Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản và nâng cao về quản trị dòng tiền của doanh nghiệp trên giác độ giám đốc tài chính. Do đó, các nội dung tập trung vào các vấn đề cơ bản trong quản trị doanh nghiệp: khả năng chi trả của doanh nghiệp, khả năng dự báo dòng tiền, lập kế hoạch thu chi và lập kế hoạch dòng tiền, xây dưng mô hình ngân quỹ trong quản trị ngân quỹ và ứng dụng trong quản trị dòng tiền, xử lý ngân quỹ của doanh nghiệp	TCNH &BH	3	(36, 18, 90)	
	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia nghiệp là môn khoa học cung cấp cho sinh viên các kiến thức liên quan các vấn đề quản trị rủi ro hoái đoái, quản trị ngắn hạn tài sản, quản trị tài trợ ngắn hạn, các quyết định đầu tư trực tiếp nước ngoài cũng như chi phí vốn, cơ cấu vốn của công ty đa quốc gia	TCNH &BH	3	(36, 18, 90)	
	Thuế quốc tế (International Tax)	Thuế quốc tế là học phần nghiên cứu những vấn đề về chính sách thuế trong thương mại và đầu tư quốc tế: các nguyên tắc thuế quốc tế, đánh thuế trùng và các biện pháp xử lý hiện tượng đánh thuế trùng, chuyển giá trong thuế quốc tế, hiệp định tránh đánh thuế trùng, thuế quốc tế với vấn đề bán phá giá	TCNH &BH	3	(36, 18, 90)	
	Đầu tư tài chính nâng cao	Học phần đầu tư tài chính nâng cao là học phần chuyên môn trang bị cho người học nắm được những quy tắc cơ bản của việc phân tích, định giá và ra quyết định đầu tư vào các loại tài sản tài chính như cổ phiếu, trái phiếu, chứng khoán phái sinh; từ góc độ đầu tư vào từng loại tài sản riêng lẻ đến	TCNH &BH	3	(36, 18, 90)	

Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/ TL, Tự học)	Ghi chú
		đầu tư tạo thành các danh mục đầu tư tối ưu				
	Quản lý danh mục đầu tư	Học phần Quản lý danh mục đầu tư là học phần chuyên môn của chương trình đào tạo cao học khối ngành Tài chính - Ngân hàng. Học phần trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu về đầu tư, phân tích đầu tư, danh mục đầu tư, xây dựng và quản lý danh mục đầu tư tài chính cho cá nhân cũng như tổ chức	TCNH &BH	3	(36, 18, 90)	
V. Tốt nghiệp (Đồ án, dự án, đề án)		Đề án tốt nghiệp là một công trình nghiên cứu khoa học được thực hiện nhằm chứng minh người học đã hội đủ kiến thức và khả năng giải quyết một vấn đề khoa học thuộc ngành Tài chính - Ngân hàng. Luận văn được hoàn thành đúng quy định của quy chế đào tạo phải cho thấy những tri thức khoa học chuyên ngành liên quan đến vấn đề nghiên cứu mà những tri thức này được người học lĩnh hội trong quá trình học tập. Đồng thời người học phải cho thấy được khả năng vận dụng tri thức khoa học, những hiểu biết thực tiễn có liên quan, các kỹ năng thực hành nghề nghiệp chuyên sâu để giải quyết vấn đề nghiên cứu đã lựa chọn. Bên cạnh đó, quá trình tổ chức và thực thi việc nghiên cứu khoa học cho khóa luận cũng phản ánh tinh thần trách nhiệm, tính khoa học, tính tự chủ, tính sáng tạo và sự tự tin đối với chuyên môn ngành nghề của người học	TCNH &BH	**9**		
Tổng cộng:				**60**		

Ghi chú:

Các học phần lý thuyết ký hiệu kết cấu N (a, b, c) được giải thích như sau:

- Số tín chỉ: N

- Số tiết lý thuyết: a (với a=Nx(15-d)) – trong đó d là số buổi thảo luận/TH của học phần (khuyến nghị d lấy bằng N), học phần giảng dạy trong 15 buổi.
- Số tiết thảo luận, Thực hành môn học của HP (TL): b (b=dxN)
- Số giờ sinh viên tự học: c (với c=Nx30)

Các học phần thực hành, tiểu luận ký hiệu kết cấu N (0, b, c) được giải thích như sau:

- Số tín chỉ: N
- Số tiết lý thuyết: 0
- Số giờ thực tập: b (b=30xN)
- Số giờ chuẩn bị cá nhân: c (c= Nx30)

Học phần thực tập, thực tập cuối khóa ký hiệu kết cấu N (0, b, 0) được giải thích như sau:

- Số tín chỉ: N
- Số tiết lý thuyết: 0
- Số giờ thực tập: b (b=60xN)

3.9. Hướng dẫn thực hiện

3.9.1. Nguyên tắc chung

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

+ Khung trình độ quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ;

+ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

3.9.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 2 năm; chia thành 4 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số học viên nếu xét thấy cần thiết.

- Quy định thực hiện các học phần:

o Các học phần lý thuyết được tổ chức giảng dạy tại lớp học trong Nhà trường.

o Các học phần thực tập được tổ chức cho học viên thực tập tại các doanh nghiệp hoặc tại các phòng, xưởng thực hành của Nhà trường.

3.9.3. Chế độ công tác giảng viên

Căn cứ Quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

3.10. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

TT	Tên học phần	Số TC	Số tiết		Giảng viên	Học kì	Ghi chú
			LT	TH TL	Họ tên, học hàm, học vị		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
1	Triết học	4	36	9	TS. Bùi Thanh Thuỷ TS. Lê Thị Lý	1	BB
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	24	6	TS. Phạm Thị Lụa TS. Nguyễn Thị Thu Hằng TS. Nguyễn Thị Phượng	1	BB
3	Kinh tế học	2	24	6	TS. Nguyễn Văn Hợp TS. Lê Thị Kim Chi TS. Nguyễn Thị Mai Chi	1	BB

TT	Tên học phần	Số TC	Số tiết		Giảng viên	Học kì	Ghi chú
			LT	THTL	Họ tên, học hàm, học vị		
4	Thống kê và phân tích dữ liệu	2	24	6	TS. Trần Hoàng Long TS. Nguyễn Thị Chi	1	BB
5	Thị trường tài chính và các tổ chức trung gian	2	24	6	TS. Nguyễn Ngọc Hải PGS.TS. Nguyễn Thị Bất	1	TC
6	Kế toán tài chính	2	24	6	TS. Hoàng Thị Phương Lan TS. Trần Thị Quỳnh Giang	1	TC
7	Quản trị Marketing ngân hàng	2	24	6	TS. Ngô Hoài Nam TS. Nguyễn Hữu Thuỷ	2	Tc
8	Kinh tế bảo hiểm	2	24	6	TS. Phạm Đức Tài TS. Nguyễn Thị Luyến	2	Tc
9	Toán tài chính	3	36	9	TS. Phạm Đức Tài TS. Nguyễn Hữu Thuỷ	2	TC
10	Ngân hàng Trung ương và chính sách tiền tệ	3	36	9	TS. Hoàng Việt Trung TS. Đặng Hương Giang	2	BB
11	Tài chính công nâng cao	2	26	4	TS. Nguyễn Ngọc Hải TS. Trần Đức Cân	2	BB
12	Quản trị tài chính quốc tế	3	36	9	TS. Nguyễn Ngọc Hải PGS.TS. Nguyễn Thị Bất	2	BB
13	Chuyên đề 1: Quản lý dự án đầu tư	3	0	90	TS. Ngô Hoài Nam TS. Phùng Mạnh Hùng	3	BB
14	Đầu tư quốc tế	3	36	9	TS. Đường Thị Thanh Hải TS. Phùng Mạnh Hùng TS. Hoàng Bích Hồng	3	TC
15	Thanh toán quốc tế và kinh doanh ngoại hối	3	36	9	PGS.TS. Lê Thanh Tâm TS. Phùng Mạnh Hùng TS. Đặng Hương Giang	3	TC

TT	Tên học phần	Số TC	Số tiết		Giảng viên	Học kì	Ghi chú
			LT	TH TL	Họ tên, học hàm, học vị		
16	Quản lý tài chính cá nhân	3	36	9	TS. Phạm Đức Tài TS. Nguyễn Thị Chi TS. Lê Thị Xuân Hương	3	Tc
17	Tài trợ thương mại quốc tế	3	36	9	TS. Ngô Hoài Nam TS. Trần Văn Thiện	3	Tc
18	Phân tích chứng khoán	3	36	9	TS. Vũ Thị Thục Oanh TS. Nguyễn Thị Chi TS. Mai Thị Hường	3	Tc
19	Quản trị ngân hàng hiện đại	3	36	9	TS. Đặng Hương Giang TS. Hoàng Việt Trung	3	BB
20	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	36	9	TS. Phùng Thị Lan Hương GS. TS. Đặng Thị Loan	3	BB
21	Hợp đồng tương lai và quyền chọn	3	36	9	TS. Đặng Hương Giang TS. Hoàng Việt Trung	4	BB
22	Chuyên đề 2: Phân tích tài chính doanh nghiệp nâng cao	3	0	90	TS. Vũ Thị Thục Oanh PGS.TS. Vũ Văn Tùng	4	BB
23	Quản trị rủi ro tài chính	3	36	9	TS. Phùng Thị Lan Hương GS.TS. Đặng Thị Loan	4	TC
24	Định giá doanh nghiệp	3	36	9	TS. Đường Thị Thanh Hải PGS.TS Vũ Văn Tùng	4	TC
25	Quản trị dòng tiền	3	36	9	TS. Phạm Thị Lụa TS. Nguyễn Hữu Thuỷ	4	Tc
26	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	3	36	9	TS. Phùng Thị Lan Hương TS. Lê Thị Xuân Hương	4	Tc
27	Thuế quốc tế	3	36	9	TS. Trần Đức Cân PGS.TS. Nguyễn Thị Bất	4	Tc
28	Đầu tư tài chính nâng cao	3	36	9	TS. Đường Thị Thanh Hải TS. Trần Văn Thiện	4	Tc

TT	Tên học phần	Số TC	Số tiết		Giảng viên	Học kì	Ghi chú
			LT	THTL	Họ tên, học hàm, học vị		
29	Quản lý danh mục đầu tư	3	36	9	TS. Vũ Thị Thục Oanh TS. Nguyễn Thị Chi	4	Tc
30	Tốt nghiệp (Đồ án, dự án, đề án)	9	0	270	TS. Phùng Thị Lan Hương GS.TS. Đặng Thị Loan PGS.TS. Nguyễn Thị Bất PGS.TS. Vũ Văn Tùng PGS.TS. Vũ Duy Hào TS. Vũ Thị Minh Luận TS. Vũ Thị Thục Oanh TS. Đặng Hương Giang TS. Đường Thị Thanh Hải TS. Nguyễn Ngọc Hải TS. Ngô Hoài Nam TS. Phạm Đức Tài TS. Hoàng Việt Trung TS. Trần Văn Thiện TS. Nguyễn Hữu Thuỷ	4	BB

3.11. Kế hoạch đào tạo toàn khóa dự kiến

Mã số học phần	Tên học phần	Thời lượng	Ghi chú
I. Học kỳ 1 (4 môn BB, 2 môn TC) 14 TC		**14**	
	Triết học	4 (48,24,120)	BB
	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2 (24,12,60)	BB
	Kinh tế học	2 (24,12,60)	BB
	Thống kê và phân tích dữ liệu	2 (24,12,60)	BB
	Thị trường tài chính và các tổ chức trung gian	2 (24,12,60)	TC
	Kế toán tài chính	2 (24,12,60)	TC
II. Học kỳ 2 (3 môn BB, 3 môn TC) 16 TC		**16**	
	Ngân hàng Trung ương và chính sách tiền tệ	2 (24,12,60)	BB
	Tài chính công nâng cao	2 (24,12,60)	BB
	Quản trị tài chính quốc tế	3 (36,18, 90)	BB
	Toán tài chính	3 (36,18, 90)	TC
	Đầu tư quốc tế	3 (36,18, 90)	TC
	Định giá doanh nghiệp	3 (36,18, 90)	TC
III. Học kỳ 3 (3 môn BB, 2 môn TC) 15 TC		**15**	
	Chuyên đề 1: Quản lý dự án đầu tư	3 (0, 90,90)	BB
	Thanh toán quốc tế và kinh doanh ngoại hối	3 (36,18, 90)	TC
	Quản trị ngân hàng hiện đại	3 (36,18, 90)	BB
	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3 (36,18, 90)	BB
	Quản trị rủi ro tài chính	3 (36,18, 90)	TC
IV. Học kỳ 4		**15**	
	Hợp đồng tương lai và quyền chọn	3 (36,18, 90)	BB
	Chuyên đề 2: Phân tích tài chính doanh nghiệp nâng cao	3 (0,90,90)	BB
	Tốt nghiệp (Đồ án, dự án, đề án)	9 (0,540,0)	BB

PHẦN IV. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ KHOA HỌC ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

4.1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu

Về đội ngũ giảng viên và cán bộ khoa học ngành với tổng cộng: 34 giảng viên trong đó có 01 GS, 04 PGS, 29 TS. Trong số đó có 11 giảng viên cơ hữu và giảng viên toàn thời gian của khoa với 1 GS, 10 TS, 13 giảng viên cơ hữu của các khoa khác như khoa Lý luận chính trị (02 GV), khoa Kế toán (05 GV), Ban giám hiệu (02 GV), Khoa Du lịch khách sạn (02 GV), Khoa Kinh doanh thương mại (02 GV)

Giảng viên thỉnh giảng có: 10 giảng viên trong đó có 03 PGS và 07 Tiến sĩ. Lý lịch khoa học của giảng viên, nhà khoa học và minh chứng khoa học được đính kèm trong các phụ lục sau:

+ Phụ lục IV: Lý lịch khoa học giảng viên: Bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo; Bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo; Bản sao các quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động, bản sao chứng thực văn bằng.

Bảng 1. Danh sách giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì mở ngành và giảng dạy chương trình

TT	Họ và tên	Chức vụ	Học hàm, học vị, năm phong	Ngành, chuyên ngành	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Bất	Giảng viên	PGS, Tiến sĩ, 2002	Kinh tế Tài chính - Ngân hàng	Chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT
2	Đặng Thị Loan	Giảng viên	Giáo sư, Tiến sĩ, 2007	Kế toán	
3	Vũ Thị Thục Oanh	Phó Trưởng khoa TCNH&BH	Tiến sĩ (2018)	Tài chính - Ngân hàng	

TT	Họ và tên	Chức vụ	Học hàm, học vị, năm phong	Ngành, chuyên ngành	Ghi chú
4	Đặng Hương Giang	Trưởng bộ môn	Tiến sĩ, 2018	Tài chính - Ngân hàng	
5	Nguyễn Ngọc Hải	Giảng viên	Tiến sĩ, 2020	Tài chính - Ngân hàng	
6	Phạm Đức Tài	Giảng viên	Tiến sĩ, 2023	Tài chính - Ngân hàng	
7	Ngô Hoài Nam	Giảng viên	Tiến sĩ, 2023	Tài chính - Ngân hàng	
8	Trần Hoàng Long	Hiệu trưởng	Tiến sĩ, 2012	Kinh tế thương mại	Chủ trì giảng dạy học phần của CTĐT
9	Phùng Thị Lan Hương	Trưởng khoa	Tiến sĩ, 2013	Tài chính - Ngân hàng	
10	Trần Đức Cân	Phó hiệu trưởng	Tiến sĩ, 2013	Tài chính - Ngân hàng	
11	Đường Thị Thanh Hải	Giảng viên	Tiến sĩ, 2019	Tài chính - Ngân hàng	
12	Phạm Thị Lụa	Trưởng khoa	Tiến sĩ, 2014	Thương mại	
13	Nguyễn Thị Chi	Trưởng khoa	Tiến sĩ, 2016	Kinh doanh thương mại	
14	Nguyễn Thị Phượng	Phó Trưởng khoa	Tiến sĩ, 2016	Kinh doanh thương mại	
15	Hoàng Thị Phương Lan	Trưởng bộ môn	Tiến sĩ, 2018	Kế toán	
16	Nguyễn Thị Thu Hằng	Phó Trưởng bộ môn	Tiến sĩ, 2020	Kế toán	

TT	Họ và tên	Chức vụ	Học hàm, học vị, năm phong	Ngành, chuyên ngành	Ghi chú
17	Trần Thị Quỳnh Giang	Trợ lý khoa	Tiến sĩ, 2019	Kế toán	
18	Lê Thị Kim Chi	Phó Trưởng bộ môn	Tiến sĩ, 2016	Quản trị kinh doanh	
19	Nguyễn Văn Hợp	Phó trưởng khoa	Tiến sĩ, 2014	Quản lý kinh tế	
20	Lê Thị Lý	Giảng viên	Tiến sĩ, 2011	Triết học	
21	Bùi Thanh Thủy	Trưởng bộ môn	Tiến sĩ, 2015	Triết học	
22	Hoàng Việt Trung	Giảng viên toàn thời gian	Tiến sĩ, 1996	Quản lý Kinh tế	
23	Nguyễn Hữu Thuỷ	Giảng viên toàn thời gian	Tiến sĩ, 1996	Kinh tế	
24	Trần Văn Thiện	Giảng viên toàn thời gian	Tiến sĩ, 2009	Tài chính - Ngân hàng	

Bảng 2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng có chuyên môn phù hợp giảng dạy chương trình

TT	Họ và tên	Chức vụ	Học hàm, học vị, năm phong	Ngành, chuyên ngành	Ghi chú
1	Vũ Duy Hào	Thỉnh giảng	PGS, Tiến sĩ	Quản trị TCDN	
2	Vũ Văn Tùng	Thỉnh giảng	PGS,Tiến sỹ, 2018	Kinh tế học	
3	Lê Thanh Tâm	Thỉnh giảng	PGS, Tiến sỹ, 2016	Tài chính - Ngân hàng	
4	Nguyễn Thị Mai Chi	Thỉnh giảng	Tiến sỹ, 2012	Kinh tế học	
5	Phùng Mạnh Hùng	Thỉnh giảng	Tiến sỹ, 2013	Kinh tế đối ngoại	
6	Nguyễn Thị Luyến	Thỉnh giảng	Tiến sỹ, 2012	Quản lý kinh tế	
7	Hoàng Bích Hồng	Thỉnh giảng	Tiến sỹ, 2011	Bảo hiểm	
8	Lê Thị Xuân Hương	Thỉnh giảng	Tiến sỹ, 2023	Tài chính - Ngân hàng – kinh tế bảo hiểm	
9	Vũ Thị Minh Luận	Thỉnh giảng	Tiến sĩ, 2010	Toán kinh tế	
10	Mai Thị Hường	Thỉnh giảng	Tiến sỹ, 2020	Tài chính - Ngân hàng – kinh tế bảo hiểm	

Bảng 2. Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ thạc sĩ

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/ hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1	Nguyễn Thị Bất 10/02/1957	034157007519, Việt Nam	PGS, 2002	Tiến sỹ, Việt Nam, 1993	Kinh tế tài chính – ngân hàng		x	010112402	44	6	2	
2	Đặng Thị Loan 08/08/1954	036154010003, Việt Nam	Giáo sư, 2007	Tiến sĩ, Việt Nam, 1991	Kế toán		x	0198072094	46	17	02	
3	Phùng Thị Lan Hương 05/03/1975	036175000386, Việt Nam		Tiến sỹ, Việt Nam, 2013	Tài chính - Ngân hàng	x		8999005273	25		14	

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/ hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
4	Vũ Thị Thục Oanh 11/10/1982	036182013584, Việt Nam		Tiến sỹ, Việt Nam, 2018	Tài chính - Ngân hàng	x		8907001216	18		5	
5	Đặng Hương Giang 19/02/1982	036182011660, Việt Nam		Tiến sỹ, Việt Nam, 2018	Tài chính - Ngân hàng	x		0107026347	20		5	
6	Nguyễn Ngọc Hải 07/10/1990	001090014247, Việt Nam		Tiến sỹ, Việt Nam, 2020	Tài chính - Ngân hàng	x		8290812083	12		1	
7	Ngô Hoài Nam 13/06/1989	036089006038, Việt Nam		Tiến sỹ, Việt Nam, 2023	Tài chính - Ngân hàng	x		0112213970	12		1	

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/ hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
8	Đường Thị Thanh Hải 21/11/1973	001173005578. Việt Nam		Tiến sỹ, Việt Nam, 2019	Tài chính - Ngân hàng	x		0101009115	17		5	
9	Phạm Đức Tài 02/05/1987	036087013562, Việt Nam		Tiến sỹ, Việt Nam, 2023	Tài chính - Ngân hàng	x		112213978	13			
10	Trần Đức Cân 25/06/1963	011258182, Việt Nam		Tiến sỹ, Việt Nam, 2013	Tài chính - Ngân hàng	x		2597001143	38	11	20	
11	Hoàng Việt Trung 22/10/1961	022061000015, Việt Nam		Tiến sỹ, Việt Nam, 1996	Quản lý kinh tế		x	0197054105	15		6	

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/ hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
12	Nguyễn Hữu Thuỷ 10/01/1958	040058011824, Việt Nam		Tiến sỹ, Việt Nam, 1996	Kinh tế		x	0101003754	8			
13	Trần Văn Thiện 07/03/1960	036060008079, Việt Nam		Tiến sỹ, Việt Nam, 2009	Tài chính - Ngân hàng		x	2596038731	8			
14	Lê Thị Kim Chi 16/10/1979	001179020636, Việt Nam	Tiến sỹ, 2016	Tiến sỹ, Việt Nam, 2016	Quản trị kinh doanh	x		010 405 2109	4		4	
15	Nguyễn Văn Hợp 20/10/1974	036074011360, Việt Nam	Tiến sỹ, 2014	Tiến sỹ, Việt Nam, 2014	Quản lý kinh tế	x		2205005379	26		2	

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/ hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
16	Phạm Thị Lụa 1/2/1978	036178002703, Việt Nam		Tiến sỹ, Việt Nam, 2014	Thương mại	x		0101057482	23	5	15	
17	Nguyễn Thị Thu Hằng 02/07/1980	001180028020, Việt Nam		Tiến sỹ, Việt Nam, 2020	Kế toán	x		0107026359	20		4	
18	Hoàng Thị Phương Lan 29/01/1976	033176003714, Việt Nam		Tiến sỹ, Việt Nam, 2018	Kế toán	x		0101024685	18		8	
19	Trần Thị Quỳnh Giang 13/11/1983	036183023101, Việt Nam		Tiến sỹ, Việt Nam, 2019	Kế toán	x		0108097475	15	2	6	

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/ hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
20	Nguyễn Thị Phượng 14/05/1980	015180009399, Việt Nam		Tiến sỹ, Việt Nam, 2016	Kinh doanh thương mại	x		010726368	20		7	
21	Nguyễn Thị Chi 20/1/1973	034173001346, Việt Nam		Tiến sỹ, Việt Nam, 2016	Kinh doanh thương mại	x		0199013970	19		5	
22	Lê Thị Lý 03/02/1975	001175021688, Việt Nam		Tiến sỹ, Việt Nam, 2011	Triết học	x		0100011170	22			
23	Bùi Thanh Thủy 03/04/1980	031180007971, Việt Nam		Tiến sỹ, Việt Nam, 2015	Triết học	x		0107026364	18			

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/ hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
24	Trần Hoàng Long	036075007234, Việt Nam		Tiến sỹ, Việt Nam, 2012	Kinh tế thương mại	x		0199036125	28	2	2	
25	Vũ Văn Tùng 23/04/1971	027071000034, Việt Nam	PGS, 2018	Tiến sỹ, Việt Nam, Năm 2013	Kinh tế		x	0128148323	30			
26	Nguyễn Thị Mai Chi 02/03/1980	001180018883, Việt Nam		Tiến sỹ, Việt Nam, 2012	Kinh tế học		x	0104056433	23	1	8	
27	Phùng Mạnh Hùng 10/04/1980	036080000249, Việt Nam		Tiến sỹ, Việt Nam, 2013	Kinh tế đối ngoại		x	0108006363	08		11	

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/ hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
28	Nguyễn Thị Luyến 09/12/1975	031175003566, Việt Nam		Tiến sỹ, Việt Nam, 2012	Quản lý kinh tế		x	0198088174	10	26	2	
29	Hoàng Bích Hồng 25/02/1975	033175004331, Việt Nam		Tiến sỹ, Việt Nam, 2011	Bảo hiểm		x	0103010634	25	3	4	
30	Lê Thị Xuân Hương 10/11/1984	040184000306, Việt Nam		Tiến sỹ, Việt Nam, 2023	Tài chính - Ngân hàng – kinh tế bảo hiểm		x	0108060724	17		6	
31	Mai Thị Hường 15/05/1986	038186045699, Việt Nam		Tiến sỹ, Việt Nam, 2020	Tài chính - Ngân hàng – kinh tế bảo hiểm		x	0111229409	15	2	9	

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/ hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
32	Lê Thanh Tâm 1975	038175012396, Việt Nam	PGS, năm 2016	Tiến sỹ, Việt Nam, 2009	Tài chính - Ngân hàng		x	0110177626	23	13	8	
33	Vũ Duy Hào 1961	038061000067,Việt Nam	PGS, 2003	Tiến sĩ, 1996	Tài chính - Ngân hàng		x	0101002408	31	6	1	
34	Vũ Thị Minh Luận 28/01/1975	011795688, Việt Nam		Tiến sĩ, 2010	Kinh tế		x	0102027805	10	03		

4.2. Danh sách giảng viên vận hành, giảng dạy chương trình đào tạo

Bảng 3. Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo Tài chính - Ngân hàng trình độ thạc sĩ

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
1	PGS. Nguyễn Thị Bất	Thị trường tài chính và các tổ chức trung gian	Học kỳ 1, năm học thứ 1			x		Giảng viên ngành phù hợp chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT
		Quản trị tài chính quốc tế	Học kỳ 1, năm học thứ 2	x		x		
		Thuế quốc tế	Học kỳ 1, năm học thứ 2			x		
		Tốt nghiệp (Đồ án, dự án, đề án)	Học kỳ 2, năm học thứ 2	x				
2	GS. TS Đặng Thị Loan	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Học kỳ 1, năm học thứ 2	x				
		Quản trị rủi ro tài chính	Học kỳ 1, năm học thứ 2			x		

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
		Tốt nghiệp (Đồ án, dự án, đề án)	Học kỳ 2, năm học thứ 2	x				Giảng viên ngành phù hợp chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT
3	TS. Phùng Thị Lan Hương	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Học kỳ 1, năm thứ 2	x				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Quản trị rủi ro tài chính	Học kỳ 1, năm thứ 2			x		
		Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	Học kỳ 2, năm thứ 2			x		
		Tốt nghiệp (Đồ án, dự án, đề án)	Học kỳ 2, năm học thứ 2	x				
4	TS. Bùi Thanh Thủy	Triết học	Học kỳ 1, năm học thứ 1	x				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
5	TS. Lê Thị Lý							

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
6	TS. Vũ Thị Thục Oanh	Chuyên đề 2: Phân tích tài chính doanh nghiệp nâng cao	Học kỳ 2, năm học thứ 2	x				Giảng viên ngành phù hợp chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT
		Phân tích chứng khoán	Học kỳ 2, năm học thứ 1			x		
		Quản lý danh mục đầu tư	Học kỳ 1, năm học thứ 2			x		
		Tốt nghiệp (Đồ án, dự án, đề án)	Học kỳ 2, năm học thứ 2	x				
7	TS. Đặng Hương Giang	Ngân hàng Trung ương và chính sách tiền tệ	Học kỳ 1, năm học thứ 2	x				Giảng viên ngành phù hợp chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT
		Quản trị ngân hàng hiện đại	Học kỳ 1, năm học thứ 2	x				
		Hợp đồng tương lai và quyền chọn	Học kỳ 2, năm học thứ 2	x				

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
		Tốt nghiệp (Đồ án, dự án, đề án)	Học kỳ 2, năm học thứ 2	x				
8	TS. Nguyễn Ngọc Hải	Thị trường tài chính và các tổ chức trung gian	Học kỳ 1, năm học thứ 1			X		Giảng viên ngành phù hợp chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT
		Quản trị tài chính quốc tế	Học kỳ 2, năm học thứ 1	x				
		Tài chính công nâng cao	Học kỳ 2, năm học thứ 1	x				
		Tốt nghiệp (Đồ án, dự án, đề án)	Học kỳ 2, năm học thứ 2	x				
9	TS. Ngô Hoài Nam	Quản trị Marketing ngân hàng	Học kỳ 1, năm học thứ 1			x		Giảng viên ngành phù hợp chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT
		Ngân hàng Trung Ương và Chính sách tiền tệ	Học kỳ 2, năm học thứ 1	x				

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
		Chuyên đề 1: Quản lý dự án đầu tư	Học kỳ 2, năm học thứ 1	x				
		Tài trợ thương mại quốc tế	Học kỳ 2, năm học thứ 1			x		
		Tốt nghiệp (Đồ án, dự án, đề án)	Học kỳ 2, năm học thứ 2	x				
10	TS. Đường Thị Thanh Hải	Chuyên đề 2: Phân tích tài chính doanh nghiệp nâng cao	Học kỳ 2, năm học thứ 2			x		Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Định giá doanh nghiệp	Học kỳ 2, năm học thứ 1			x		
		Đầu tư tài chính nâng cao	Học kỳ 1, năm học thứ 2			x		
		Tốt nghiệp (Đồ án, dự án, đề án)	Học kỳ 2, năm học thứ 2	x				

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
11	TS. Phạm Đức Tài	Kinh tế bảo hiểm	Học kỳ 1, năm học thứ 1			x		Giảng viên ngành phù hợp chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT
		Toán tài chính	Học kỳ 2, năm học thứ 1			x		
		Quản lý tài chính cá nhân	Học kỳ 2, năm học thứ 1			x		
		Quản trị tài chính cá nhân	Học kỳ 1, năm học thứ 2			x		
		Tốt nghiệp (Đồ án, dự án, đề án)	Học kỳ 2, năm học thứ 2	x				
12	TS. Trần Đức Cân	Tài chính công nâng cao	Học kỳ 2, năm học thứ 1	x				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Thuế quốc tế				x		
13	TS. Hoàng Việt Trung	Ngân hàng Trung ương và chính sách tiền tệ	Học kỳ 2, năm học thứ 1	x				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
		Quản trị ngân hàng hiện đại	Học kỳ 1, năm học thứ 2	x				
		Hợp đồng tương lai và quyền chọn	Học kỳ 2, năm học thứ 2	x				
		Tốt nghiệp (Đồ án, dự án, đề án)	Học kỳ 2, năm học thứ 2	x				
14	TS. Nguyễn Hữu Thuỷ	Quản trị Marketing ngân hàng	Học kỳ 1, năm học thứ 2			x		Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Toán tài chính	Học kỳ 2, năm học thứ 1			x		
		Quản trị dòng tiền	Học kỳ 1, năm học thứ 2			x		
		Tốt nghiệp (Đồ án, dự án, đề án)	Học kỳ 2, năm học thứ 2	x				
15		Tài trợ thương mại	Học kỳ 2, năm			x		Giảng viên chuyên môn

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
	TS. Trần Văn Thiện	quốc tế	học thứ 1					phù hợp chủ trì giảng dạy
		Đầu tư tài chính nâng cao	Học kỳ 1, năm học thứ 2			x		
		Tốt nghiệp (Đồ án, dự án, đề án)	Học kỳ 2, năm học thứ 2	x				
16	TS. Nguyễn Thị Mai Chi	Kinh tế học	Học kỳ 1, năm học thứ 1	x				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
17	TS. Phùng Mạnh Hùng	Chuyên đề 1: Quản lý dự án đầu tư	Học kỳ 1, năm học thứ 2	X				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Thanh toán quốc tế và kinh doanh ngoại hối	Học kỳ 1, năm học thứ 2			x		
18	TS. Nguyễn Thị Luyến	Kinh tế bảo hiểm	Học kỳ 2, năm học thứ 1			x		Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
19	TS. Hoàng Bích Hồng	Đầu tư quốc tế	Học kỳ 1, năm học thứ 2			x		Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
20	TS. Lê Thị Xuân Hương	Quản lý tài chính cá nhân	Học kỳ 1, năm học thứ 2			x		Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	Học kỳ 2, năm học thứ 2			x		
21	TS. Mai Thị Hường	Phân tích chứng khoán	Học kỳ 1, năm học thứ 2			x		Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
22	PGS.TS. Lê Thanh Tâm	Thanh toán quốc tế và kinh doanh ngoại hối	Học kỳ 1, năm học thứ 2			x		Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
23	TS. Lê Thị Kim Chi	Kinh tế học	Học kỳ 1, năm học thứ 1	x				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
24	TS. Nguyễn Văn Hợp							Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
25	TS. Phạm Thị Lụa	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học kỳ 1, năm học thứ 1	x				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
26	TS. Nguyễn Thị Thu Hằng							Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
27	TS. Hoàng Thị Phương Lan	Kế toán tài chính	Học kỳ 1, năm học thứ 1			x		Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
28	TS. Trần Thị Quỳnh Giang	Kế toán tài chính	Học kỳ 1, năm học thứ 1			x		Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
29	TS. Nguyễn Thị Phượng	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học kỳ 1, năm học thứ 1	x				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
30	TS. Trần Hoàng Long	Thống kê và phân tích dữ liệu	Học kỳ 1, năm học thứ 1	x				Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
31	TS. Nguyễn Thị Chi	Phân tích chứng khoán	Học kỳ 2, năm học thứ 1			x		Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Quản lý tài chính cá nhân	Học kỳ 2, năm học thứ 1			x		
		Quản lý danh mục đầu	Học kỳ 1, năm			x		

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
		tư	học thứ 2					
32	PGS. TS Vũ Văn Tùng	Định giá doanh nghiệp	Học kỳ 1, năm học thứ 1			x		Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
		Đầu tư quốc tế	Học kỳ 2, năm học thứ 1			x		
		Tốt nghiệp (Đồ án, dự án, đề án)	Học kỳ 2, năm học thứ 2			x		
33	PGS. TS Vũ Duy Hào	Tốt nghiệp (Đồ án, dự án, đề án)	Học kỳ 2, năm học thứ 2			x		Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
34	TS. Vũ Thị Minh Luận	Tốt nghiệp (Đồ án, dự án, đề án)	Học kỳ 2, năm học thứ 2			x		Giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy

4.3. Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa

Bảng 4. Danh sách cán bộ quản lý cấp Khoa đối với ngành đào tạo Tài chính - Ngân hàng trình độ thạc sĩ

Số TT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Ghi chú
1	Phùng Thị Lan Hương, 05/3/1975, Trưởng Khoa, Trưởng Bộ môn Tài chính	Tiến sĩ, 2013	Tài chính - Ngân hàng	
2	Vũ Thị Thục Oanh, 11/10/1982, Phó trưởng khoa	Tiến sĩ, 2018	Tài chính - Ngân hàng	
3	Đặng Hương Giang, 19/2/1982, Trưởng Bộ môn Ngân hàng và Bảo hiểm	Tiến sĩ, 2018	Tài chính - Ngân hàng	

4.4. Các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo

Bảng 5. Các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài NCKH	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, Ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
1	812/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 07/11/2018	Cấp cơ sở	Nghiên cứu tác động của các nhân tố về chất lượng hoạt động kinh doanh ngoại tệ tới hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam	Phùng Thị Lan Hương	249/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 14/06/2019	25/05/2019	Tốt	TVTG: Hà Anh Dũng	
2	580/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 15/10/2019	Cấp cơ sở	Nghiên cứu ảnh hưởng của quản trị tài chính và minh bạch thông tin tới khả năng tiếp cận vốn tín dụng của các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Việt Nam	Phùng Thị Lan Hương	253/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 26/6/2020	02/06/2020	Xuất sắc	TVTG: Hà Anh Dũng	
3	526/QĐ-ĐHKTKTCN,	Cấp cơ sở	Tăng cường quản trị công ty với việc nâng cao hiệu quả tài	Phùng Thị Lan Hương	286/QĐ-ĐHKTKTC	28/05/2021	Tốt	TVTG: Hà Anh Dũng	

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài NCKH	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, Ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
	ngày 14/10/2020		chính của các ngân hàng thương mại Việt Nam		N, ngày 23/6/2021				
4	480/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 15/10/2021	cấp cơ sở	Nghiên cứu các nhân tố về hoạt động tín dụng ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại Việt Nam	Phùng Thị Lan Hương	417/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 13/6/2022	03/06/2022	Xuất sắc	TVTG: Hà Anh Dũng	
5	701a/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 12/9/2022	Cấp cơ sở	Nghiên cứu ảnh hưởng của tăng trưởng cho vay đến sự an toàn của các ngân hàng thương mại Việt Nam	Phùng Thị Lan Hương	510/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 12/6/2023	26/05/2023	Xuất sắc	TVTG: Hà Anh Dũng	
6	812/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 07/11/2018	Cấp cơ sở	"Đo lường chất lượng giáo dục bậc đại học ngành Tài chính - Ngân hàng trước bối cảnh cuộc cách mạng công nghệ 4.0,	Vũ Thị Thục Oanh	249/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 14/062019	25/05/2019	Tốt		

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài NCKH	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, Ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
			tại trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật – Công nghiệp”						
7	580/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 15/10/2019	Cấp cơ sở	Đánh giá mức độ phát triển của thị trường trái phiếu Chính phủ trong bối cảnh hội nhập tài chính	Vũ Thị Thục Oanh	253/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 26/6/2020	02/06/2020	Xuất sắc		
8	526/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 14/10/2020	Cấp cơ sở	Nghiên cứu mối quan hệ giữa cơ cấu vốn và và rủi ro tài chính của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán trong bối cảnh kinh tế Việt Nam hiện nay	Vũ Thị Thục Oanh	286/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 23/6/2021	28/05/2021	Tốt		
9	480/QĐ-ĐHKTKTCN,	Cấp cơ sở	Quản lý thuế đối với các doanh nghiệp hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam của cơ	Vũ Thị Thục Oanh	417/QĐ-ĐHKTKTC	03/06/2022	Xuất sắc		

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài NCKH	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, Ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
	ngày 15/10/2021		quan thuế trong bối cảnh nền kinh tế số		N, ngày 13/6/2022				
10	701a/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 12/9/2022	Cấp cơ sở	Các giải pháp nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam theo chuẩn MSCI trong giai đoạn hiện nay	Vũ Thị Thục Oanh	510/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 12/6/2023	26/05/2023	Xuất sắc		
11	812/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 07/11/2018	Cấp cơ sở	Ứng dụng Machine learning trong xếp hạng tín dụng khách hàng cá nhân tại NHTM CP Đầu tư & Phát triển Việt Nam	Đặng Hương Giang	249/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 14/062019	25/05/2019	Tốt	TVTG: Phạm Thị Ngoan	
12	580/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 15/10/2019	Cấp cơ sở	Nâng cao hiệu quả hợp tác giữa NHTM và các công ty Fintech – Nghiên cứu điển hình tại NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng VPBank	Đặng Hương Giang	253/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 26/6/2020	02/06/2020	Xuất sắc	TVTG: Phạm Thị Ngoan	

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài NCKH	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, Ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
13	526/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 14/10/2020	Cấp cơ sở	Nghiên cứu nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn tín dụng của các dự án năng lượng tái tạo tại các ngân hàng thương mại Việt Nam.	Đặng Hương Giang	286/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 23/6/2021	28/05/2021	Tốt	TVTG: Phạm Thị Ngoan	
14	480/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 15/10/2021	Cấp cơ sở	Nghiên cứu nhân tố ảnh hưởng đến thái độ học tập trực tuyến của sinh viên trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp	Đặng Hương Giang	417/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 13/6/2022	03/06/2022	Xuất sắc	TVTG: Phạm Thị Ngoan	
15	482a/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 5/10/2021	Cấp cơ sở	Nghiên cứu xây dựng cơ sở học liệu phục vụ đào tạo từ xa ngành Tài chính - Ngân hàng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp		Số 462d/QĐ–ĐHKTKTCN ngày 30 tháng 06 năm 2022		Xuất sắc	TVTG: Đặng Hương Giang	

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài NCKH	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, Ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
16	701a/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 12/9/2022	Cấp cơ sở	Nghiên cứu ảnh hưởng của xếp hạng tín nhiệm đến rủi ro tín dụng cá nhân tại các NHTM Việt nam	Đặng Hương Giang	510/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 12/6/2023	26/05/2023	Xuất sắc	TVTG: Phạm Thị Ngoan	
17	701a/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 12/9/2022	Cấp cơ sở	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư mở rộng hoạt động cung ứng thuốc của các nhà thuốc tư nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội	Nguyễn Ngọc Hải	510/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 12/6/2023	26/05/2023	Tốt		
18	812/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 07/11/2018	Cấp cơ sở	Ứng dụng mô hình hồi quy đa biến nghiên cứu tác động của cơ cấu vốn tới hiệu quả tài chính các ngân hàng thương mại Việt Nam	Đường Thị Thanh Hải	249/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 14/062019	25/05/2019	Tốt		

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài NCKH	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, Ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
19	526/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 14/10/2020	Cấp cơ sở	Nghiên cứu ảnh hưởng của cấu trúc tài chính tới sự phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay	Đường Thị Thanh Hải	286/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 23/6/2021	28/05/2021	Tốt		
20	480/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 15/10/2021	Cấp cơ sở	Nghiên cứu tác động của quyết định tài chính tới rủi ro tài chính tại các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Đường Thị Thanh Hải	417/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 13/6/2022	03/06/2022	Xuất sắc		
21	701a/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 12/9/2022	Cấp cơ sở	Nghiên cứu tác động của đòn bẩy tài chính tới rủi ro tài chính tại các doanh nghiệp niêm yết	Đường Thị Thanh Hải	510/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 12/6/2023	26/05/2023	Xuất sắc		

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài NCKH	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, Ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
			trên sàn chứng khoán Việt Nam.						
22	480/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 15/10/2021	Cấp cơ sở	Đề xuất giải pháp thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp	Lê Thị Kim Chi	QĐ 417 ngày 13/6/2022	Ngày nghiệm thu	Khá		
23	5156/QĐ-BCTngày 30/12/2016	Cấp bộ	Nghiên cứu quy trình kiểm soát chi phí quản lý chất lượng trong các doanh nghiệp chế biến thủy sản trên địa bàn tỉnh Nam Định trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế	Phạm Thị Lụa	QĐ 62/QĐ-BCT, ngày 09/01/2018	05/02/2018	Đạt, 2018-2018		

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài NCKH	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, Ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
24	5048/QĐ-BCT 27/12/2018	Cấp bộ	Nghiên cứu xây dựng giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động tài chính của doanh nghiệp công nghiệp khu vực đồng bằng sông Hồng thông qua công cụ kiểm toán	Phạm Thị Lụa	QĐ 3737/QĐ-BCT ngày 16/12/2019	31/12/2019	Đạt, 2019-2019		
25	526/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 14/10/2020	Cấp cơ sở	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng tới hiệu quả xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp Việt Nam	Phạm Thị Lụa	286/QĐ–ĐHKTKTCN ngày 23 tháng 06 năm 2021	25/05/2021	Xuất sắc, 2020-2021		
26	812/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 07/11/2018	Cấp cơ sở	Nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm cao su xuất khẩu của Việt Nam	Nguyễn Thị Chi	249/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 14/06/2019	14/6/2019	Tốt, 14/06/2019		

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài NCKH	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, Ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
27	482a/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 5/10/2021	Cấp cơ sở	Nghiên cứu xây dựng cơ sở học liệu phục vụ đào tạo từ xa ngành Kinh doanh thương mại trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp	Nguyễn Thị Chi	Số 462d/QĐ–ĐHKTKTCN ngày 30 tháng 06 năm 2022	25/7/2022	Tốt, 2021-2022		
28	701a/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 12/9/2022	Cấp cơ sở	Nâng cao năng lực cạnh tranh của các DN cung cấp dịch vụ Logistics trên địa bàn thành phố Hà Nội	Nguyễn Thị Chi	Số 510/QĐ–ĐHKTKTCN ngày 12 tháng 06 năm 2023	12/6/2022	Tốt, 12/06/2023		
29	526/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 14/10/2020	Cấp cơ sở	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng mức độ công bố thông tin trách nhiệm xã hội của các	Nguyễn Thị Thu Hằng	286/QĐ–ĐHKTKTCN ngày 23	Ngày 13/06/2021	Xuất sắc, , 2020-2021		

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài NCKH	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, Ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
			doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam		tháng 06 năm 2021				
30	812/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 07/11/2018	Cấp cơ sở	Nghiên cứu vận dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế tại công ty cổ phần Việt Nam	Hoàng Thị Phương Lan	206/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 15/05/2019	Ngày 14/06/2019	Tốt, 2018-2019		
31	526/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 14/10/2020	Cấp cơ sở	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến động lực học tập của sinh viên khối ngành kinh tế trường đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp	Hoàng Thị Phương Lan	286/QĐ–ĐHKTKTCN ngày 23 tháng 06 năm 2020	Ngày 23/06/2021	Xuất sắc, 2020-2021		
32	480/ QĐ-ĐHKTKTCN,	Cấp cơ sở	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng hệ thống	Hoàng Thị	191/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 29	Tốt, Ngày	2021-2022		

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài NCKH	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, Ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
	ngày 05/10/2021		thông tin kế toán tại các doanh nghiệp thép Việt Nam	Phương Lan	tháng 4 năm 2021	13/06/2021			
33	5048/QĐ-BCT 27/12/2018	Cấp bộ	Nghiên cứu xây dựng giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động tài chính của doanh nghiệp công nghiệp khu vực đồng bằng sông Hồng thông qua công cụ kiểm toán	Trần Thị Quỳnh Giang	QĐ 3737/QĐ-BCT ngày 16/12/2019	31/12/2019	Đạt, 2019-2019		
34	526/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 14/10/2020	Cấp cơ sở	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến áp dụng kế toán quản trị chi phí môi trường trong các doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi Việt Nam	Trần Thị Quỳnh Giang	286/QĐ–ĐHKTKTCN ngày 23 tháng 06 năm 2021	25/05/2021	Tốt 2020-2021		

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài NCKH	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, Ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
35	Số 653a/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 8/11/2021	Trọng điểm - Cấp cơ sở	Nghiên cứu nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác văn phòng làm việc phục vụ công tác chuyên môn của Khoa Kế toán - Cơ sở Hà Nội trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp theo mô hình 5S	Trần Thị Quỳnh Giang	451/QĐ–ĐHKTKTCN ngày 27 tháng 06 năm 2022	12/7/2022	2021-2022		
36	812/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 07/11/2018	Cấp cơ sở	Phát triển xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường EU dưới tác động của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU	Nguyễn Thị Phượng	249/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 14/06/2019	21/6/2019	Tốt, 14/06/2019		
37	580/QĐ-ĐHKTKTCN,	Cấp cơ sở	Nghiên cứu và đề xuất giải pháp phát triển chợ truyền thống ở khu vực Đồng Bằng	Nguyễn Thị Phượng	253/QĐ-ĐHKTKTC	03/7/2020	Xuất sắc, 2020		

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài NCKH	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, Ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
	ngày 15/10/2019		Sông Hồng trong điều kiện hiện nay		N, ngày 26/06/2020				
38	702c/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 12/09/2022	Cấp cơ sở	Nghiên cứu nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác văn phòng làm việc phục vụ công tác chuyên môn của Khoa Thương mại trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp theo mô hình 5S	Nguyễn Thị Phượng	421/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 30/05/2023	9/5/2023	Tốt, 2023		

4.5. Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo

Bảng 6. Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mở ngành đào tạo

TT	Công trình khoa học	Ghi chú
I	***Năm học 2018-2019***	
1.	Phùng Thị Lan Hương (2018), Tăng cường khả năng cạnh tranh dịch vụ ngân hàng của các ngân hàng thương mại nhà nước của Việt Nam, Tạp chí kinh tế đối ngoại	
2.	Phùng Thị Lan Hương (2019), Nâng cao chất lượng hoạt động kinh doanh ngoại tệ tại các ngân hàng thương mại Việt Nam, Tạp chí kinh tế đối ngoại	
3.	Phùng Thị Lan Hương (2019), Xuất khẩu nông sản của Việt Nam trong bối cảnh hiệp định thương mại tự do Việt Nam-Liên minh Châu Âu (EVFTA), Tạp chí kinh tế đối ngoại	
4.	Vũ Thị Thục Oanh (2019), Chất lượng đào tạo giáo dục bậc đại học ngành Tài chính - Ngân hàng trước bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0, tại trường đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp, Tạp chí Khoa học & Công nghệ	
5.	Nguyễn Ngọc Hải (2019), Đánh giá phân bổ vốn Ngân sách nhà nước cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh Lai Châu qua các tiêu chí, Tạp chí Công thương	
6.	Nguyễn Ngọc Hải (2019), Yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn Ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu, Tạp chí Khoa học & Công nghệ - Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội	
7.	Nguyễn Ngọc Hải (2019), Phát triển dịch vụ thẻ tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên Long, Tạp chí Khoa học & Công nghệ - Trường ĐH KTKTCN	
8.	Ngô.N (2018), Cách thức chuyển giá của các DN FDI ở Việt Nam, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia "Các yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động chuyển giá trong các công ty đa quốc gia", Đại học Kinh tế Quốc dân	
9.	Ngô.N (2019), Experience in Application of Enterprise Resource Planning In the World and Lessons for Vietnam, International Journal of Management Sciences and Business Research	

10.	Đường Thị Thanh Hải (2019), Mô hình hồi quy nghiên cứu tác động của cấu trúc tài chính tới hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam, Công thương, 2019(số 3/ tháng 3/2019)	
11.	Phạm.Đức Tài (2018), Công cụ đắc lực chống chuyển gía: APA, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: "Giải pháp hoàn thiện kiểm soát và hạn chế hoạt động chuyển giá đối với các doanh nghiệp ở Việt Nam", Đại học Kinh tế Quốc dân.	
12.	Phạm Thị Lụa (2019), Trách nhiệm xã hội tác động tới hiệu quả tài chính thông qua hiệu quả quản trị rủi ro tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ ngành chế biến lâm sản khu vực trung du Bắc Bộ Việt Nam, Tạp chí KHCN, Số 18-02/2019	
13.	Phạm Thị Lụa (2019), Giải pháp Logistics cho phát triển bền vững kinh tế Việt Nam, Kỷ yếu hội thảo khoa học Quốc tế: Thực trạng và giải pháp phát triển hệ thống Logistic Quốc gia và kinh tế trọng điểm Miền Trung, 04/2019	
14.	Nguyễn Thị Chi (2018), Một số vấn đề đặt ra trong hoạt động xây dựng chiến lược của các DN vừa và nhỏ, Khoa học công nghệ	
15.	Lê Thị Lý (2018), Giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên VN theo tư tưởng Hồ Chí Minh, Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á	
16.	Lê Thị Lý (2018), Tư tưởng HCM về đạo đức cách mạng và sự vận dụng của Đảng ta trong công tác cán bộ giai đoạn hiện nay, Triết học	
17.	Nguyễn Thị Thu Hằng (2018), Perceptions of Corporate Executives in the adoption of integrated reporting in Vietnam, International Conference on Finance. Accounting and Auditing (ICFAA 2018) -National Economics University	
18.	Nguyễn Thị Thu Hằng (2018), Bàn về hạn chế của Báo cáo tài chính: Nghiên cứu trường hợp Báo cáo tích hợp, Sustainable Economic Development and Business Management in the context of Globalization, SEBDM 2018-Academy of Finance	
19.	Nguyễn Thị Thu Hằng (2018), Đánh giá mức độ tương thích giữa BCTC với BCTH của các DN Việt Nam, Tạp chí Kế toán & Kiểm toán, Tr 41-43, Số 8/2018	
20.	Nguyễn Thị Thu Hằng (2018), Lợi ích và thách thức khi áp dụng Báo cáo tích hợp, Kinh tế Châu Á- Thái Bình Dương, Tr 44-46, Số 525 tháng 9/2018	

21.	Nguyễn Thị Thu Hằng (2018). Nghiên cứu và đào tạo kế toán kiểm toán/Báo cáo tích hợp: thực tế áp dụng tại các nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam, Hội thảo quốc gia- Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	
22.	Hoàng Thị Phương Lan (2018), Đánh giá thực trạng mô hình tổ chức và cơ chế hoạt động của Kiểm toán Nhà nước Việt Nam, Tạp chí công thương	
23.	Trần Thị Quỳnh Giang (2019), Những thay đổi về ghi nhận doanh thu khi áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế, Tạp chí Khoa học &Công nghệ Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp, Số 20/2019	
24.	Nguyễn Thị Phượng (2018), Nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm da giầy xuất khẩu của Việt Nam: Nội dung và các nhân tố ảnh hưởng, Tạp chí Công thương	
25.	Nguyễn Thị Phượng (2019), Một số vấn đề đặt ra cho phát triển xuất khẩu hàng hóa sang thị trường EU khi tham gia Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU, Tạp chí khoa học và công nghệ	
26.	Nguyễn Văn Hợp (2019),, Phát triển chăn nuôi bò sữa trên địa bàn huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, Tạp chí Kinh tế và quản lý số 29 (03-2019), 2019	
27.	Nguyễn Văn Hợp (2018),, So sánh phương pháp TCM và VCM trong xác định giá trị cảnh quan và mức sẵn lòng chi trả khu bảo tồn, Tạp chí Môi trường và xã hội số 4/2018, 2018	
28.	Nguyễn Thị Luyến (2018), Một số điểm nghẽn trong phát triển các vùng kinh tế trọng điểm ở Việt Nam và giải pháp khắc phục, Tạp chí Kinh tế và quản lý số 28 (12/2018)	
29.	Nguyễn Thị Mai Chi (2018), Personal income tax in hanoi university of science and technology, the 2nd Asia Pacific management research, novemner 27th, 2018	
30.	Lê Thị Thanh Tâm (2019), Mức độ sử dụng dịch vụ ngân hàng của khách hàng dân cư Việt Nam 2011-2018: Đánh giá thông qua chỉ số Findex toàn cầu, *Tạp chí Thị trường Tài chính tiền tệ* số 18 (531), trang 13-21.	
31.	Lê Thị Thanh Tâm (2018), Tăng hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách cho đồng bào dân tộc thiểu số, Tạp chí Thị trường Tài chính tiền tệ số 17 (506), trang 25-30, ISSN 1859-2805.	
32.	Mai Thị Hường (2018), Thách thức và chiến lược phát triển kinh doanh bảo hiểm nhân thọ - Kinh nghiệm ở Nigeria, Tạp chí Tài chính số kỳ 2 tháng 10.2018	

33.	Mai Thị Hường (2018), Thái độ của người tiêu dùng đối với dịch vụ bảo hiểm nhân thọ - Nghiên cứu tại thị trường Ấn Độ, Tạp chí Kinh tế châu Á Thái Bình Dương, số T10/2018	
34.	Mai Thị Hường (2018), Thái độ của người dân đối với quyết định mua bảo hiểm nhân thọ: Kinh nghiệm thực tiễn tại thị trường Bangladesh, Tạp chí Kinh tế châu Á Thái Bình Dương, số 536 T3/2019	
II	***Năm học 2019-2020***	
35.	Phùng Thị Lan Hương (2019), Kinh nghiệm thực hiện trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (CSR) ở một số doanh nghiệp Nhật Bản và một số khuyến nghị cho các DN Việt Nam., Tạp chí Quản lý và Kinh tế quốc tế	
36.	Phùng Thị Lan Hương (2020), Thị trường ngoại hối toàn cầu và hàm ý đối với Việt Nam., Tạp chí Quản lý và Kinh tế quốc tế	
37.	Phùng Thị Lan Hương (2020), Quản lý chất lượng toàn diện (TQM) trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0., Hội thảo quốc gia	
38.	Vũ Thị Thục Oanh (2020), Nghiên cứu các nhân tố tác động đến sự phát triển của thị trường trái phiếu chính phủ trong bối cảnh hội nhập tài chính, Tạp chí Khoa học & Công nghệ	
39.	Đặng Hương Giang (2020), Chính sách cho vay đối với các dự án năng lượng tái tạo của các ngân hàng thương mại Việt Nam hiện nay, Tạp chí Công Thương - Số 7 tháng 4/2020 ISSN: 0866-7756	
40.	Đặng Hương Giang (2020), Building credit scoring process in Vietnamese commercial banks using machine learning., Tạp chí Khoa học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng, ISSN – 0866 – 7969, Số 8(01), 2020	
41.	Nguyễn Ngọc Hải (2019), Kinh nghiệm quản lý, phân bổ và sử dụng ngân sách cho dự án đầu tư xây dựng cơ bản, Tạp chí Tài chính	
42.	Nguyễn Ngọc Hải (2019), Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước cấp tỉnh đối với phân bổ và sử dụng vốn Ngân sách nhà nước cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản của tỉnh Lai Châu, Tạp chí Khoa học & Công nghệ - Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội	
43.	Nguyễn Ngọc Hải (2020), Hoàn thiện quản lý phân bổ vốn Ngân sách nhà nước cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản của tỉnh Lai Châu, Tạp chí Khoa học & Công nghệ - Trường ĐH KTKTCN	

44.	Ngô Hoài Nam (2020), Experience of Companies in Asia on Solving Plastic Waste Problem, International Journal of Management Sciences and Business Research	
45.	Ngô Hoài Nam (2020), Plastics Consumption Trend: Literature Review, International Journal of Management Sciences and Business Research	
46.	Ngô Hoài Nam (2020), Evaluation of Real Situation of Enterprise Resource Planning In Vietnam, International Journal of Management Sciences and Business Research	
47.	Đường Thị Thanh Hải (2020), Sustainable Trade Development in Vietnam, Case Studies Journal, 2020(Volume 9-Issue 2- Feb 2020)	
48.	Đường Thị Thanh Hải (2020), Current Situation of the Impacts of FDI on Import ang Export Markets in Vietnam, Case Studies Journal, 2020(Volume 9, Issue 5- May 2020)	
49.	Phạm.Đức Tài (2019), FDI in Vietnam - A recent view on inadequacies and shortcomings, Hội thảo quốc tế "International Finance and Accounting Research Conference"	
50.	Hoàng Việt Trung (2019), Thực trạng giải pháp phát triển bền vững quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn Hà Nội, Kỷ yếu hội thảo quốc gia-Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	
51.	Phạm Thị Lụa (2019), Method of Teaching the Accounting Principle at University of Economic and Technical Industries, Vietnam, International Journal of Management Sciences and Business Research, 05/2019	
52.	Phạm Thị Lụa (2019), Factors influencing independent audit fees: Multi - group analysis PLS-SEM and moderate model, Management Science Letters, 09/2019	
53.	Phạm Thị Lụa (2020), Barriers of Commercial Techniques in the EU Market of Vietnam Leather and Footwear Industry, Impact Factor 3.582 Case Studies Journal ISSN, 02/2020	
54.	Phạm Thị Lụa (2020), Các nhân tố ảnh hưởng tới ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp, Tạp chí KHCN, 04/2020	
55.	Nguyễn Thị Chi (2019), Tác động công nghiệp hóa, hiện đại hóa đến năng lực cạnh tranh sản phẩm nông sản xuất khẩu của Việt nam, Khoa học công nghệ	

56.	Nguyễn Thị Chi (2020), Nghiên cứu mô hình đánh giá năng lực cạnh tranh của DN kinh tế tư nhân thuộc khu vực đồng bắng sông Hồng, Khoa học công nghệ	
57.	Nguyễn,H (2019), Impact of Corporate Social Responsibility Disclosures on The Financial Performance of Companies Listed on Vietnam Stock Market, International Conference on Finance. Accounting and Auditing (ICFAA 2019). November 8th. 2019 -National Economics University	
58.	Nguyễn Thị Thu Hằng (2020), Factors Affecting Corporate Social Responsibility Disclosure in Companies Listed on the Vietnamese Stock Market, International Journal of Innovation, Creativity and Change	
59.	Hoàng Thị Phương Lan (2019), Giải pháp hoàn thiện các yếu tố cơ bản của hệ thống kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp chuyên kinh doanh nội dung số của Việt nam, Châu Á Thái Bình Dương, Số 540 tháng 5	
60.	Hoàng Thị Phương Lan (2019), Vận dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế tại công ty cổ phần Việt Nam, Khoa học & công nghệ - Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp số 19, trang 42-45	
61.	Trần Thị Quỳnh Giang (2020), Quản lý nhà nước về phát triển kinh tế biển theo hướng bền vững tại tỉnh Khánh Hòa, Hội thảo CLB Khoa học và Công nghệ, Tạp chí tài chính Kỳ 1- Tháng 06/2020	
62.	Trần Thị Quỳnh Giang (2020), Potential development of marine economy in Khanh Hoa province, International Journal of Social Science and Economic Research, Volume: 05, Issue: 06 "June 2020", pp 1560-1571	
63.	Nguyễn Thị Phượng (2020), Nghiên cứu kinh nghiệm của một số nước về phát triển chợ truyền thống và bài học cho Việt Nam, Tạp chí khoa học và công nghệ	
64.	Nguyễn Thị Luyến (2019), Cải cách chính sách tài chính nhằm động lực thúc đẩy cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước gia đoạn 2021-2030, diễn đàn tài chính Việt Nam 2019	
65.	Nguyễn Thị Luyến (2019), mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường và cải cách thể chế kinh tế ở Việt Nam, nhà xuất bản Thanh niên	
66.	Nguyễn Thị Luyến (2019), Phát triển kinh tế tư nhân Việt Nam nhìn từ đại hội XI của Đảng đến nay, tạp chí kinh tế và quản lý	
67.	Nguyễn Thị Luyến (2019), Kinh tế nhà nước, cơ cấu lại DNNN: Đánh giá kết quả thực hiện giai đoạn 2011-2020 và	

	đề xuất phương hướng giải pháp cho giai đoạn 2021-2030, Nhà xuất bản thanh niên	
68.	Nguyễn Thị Mai Chi (2019), Reasearch on orgnization of applicable accounting work for microenterprises, the 7th International Conference on emerging challenges, 12/2019	
69.	Phùng Mạnh Hùng (2019), Tăng cường khả năng cạnh tranh dịch vụ của các ngân hàng nhà nước Việt Nam, tạp chí Kinh tế đối ngoại – ĐH Ngoại thương	
70.	Phùng Mạnh Hùng (2019), Xuất khẩu nông sản của Việt Nam trong bối cảnh Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-EU (EVFTA), tạp chí Kinh tế đối ngoại – ĐH Ngoại thương	
71.	Lê Thị Thanh Tâm (2020), Tác động của đại dịch covid-19 đến ngành ngân hàng Việt Nam: Thực trạng và một số khuyến nghị, Tạp chí Kinh tế và Phát triển số 276, tháng 6/2020, trang 2-12.	
72.	Lê Thị Thanh Tâm (2020), Tăng cường vai trò của Ngân hàng Hợp tác xã trong phát triển bền vững hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân ở Việt Nam, Tạp chí khoa học và đào tạo Ngân hàng số 212+213, tháng 1+2, 2020, ISBN 1859 – 011X, tr 16-31.	
73.	Lê Thị Thanh Tâm (2020), Trái phiếu xanh cho phát triển bền vững: Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam, *Tạp chí Ngân hàng* số 1+2, 2020, ISSN 0866-7462, trang 127-134.	
74.	Lê Thị Thanh Tâm (2020), Phát triển dịch vụ mobile money: cơ hội và thách thức tại Việt Nam, *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế* số 11 (498), tháng 11/2019, trang 25-37.	
75.	Hoàng Bích Hồng (2019), Bàn giải pháp hạn chế nhận BHXH một lần, Tạp chí BHXH kỳ 2 thàng 8/2019	
76.	Hoàng Bích Hồng (2019), Mở rộng diện bao phủ BHXH, BHYT với doanh nghiệp vừa và nhỏ, Tạp chí BHXH kỳ1 thàng 9/2019	
77.	Mai Thị Hường (2019), Ảnh hưởng của thái độ đối với rủi ro đến quyết định mua bảo hiểm nhân thọ, Tạp chí Kinh tế châu Á Thái Bình Dương, số 544 T7/2019	
78.	Mai Thị Hường (2019), Tác động của việc cung ứng bảo hiểm trực tuyến đối với các doanh nghiệp bảo hiểm và khách hàng cá nhân, Tạp chí tài chính T11/2019	

III	***Năm học 2020-2021***	
79.	Phùng Thị Lan Hương (2020), Tăng cường tiếp cận vốn tín dụng của doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam thông qua nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, Tạp chí quản lý và kinh tế quốc tế	
80.	Đặng Hương Giang (2020), Ứng dụng phương pháp tỷ số bình quân trong định giá doanh nghiệp, Tạp chí Khoa học và Công nghệ, số 24/2020	
81.	Nguyễn Ngọc Hải (2021), Phát triển dịch vụ thẻ tín dụng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á, Tạp chí Khoa học & Công nghệ - Trường ĐH KTKTCN	
82.	Nguyễn Ngọc Hải (2021), Kinh nghiệm cho các doanh nghiệp trong việc tạo vốn trên thế giới, Hội thảo khoa học quốc gia - Cục phát triển thị trường và DN khoa học và công nghệ	
83.	Nguyễn Ngọc Hải (2021), Phát triển bền vững thị trường trái phiếu xanh ở Việt Nam: Cơ hội và thách thức, Hội thảo khoa học Quốc gia – Trường ĐH KTKTCN	
84.	Ngô Hoài Nam (2021), Những hạn chế trong định giá bất động sản thế chấp tại các ngân hàng thương mại và giải pháp khắc phục, Tạp chí Công thương	
85.	Ngô Hoài Nam (2022), Nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty cổ phần dược phẩm IMEXPHARM trong quá trình hội nhập, Tạp chí Khoa học công nghệ	
86.	Phạm.Đức Tài (2021), Thực trạng và giải pháp phát huy vai trò của kinh tế du lịch đối với nền kinh tế Việt Nam, Tạp chí công thương	
87.	Phạm.Đức Tài (2021), Finalize the istitution, policy on attracting foreign direct investment in Vietnam following the orientation of transparency, equality and appropriateness for the international practice, Journal of Finance & Accounting Research	
88.	Lê Thị Kim Chi (2020), Để doanh nghiệp KH&CN đóng góp nhiều hơn vào GDP, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Bộ Khoa học và Công nghệ	
89.	Lê Thị Kim Chi (2020), Phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ năm 2020: Kết quả và giải pháp, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Bộ Khoa học và Công nghệ	

90.	Phạm Thị Lụa (2020), Đào tạo nguồn nhân lực Logistic và phong cách cung ứng dịch vụ chuyên nghiệp, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: Phát triển nguồn nhân lực Logistic ở Việt Nam, 10/2020	
91.	Phạm Thị Lụa (2021), Proposed Model Factors Affecting on Agriculture Import and Export Performance, International Journal of Agriculture and Biological Sciences- ISSN (2522-6584), 04/2021	
92.	Phạm Thị Lụa (2021), Ảnh hưởng của chất lượng mối quan hệ tới hiệu quả XNK của các DN Việt Nam: Nghiên cứu trường hợp các DN dệt may Việt Nam, Tạp chí KHCN, 6/2021	
93.	Nguyễn Thị Chi (2021), Vai trò của Kinh tế tư nhân trong phát triển kinh tế các tỉnh miền Trung, Tài chính	
94.	Nguyễn Thị Chi (2021), Hỗ trợ pháp luật phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại VN, Châu á Thái Bình Dương	
95.	Nguyễn Thị Thu Hằng (2020), Review of studies on benefits and challenges of the application of integrated reporting, International Conference on Finance. Accounting and Auditing (ICFAA 2020). December 19th, 2020 -National Economics University	
96.	Hoàng Thị Phương Lan (2020), Sử dụng công cụ kế toán và kiểm toán để nâng cao hiệu quả quản lý tài chính ở các trường đại học ngoài công lập của Việt Nam tại Hà Nội, Khoa học & công nghệ - Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp số 25, trang 63- 72	
97.	Hoàng Thị Phương Lan (2020) Nghề Kế toán Kiểm toán trong kỷ nguyên công nghệ số, Tạp chí Công thương Số 7 tháng 4, trang 248 – 251	
98.	Hoàng Thị Phương Lan (2020) Các nhân tố chi phối đến tổ chức công tác kế toán tại các trường đại học tư thục của Việt Nam, Tạp chí Châu Á Thái Bình dương, Số 562 tháng 4	
99.	Hoàng Thị Phương Lan (2020) Review of studies on benefits and challenges of the application of integrated reporting, International Conference on Finance. Accounting and Auditing (ICFAA 2020). December 19th, 2020 -National Economics University	

100.	Hoàng Thị Phương Lan (2020) Factors Affecting Corporate Social Responsibility Disclosure in Companies Listed on the Vietnamese Stock Market, International Journal of Innovation, Creativity and Change	
101.	Trần Thị Quỳnh Giang (2020), State Management on the Marine Economic Development in a Sustainable Direction in Khanh Hoa Province, Vietnam, International Journal of Innovation, Creativity and Change, Volume 13, Issue 12, 2020, pp 1059-1077	
102.	Nguyễn Thị Phượng (2021), Một số giải pháp hoàn thiện chính sách thương mại nhằm phát triển xuất khẩu bền vững sản phẩm da giầy của Việt Nam, Tạp chí kinh tế Chấu Á Thái Bình Dương	
103.	Nguyễn Thị Phượng (2021), Chi số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI)-công cụ theo dõi, giám sát thực thi chính sách hiệu quả, Tạp chí Công thương	
104.	Nguyễn Văn Hợp (2021), Thực trạng tiếp cận dịch vụ sản xuất nông nghiệp của các Hộ dân trên địa bàn huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình, Tạp chí Khoa học công nghệ Lâm nghiệp, số 2 năm 2021	
105.	Nguyễn Văn Hợp (2020), Các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn đến Mai Châu của du khách, Tạp chí Du lịch Tháng 11/2020; Số 11, 2020	
106.	Nguyễn Thị Luyến (2020), Vai trò, vị trí và sự cần thiết của khu vực doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam, hội thảo khoa học do học viện chính trị quốc gia thành phố Hồ Chí Minh	
107.	Nguyễn Thị Mai Chi (2021), Sự cần thiết của kế toán quản trị trong đợn vị sự nghiệp công lập tại Việt Nam, tạp chí Kinh tế chấu Á- Thái Bình Dương, tàng 1/2021	
108.	Phùng Mạnh Hùng (2020), Kinh nghiệm thực hiện trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (CSR) của một số doanh nghiệp Nhật Bản và một số khuyến nghị cho các doanh nghiệp Việt Nam, Tạp chí Quản lý và kinh tế quốc tế	
109.	Phùng Mạnh Hùng (2020), Thị trường ngoại hối toàn cầu và những hàm ý cho Việt Nam, Tạp chí Quản lý và kinh tế quốc tế	
110.	Lê Thị Thanh Tâm (2021), Các nhân tố tác động đến ý định sử dụng dịch vụ cho vay khách hàng cá nhân của ngân hàng thương mại: Trường hợp nghiên cứu tại ACB – Chi nhánh Thăng Long, Tạp chí Khoa học Thương mại số 153,	

	tháng 5/2021, trang 71-82.	
111.	Lê Thị Thanh Tâm (2020), Các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ sinh lợi của tổ chức tài chính vi mô tại Việt Nam, Tạp chí Kinh tế & Phát triển số 281(II), 11/2020, trang 14-23. ISSN 1859-0012.	
112.	Lê Thị Thanh Tâm (2021), Hoạt động của các tổ chức tài chính vi mô Việt Nam trong bối cảnh phát triển tài chính toàn diện: 10 năm nhìn lại, *Tạp chí Thị trường Tài chính tiền tệ*, số 7 (567), 2021, trang 18-24.	
113.	Hoàng Bích Hồng (2020), Trợ cấp cho người bị bệnh nghề nghiệp tại Việt Nam và vấn đề đặt ra từ đại dịch covid - 19, Tạp chí lao động và xã hội, kỳ 2 tháng 10/2020	
114.	Hoàng Bích Hồng (2021), Thực trạng và giải pháp phát triển đối tượng tham gia BHXH, Tạp chí tài chính số tháng 1+2/2021	
115.	Hoàng Bích Hồng (2021), Một số giải pháp phát triển đối tượng tham gia BHYT ở khu vực phi chính thức, Tạp chí Lao động và xã hội, kỳ 1, tháng 5/2021	
116.	Vũ Thị Minh Luận (2021), Hoạt động khởi nghiệp sáng tạo của Việt Nam - Một số khó khăn và điều kiện để phát triển, Tạp chí giáo dục và xã hội tháng 7/2021/ISSN 1859-3917	
IV	***Năm học 2021-2022***	
116.	Phùng Thị Lan Hương (2021), Tăng cường tiếp cận vốn tín dụng của doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam thông qua nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, Hội thảo quốc gia	
117.	Phùng Thị Lan Hương (2021), Nâng cao hiệu quả tài chính của các NHTM Việt Nam thông qua tăng cường quản trị công ty, Tạp chí khoa học công nghệ-ĐH Kinh tế Kỹ thuật CN	
118.	Vũ.Thị Thục Oanh (2021), Đánh giá sự tác động của cơ cấu vốn đến rủi ro tài chính của các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam, Tạp chí Khoa học & Công nghệ	
119.	Đặng Hương Giang (2021), Rủi ro dự án năng lượng tái tạo và nhu cầu bảo hiểm trong lĩnh vực năng lượng tại Việt Nam hiện nay, Hội thảo quốc gia ngành bảo hiểm trong bối cảnh toàn cầu hoá, Trường đại học Lao động - Xã hội, ISBN: 978-604-325-830-1.	
120.	Đặng Hương Giang (2022), Mô hình đào tạo kết hợp Blended Learning tại một số trường đại học thuộc Bộ Công	

	Thương, Tạp chí công thương Số 11, Tháng 5/2022;	
121.	Nguyễn Ngọc Hải (2022), Quản lý chi ngân sách nhà nước tại tỉnh Lai Châu: Thực trạng và khuyến nghị chính sách, Tạp chí Khoa học & Công nghệ - Trường ĐH KTKTCN	
122.	Nguyễn Ngọc Hải (2022), Ứng dụng mô hình phân tích dupont trong đánh giá hiệu quả tài chính tại công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng, Tạp chí Khoa học & Công nghệ - Trường ĐH KTKTCN	
123.	Ngô Hoài Nam (2022), The effects of dynamic employee capabilities, fintech and innovative work behavior on employee and supply chain performance: Evidence from Vietnamese financial industry, Uncertain Supply Chain Management	
124.	Đường Thị Thanh Hải (2021), Mô hình hồi quy nghiên cứu các yếu tố tác động đến cấu trưc vốn tại các doanh nghiệp Việt Nam, Khoa học công nghệ (Trường ĐHKTKTCN)	
125.	Phạm.Đức Tài (2022), Increasing Investment Promotion Activities To Attract Foreign Direct Investmen, Hội thảo quốc tế "Proceedings the fifth international conference on sustainable economic development and business management in the context of globalisation **(SEDBM-5)**"	
126.	Hoàng Việt Trung (2021). Giải pháp thúc đẩy tín dụng xanh góp phâng phát triển kinh tế bền vững tại Việt Nam, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia - ĐHKTKTCN	
127.	Lê Thị Kim Chi (2021), Kinh nghiệm quốc tế trong bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về định giá công nghệ, định giá tài sản trí tuệ và bài học rút ra cho Việt Nam, Tạp chí Công thương, Bộ Công thương	
128.	Lê Thị Kim Chi (2021), Khả năng làm chủ công nghệ của các doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh: Thực trạng và giải pháp, Tạp chí nghiên cứu Công nghiệp và Thương	
129.	Lê Thị Kim Chi (2021), Hoạt động đổi mới sáng tạo của DN phục vụ phát triển kinh tế xã hội hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc gia 2021 "Giải pháp khoa học, kỹ thuật và phát triển kinh tế xã hội	

130.	Lê Thị Kim Chi (2021), Covid-19, cơ hội cho phát triển du lịch bền vững, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc gia 2021 "Giải pháp khoa học, kỹ thuật và phát triển kinh tế xã hội	
131.	Nguyễn Thị Chi (2021), Một số vấn đề đặt ra đối với việc phát triển KTTN trong bối cảnh kinh tế số tại VN, Hội Thảo quốc gia	
132.	Nguyễn Thị Chi (2022), Vấn đề quản lý dịch vụ công trong nền kinh tế thị trường, Tạp chí công thương	
133.	Nguyễn Thị Thu Hằng (2021), Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp trong thời kỳ chuyển đổi số. Hội thảo khoa học quốc gia về Kế toán kiểm toán VCAA 2021- Trường ĐHKTQD	
134.	Hoàng Thị Phương Lan (2021) Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng hệ thống thông tin kế toán tại các doanh nghiệp thép Việt Nam, Hội thảo khoa học quốc gia 2021: Giải pháp khoa học kỹ thuật và phát triển kinh tế xã hội hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp; Quyển 2, trang 113 - 125	
135.	Nguyễn Thị Phượng (2022), Một số vấn đề về chính sách thương mại nhằm phát triển bền vững sản phẩm Da giầy của Việt Nam, Kỷ yếu hội Thảo khoa học Quốc gia	
136.	Nguyễn Thị Luyến (2022), Giải pháp thưc đẩy cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước đến năm 2025, Tạp chí Quản lý ngân quỹ quốc gia, số 239 (5/2022)	
137.	Nguyễn Thị Luyến (2022), Nâng cao năng lực của khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam trong giai đoạn tới, tạp chí kinh tế và dự báo số 1 (1/2022)	
V	***Năm học 2022-2023***	
138.	Phùng Thị Lan Hương (2022), Hoạt động tín dụng và hiệu quả hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại Việt Nam, Tạp chí khoa học công nghệ-ĐH Kinh tế Kỹ thuật CN	
139.	Vũ Thị Thục Oanh (2022), Nâng cao tính tuân thủ tự nguyện nộp thuế của các doanh nghiệp hoạt động thương mại điện tử việt nam trong thời đại số hiện nay, Kỷ yếu Hội thảo quốc gia	
140.	Đặng.Hương Giang (2023), Ứng dụng công nghệ trong xếp hạng tín nhiệm và quản trị rủi ro ngân hàng - kinh nghiệm thế giới và bài học cho các ngân hàng thương mại Việt Nam, Hội thảo Quốc gia "Chuyển đổi số trong lĩnh vực Kế	

	toán, Kiểm toán và Tài chính - Ngân hàng tại Việt Nam", Đại học Lao động - Xã hội, Tháng 5/2023	
141.	Đặng. Hương Giang (2023), Phát triển công nghệ tài chính tại Trung Quốc và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam, Hội thảo Quốc gia "Chuyển đổi số - cơ hội và thách thức cho các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam", Đại học Kinh tế Quốc dân	
142.	Nguyễn Ngọc Hải (2023), Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư mở rộng hoạt động cung ứng thuốc của các nhà thuốc tư nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội, Tạp chí Khoa học & Công nghệ - Trường ĐH KTKTCN	
143.	Ngô Hoài Nam (2023), Giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh cho các ngân hàng thương mại trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, Kinh tế châu á- thái bình dương	
144.	Ngô Hoài Nam (2023), Thực trạng thị trường trái phiếu Việt Nam trong thời gian gần đây, Kinh tế châu á- thái bình dương	
145.	Ngô Hoài Nam (2023), Tình trạng suy thoái kinh tế thế giới thực trạng và giải pháp, Kinh tế châu á- thái bình dương	
146.	Ngô Hoài Nam (2023), Phát triển ngân hàng số ở Việt Nam, Kinh tế châu á- thái bình dương	
147.	Ngô Hoài Nam (2023), Phối hợp điều hành chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ tài Việt Nam, Kinh tế châu á- thái bình dương	
148.	Ngô Hoài Nam (2023), Giải pháp kinh tế nhằm hỗ trợ nhà cho công nhân tại các khu công nghiệp, Kinh tế châu á- thái bình dương	
149.	Đường Thị Thanh Hải (2023), Nghiên cứu thực trạng cấu trúc vốn của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, Châu Á- Thái Bình Dương, 2023 (số tháng 4/2023)	
150.	Đường Thị Thanh Hải (2023), Nhận diện rủi ro tài chính tại các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, Châu Á- Thái Bình Dương, 2023 (số 634/ tháng 5/2023)	
151.	Đường Thị Thanh Hải (2023), Nghiên cứu ảnh hưởng của cấu trúc tài chính tới sự phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam, Khoa học công nghệ (Trường ĐHKTKTCN), 2023 (số 40)	
152.	Phạm.Đức Tài (2022), The effects of dynamic employee capabilities, fintech and innovative work behavior on	

	employee and supply chain performance: Evidence from Vietnamese financial industry, Uncertain Supply Chain Management	
153.	Lê Thị Kim Chi (2022), Nghiên cứu thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong trường đại học, Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Trường đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp	
154.	Lê Thị Kim Chi (2022), Kinh nghiệm quốc tế trong phát triển hoạt động định giá công nghệ, tài sản trí tuệ: Gợi suy cho Việt Nam, Tạp chí Công thương, Bộ Công thương	
155.	Nguyễn Thị Chi (2023), Nghiên cứu nhân tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của các DN cung cấp dịch vụ Logistics, Châu á Thái Bình Dương	
156.	Nguyễn Thị Thu Hằng (2022), Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng mức độ công bố thông tin trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, Tạp chí khoa học và công nghệ	
157.	Hoàng Thị Phương Lan (2022,) Trí tuệ nhân tạo thay đổi tương lai ngành kế toán, kiểm toán, Hội thảo khoa học quốc gia về Kế toán và Kiểm toán- VCCA 2022, Trang 814-818	
158.	Nguyễn Thị Phượng (2022), Ứng dụng các mô hình quốc tế mọt cửa cung cấp dịch vụ công tại Việt Nam, Tạp chí công thương	
159.	Nguyễn Thị Phượng (2023), Giải pháp phát triển kinh tế Huyện Thạch Thất, Tạp chí công thương	
160.	Nguyễn Thị Luyến (2023), Đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong pháp triển kinh tế tuần hoàn dưới góc nhìn trách nhiệm xã hội, Hội thảo khoa học- Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và liên đoàn thương mại và công nghiệp Việt Nam, 17/12/2023	
161.	Nguyễn Thị Luyến (2023), Chính sách đầu tư ra nước ngoài và sự tham gia của doanh nghiệp khu vực tư nhân Việt Nam, Hội thảo khoa học – trường đại học Kinh tế quốc dân	
162.	Nguyễn Thị Luyến (2023), Những điểm nhân trong phát triển kinh tế tư nhân ở Việt Nam từ đổi mới đến nay, tạp chí kinh tế và quản lý số 56 (4/2023)	
163.	Nguyễn Thị Luyến (2023), Chính sách phát triển kinh tế tư nhân trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam: cơ sở lý luận và hệ thống chính sách, Hội thảo khoa học quốc gia– trường đại học Kinh tế quốc dân (16/03/2023)	

164.	Nguyễn Thị Luyến (2022), Một số kinh nghiệm và giải pháp trong việc xây dựng và phát triển chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm OCOP, Hội thảo khoa học –thành phố Lạng Sơn (14/10/2022)	
165.	Nguyễn Thị Luyến (2022), Một số vấn đề trong "chính thức hóa" hộ kinh doanh ở Việt nam, tạp chí kinh tế tài chính Việt Nam, số 4 (43)-8/2022	
166.	Hoàng Bích Hồng (2022), Bàn về sự tuân thủ pháp luật bảo hiểm xã hội, Tạp chí bảo hiểm xã hội, tháng 10/2022	
167.	Hoàng Bích Hồng (2023), Vai trò của bảo hiểm xã hội đối với chính sách an sinh xã hội, Tạp chí lao động và xã hội, kỳ 2 tháng 4/2023	
168.	Hoàng Bích Hồng (2032), Tiến tới BHXH toàn dân nhìn từ bài học kinh nghiệm BHYT toàn dân, Tạp chí bảo hiểm xã hội, tháng 4/2023	
169.	Lê Thị Xuân Hương (2023), Factors Affecting Customers'satisfaction on Public service Quality at the social Insurance agency ò Lao Cai Province. Vietnam, Interational Journal of Multidisciplinary Research and analysis	
170.	Mai Thị Hường (2022), Tác động của trí tuệ nhân tạo đến chuỗi giá trị và phát hiện gian lận trong các doanh nghiệp bảo hiểm, Hội thảo quốc gia trường đại học Tây Nguyên	
171	Vũ Thị Minh luận (2022), Đổi mới sáng tạo mô hình kinh doanh thúc đẩy nền kinh tế tuần hoàn của Việt Nam, Đặc san Nghiên cứu chính sách và xã hội	

PHẦN V. ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ VẬT CHẤT ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

5.1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành đào tạo trình độ đại học

Bảng 7. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành Tài chính - Ngân hàng đào tạo trình độ thạc sĩ

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Học phần /môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu					
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	14	3.066	Tập trung học viên đầu khóa, cuối khóa	Học kỳ 1 năm thứ nhất Học kỳ cuối	
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	28	3398	Triết học	Học kỳ 1 – năm thứ nhất	
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	305	25.412	Các buổi hội thảo khoa học	Trong khóa học	
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	7	348	Tất cả các học phần trong chương trình đào tạo	Trong khóa học	
1.5	Số phòng học đa phương tiện	20	450	Các học phần liên quan đến nội dung thảo luận	Trong khóa học	
1.6	Phòng máy tính	26	1526	Tất cả các học phần trong chương trình đào tạo	Trong khóa học	
2	Thư viện, trung tâm học liệu	11	3700	Tất cả các học phần trong chương trình đào tạo	Trong khóa học	
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	15	1450	Các học phần thực hành, thực tập	Trong khóa học	

5.2. Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập của ngành đào tạo

Bảng 8. Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập của ngành đào tạo

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					**Tên học phần môn học sử dụng thiết bị**	**Thời gian dử dụng (học kì, năm học)**	**Số người học /máy, thiết bị**	**Ghi chú**
TT	**Tên gọi của máy, thiết bị, kí hiệu, mục đích sử dụng**	**Nước xuất bản/Năm xuất bản**	**Số lượng**	**Đơn vị**				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Bàn sinh viên	Việt Nam/2022	40	Cái	Tất cả các học phần trong chương trình đào tạo	Trong khóa học	1	HN
2	Bàn sinh viên	Việt Nam/2022	20	Cái	Tất cả các học phần trong chương trình đào tạo	Trong khóa học	1	NĐ
3	Bảng di động	Việt Nam/2022	2	Cái	Tất cả các học phần trong chương trình đào tạo	Trong khóa học	30	HN
4	Bảng di động	Việt Nam/2019	2	Cái	Tất cả các học phần trong chương trình đào tạo	Trong khóa học	30	NĐ
5	Bộ máy tính Acer	Việt Nam/2019	12	Cái	Tất cả các học phần trong chương trình đào tạo	Trong khóa học	1	NĐ
6	Máy vi tính	Trung Quốc/2019	12		Tất cả các học phần trong chương trình đào tạo	Trong khóa học	1	HN
7	Cục phát Wifi	Đài Loan/2022	2		Tất cả các học phần trong chương trình đào tạo	Trong khóa học	30	HN
8	Điều hòa	Thái Lan/ 2022	5		Tất cả các học phần trong chương trình đào tạo	Trong khóa học	30	HN
9	Ghế nhân viên	Việt Nam/2023	12		Tất cả các học phần trong chương trình đào tạo	Trong khóa học	1	HN
10	Ghế sinh viên	Việt Nam/2022	82		Tất cả các học phần trong chương trình đào tạo	Trong khóa học	1	HN, NĐ

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần môn học sử dụng thiết bị	Thời gian dử dụng (học kì, năm học)	Số người học /máy, thiết bị	Ghi chú
TT	Tên gọi của máy, thiết bị, kí hiệu, mục đích sử dụng	Nước xuất bản/Năm xuất bản	Số lượng	Đơn vị				
11	Ghế xuân hòa trắng	Việt Nam/2019	25		Tất cả các học phần trong chương trình đào tạo	Trong khóa học	1	NĐ
12	Quạt điện cơ	Việt Nam/2022	10		Tất cả các học phần trong chương trình đào tạo	Trong khóa học	5	HN,
13	Quạt	Việt Nam /2020	10		Tất cả các học phần trong chương trình đào tạo	Trong khóa học	5	NĐ
14	Ti vi	Trung Quốc/2021	2		Tất cả các học phần trong chương trình đào tạo	Trong khóa học	30	HN
15	Ti vi TCL	Việt Nam/2020	3		Tất cả các học phần trong chương trình đào tạo	Trong khóa học	30	NĐ
16	Tủ sắt Hòa Phát	Việt Nam/2018	4		Tất cả các học phần trong chương trình đào tạo	Trong khóa học	5	HN
17	Tủ xuân hòa	Việt Nam/2022	5		Tất cả các học phần trong chương trình đào tạo	Trong khóa học	5	NĐ
18	Bàn ghế thực hành máy tính	Việt Nam/ 2019	12		Tất cả các học phần trong chương trình đào tạo	Trong khóa học	1	NĐ
19	Bàn làm việc	Việt Nam/ 2022	8		Tất cả các học phần trong chương trình đào tạo	Trong khóa học	2	HN

5.3. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo

a) Thư viện

- Diện tích thư viện: 3700 m2
- Số chỗ ngồi: 700
- Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 15
- Phần mềm quản lý thư viện: Kipos
- Thư viện điện tử: Có

Thư viện Nhà trường được bố trí ở cả 3 địa điểm Minh Khai, Lĩnh Nam và Nam Định với tổng diện tích 3700 m2 với 700 chỗ ngồi; có hệ thống wifi sử dụng miễn phí; có 15 máy tính hỗ trợ tra cứu tài liệu và thông tin; có phần mềm quản lý thư viện Kipos để theo dõi các dữ liệu tạo thuận lợi cho người dùng khai thác, sử dụng tài liệu một cách thuận lợi nhất.

Hiện tại, Thư viện đang có số lượng tài liệu in là: 8.384 đầu tương đương với 49.685 bản và tài liệu số là: 2.839 bản, được khai thác và sử dụng trên website thư viện có tên miền là: https://lib.uneti.edu.vn

Bên cạnh đó, Trường đã ký kết thỏa thuận hợp tác khai thác tài liệu số nội sinh của Đại học Bách Khoa Hà Nội; Đại học Quốc gia Hà Nội và 05 CSDL điện tử trực tuyến quốc tế đó là: Springer Ebooks, IG Publishing Ebooks, Elservier Ebooks, Sage Journal, Emerald Insight giúp đa dạng hóa nguồn tài nguyên thông tin của thư viện đáp ứng nhu cầu tài liệu của bạn đọc phục vụ công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

- Mạng wifi: Thư viện có hệ thống mạng wifi phục vụ cho bạn đọc tại các địa điểm.
- Phần mềm quản lý thư viện: Kipos - Thư viện điện tử: https://lib.uneti.edu.vn

b) Sách, giáo trình, tài liệu học tập

Bảng 9. Danh mục giáo trình, sách, tài liệu học tập

STT	Tên giáo trình/ sách/tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1.	Giáo trình Triết học	Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.	Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022, Việt Nam	1	Triết học (Philosophy)		Học kỳ 1, năm học thứ 1	
2.	Triết học phương Tây	Đỗ Minh Hợp, Nguyễn Anh Tuấn, Nguyễn Thanh	NXB TH TPHCM, 2008, , Việt Nam					
3.	Giáo trình triết học Mác – Lênin	Học viện chính trị hành chính quốc gia Hồ Chí Minh	NXB: Lý luận chính trị, 2007, Việt Nam					
4.	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	Nguyễn Đình Thọ	NXB tài chính, 2014, Việt Nam		Phương pháp nghiên cứu khoa học		Học kỳ 1, năm học thứ 1	
5.	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học và thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học	Nguyễn Duy Bảo	NXB Bưu Điện, 2007, Việt Nam					
6.	Nghiên cứu định lượng trong kế toán-kiểm toán,	Đinh Phi Hổ, Võ Văn Nhị, Trần Phước	NXB Tài chính, 2018, Việt Nam					

7.	Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh	Nguyễn Văn Thắng	NXB Đại học kinh tế quốc dân, 2019, Việt Nam					
8.	Practical Research Methods	Dawson, Cathrin	New Delhi, UBS Publisheer' Distributors, 2002					
9.	Giáo trình Kinh tế học Tập I, Tập II	PGS. TS Vũ Văn Dũng, PGS. TS Nguyễn Văn Công	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, 2018, Việt Nam		Kinh tế học		Học kỳ 1, năm học thứ 1	
10.	Kinh tế học vĩ mô	Damian Ward - David Begg	Nhà xuất bản Thống kê, 2011, Việt Nam					
11.	Bài tập Kinh tế học	Damian Ward - David Begg	Nhà xuất bản Thống kê, 2008, Việt Nam					
12.	Nguyên lý Kinh tế học	N.Gregory Mankiw	Nhà xuất bản Thống kê, 2013, Việt Nam					
13.	Giáo trình Phân tích số liệu thống kê	TS. Đỗ Anh Tài	NXB Thống kê, 2008, Việt Nam		Thống kê và phân tích dữ liệu		Học kỳ 1, năm học thứ 1	
14.	Giáo trình lý thuyết thống kê và phân tích dự báo	TS. Chu Văn Tuấn và TS. Phạm Thị Kim Vân	NXB Tài chính., 2008, Việt Nam					
15.	Phân Tích Dữ Liệu Với R	TS. Nguyễn Văn Tuấn	NXB Tổng Hợp TP.HCM, 2020, Việt Nam	9				
16.	Thống kê thực hành với sự trợ giúp của SPSS và STATA	PGS.TS. Ngô Văn Thứ	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2019, Việt Nam	10				

17.	Giáo trình Tin học ứng dụng trong thống kê	PGS.TS. Trần Thị Kim Thu và TS. Đỗ Văn Huân	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2019, Việt Nam					
18.	Nghiên cứu định lượng trong Kế toán – Kiểm toán	PGS.TS. Đinh Phi Hổ	NXB Tài chính, 2018, Việt Nam					
19.	Thị trường tài chính và các định chế tài chính	Lê Thị Tuyết Hoa	NXB Kinh tế TPHCM, 2018, Việt Nam		Thị trường tài chính và các tổ chức trung gian		Học kỳ 1, năm học thứ 1	
20.	Lý thuyết tài chính tiền tệ	Cao Thị Ý Nhi, Đặng Anh Tuấn	NXB ĐHKTQD, 2018, Việt Nam	11				
21.	Financial Markets and Institutions 13th	Jeff Madura,	South-Western Cengage Learning, 2021.					
22.	Financial Markets and Institutions	Frederic S. Mishkin, Stanley G. Eakins	Global Edition, 9th Edition, Pearson, 2018.					
23.	Financial Institutions	David S. Kidwell, David W. Blackwell, David A. Whidbee, Richard W. Sias	Markets & Money 12th, John Wiley & Sons, 2016					
24.	26 chuẩn mực kế toán Việt Nam và toàn bộ thông tư hướng dẫn các chuẩn mực	Bộ Tài chính	Nhà xuất bản Thống kê, 2014, Việt Nam		Kế toán tài chính		Học kỳ 1, năm học thứ 1	

25.	Thông tư 200/2014/TT-BTC: Chế độ kế toán doanh nghiệp	Bộ Tài chính	2014, Việt Nam					
26.	Thông tư 202/2014/TT-BTC: Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất	Bộ Tài chính	2014, Việt Nam					
27.	Kế toán tài chính (quyển 1)	Nguyễn Xuân Hưng, Phan Thị Thu Hà	Nhà xuất bản Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2016, Việt Nam					
28.	TLHT Kế toán tài chính (quyển 2)	Nguyễn Thị Kim Cúc	Nhà xuất bản Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2020, Việt Nam	5				
29.	Hướng dẫn lập báo cáo tài chính hợp nhất (theo VAS và IFRS)	Đặng Thế Hòa	Nhà xuất bản Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, 2019, Việt Nam					
30.	Intermediate Accounting: IFRS edition	Kieso D., Weygandt J., Warfield T	3rd edition, Wiley					
31.	Marketing ngân hàng	PGS.TS. Nguyễn Thị Minh Hiền	NXB Thống Kê, 2016, Việt Nam					

32.	Tài liệu học tập marketing ngân hà ng	Mai Tuấn Anh, Lê Phương Hoa, Ngô Hoài Nam	Trường ĐH KTKTCN, 2019, Việt Nam	Bản mềm	Quản trị Marketing Ngân hàng		Học kỳ 2, năm học thứ 1	
33.	Giáo trình nghiên cứu Marketing	Nguyễn Viết Lâm, Vũ Minh Đức, Phạm Thị Huyền	Đại học Kinh tế Quốc dân, 2021, Việt Nam	10				
34.	Giáo trình nghiên cứu marketing	Đào Thị Minh Thanh, Nguyễn Sơn Lam	NXB Tài chính, 2019., Việt Nam	6				
35.	Quản trị marketing	Philip Kotler, Kevin Lane Keller; Dịch: Ngô Thị Ngọc Huyền,...[và những người khác]	NXB Hồng Đức, 2020, Việt Nam	10				
36.	Giáo trình Kinh tế bảo hiểm	Phạm Thị Định, Nguyễn Văn Định	NXB ĐH Kinh tế quốc dân, 2018, Việt Nam	1	Kinh tế Bảo hiểm		Học kỳ 1, năm học thứ 1	
37.	Giáo trình Bảo hiểm	Nguyễn Văn Định	NXB ĐH Kinh tế quốc dân, 2016, Việt Nam	1				
38.	Tài liệu học tập Nguyên lý bảo hiểm	Trần Thị Ngọc Anh	ĐHKTKTCN, 2020, Việt Nam	Bản mềm				
39.	Tài liệu học tập Bảo hiểm thương mại	Trần Thanh Phúc, Trần Thị Ngọc Anh, Nguyễn Thị Quỳnh Trang	ĐHKTKTCN, 2022, Việt Nam	Bản mềm				

40.	Tài liệu học tập Bảo hiểm xã hội	Đặng Hương Giang, Trần Thị Ngọc Anh	ĐHKTKTCN, 2022, Việt Nam	Bản mềm				
41.	Bài giảng Toán Tài chính	Nguyễn Thị Ngọc Diệp, Trương Thị Hoài Linh	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, 2019		Toán tài chính		Học kỳ 1, năm học thứ 1	
42.	Toán tài chính ứng dụng	Nguyễn Tấn Bình	Nhà xuất bản tài chính, 2022 , Việt Nam	6				
43.	Giáo trình Tài chính Doanh Nghiệp	Vũ Duy Hào, Trần Minh Tuấn	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2019, Việt Nam	14				
44.	Tài chính doanh nghiệp	Bùi Hữu Phước, Lê Thị Lanh, Phan Thị Nhi Hiếu	NXB Tài chính, 2020, Việt Nam	6				
45.	Tài chính doanh nghiệp	Ross, Westerfield, Jaffe	NXB Kinh tế TP Hồ Chí Minh, 2019, Việt Nam	5				
46.	Marketing ngân hàng	PGS.TS. Nguyễn Thị Minh Hiền	NXB Thống Kê, 2016., Việt Nam		Ngân hàng Trung ương và chính sách tiền tệ		Học kỳ 2, năm học thứ 1	
47.	Tài liệu học tập marketing ngân hà ng	Mai Tuấn Anh, Lê Phương Hoa, Ngô Hoài Nam	Trường ĐH KTKTCN, 2019, Việt Nam	Bản mềm				
48.	Giáo trình nghiên cứu Marketing	Nguyễn Viết Lâm, Vũ Minh Đức, Phạm Thị Huyền	Đại học Kinh tế Quốc dân, 2021, Việt Nam	10				

49.	Giáo trình nghiên cứu marketing	Đào Thị Minh Thanh, Nguyễn Sơn Lam	NXB Tài chính, 2019, Việt Nam	6				
50.	Quản trị marketing	Philip Kotler, Kevin Lane Keller; Dịch: Ngô Thị Ngọc Huyền,...[và những người khác],	NXB Hồng Đức, 2020, Việt Nam	10				
51.	Giáo trình Tài chính công	Trần Đức Cân	NXB Lao động, 2016, Việt Nam	Bản mềm	Tài chính công nâng cao		Học kỳ 2, năm học thứ 1	
52.	Giáo trình Quản lý công	Trần Anh Tuấn	NXB Bách khoa Hà Nội, 2015, Việt Nam					
53.	Giáo trình Lý thuyết Quản lý Tài chính công	Hoàng Thị Thúy Nguyệt	NXB Tài chính, 2016, Việt Nam	5				
54.	Luật Ngân sách nhà nước	Quốc hội khóa XIII	2015					
55.	Giáo trình Kinh tế công cộng	Bùi Đại Dũng	NXB Đại Học Quốc Gia Hà Nội, 2018, Việt Nam					
56.	Giáo trình Tài chính quốc tế	Nguyễn Văn Tiến	NXB Thống kê, 2018, Việt Nam	3	Quản trị tài chính quốc tế		Học kỳ 2, năm học thứ 1	
57.	Tài chính quốc tế (International corporatr finance 10th edition)	Jeff Madura	NXB Cengage Learning, 2018					
58.	Bài tập và bài giải Tài chính quốc tế	Nguyễn Văn Tiến	NXB Thống kê, 2017, Việt Nam	3				

59.	Giáo trình Tài chính quốc tế	Đặng Hương Giang	NXB Lao Động, 2016, Việt Nam	Bản mềm				
60.	Quản lý dự án	Từ Quang Phương	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, 2014, Việt Nam		Chuyên đề 1: Quản lý dự án đầu tư		Học kỳ 2, năm học thứ 1	
61.	Quản trị dự án	Đinh Văn Hải, Trần Phương Anh	NXB Tài chính, 2021, Việt Nam					
62.	Quản trị dự án- Những nguyên tắc cơ bản	Joseph Heagney	NXB Công thương, 2019, Việt Nam	5				
63.	Quản lý dự án	Cao Hào Thi, Nguyễn Thúy Quỳnh Loan	NXB Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh, 2018, Việt Nam	5				
64.	Kỹ năng quản lý dự án hiệu quả	Clydebank Business	NXB phụ nữ, 2019, Việt Nam	5				
65.	Giáo trình kinh tế quốc tế,	Đỗ Thu Trang, Đỗ Thị Phượng	NXB Lao động,(2016) Việt Nam.		Đầu tư quốc tế		Học kỳ 2, năm học thứ 1	
66.	Đầu tư tài chính	Bodie Zvi, Alex Kane	NXB, Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, 2019, Việt Nam					
67.	Luật Đầu tư	Quốc hội nước Cộng hoà XHCN Việt Nam	NXB Chính trị quốc gia, 2020, Việt Nam					
68.	Đầu tư thông minh - Unshakeable: Your financial freedom playbook: Để thành công trong thế giới biến động	Anthony Robbins, Peter Mallouk	Nhà xuất bản Dân trí, 2022, Việt Nam					

69.	Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đến tăng trưởng đầu ra, năng suất và hiệu quả của nền kinh tế Việt Nam trong thời kỳ 2000- 2013	Nguyễn Khắc Minh	NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2017, Việt Nam					
70.	Giáo trình Thanh toán quốc tế	Đặng Hương Giang	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp, 2022, Việt Nam	Bản mềm	Thanh toán quốc tế và kinh doanh ngoại hối		Học kỳ 2, năm học thứ 1	
71.	Giáo trình thanh toán quốc tế	Hà Văn Hội	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021, Việt Nam	8				
72.	Cẩm nang thanh toán quốc tế & tài trợ ngoại thương	Nguyễn Văn Tiến	Đại học Kinh tế quốc dân, 2023, Việt Nam	6				
73.	Giáo trình Thanh toán quốc tế & tài trợ ngoại thương: Incoterms 2020 UCP 600	Nguyễn Văn Tiến, Nguyễn Thị Hồng Hải	NXB Đại học kinh tế quốc dân, 2021, Việt Nam	1				
74.	Kinh doanh ngoại hối	TS Phạm Quốc Việt	NXB Tài Chính,2016, Việt Nam	1				
75.	Giáo trình Tài chính cá nhân	Đỗ Hoài Linh	NXB ĐH Kinh tế quốc dân, 2023, Việt Nam	1	Quản lý tài chính cá nhân			
76.	Giáo trình Tài chính cá nhân	Nguyễn Hoàng Nam	NXB Khoa học xã hội, 2022, Việt Nam	1				

77.	Giáo trình Tài Chính Doanh Nghiệp	Phùng Thị Lan Hương, Đường Thị Thanh Hải, Vũ Thành Long	NXB Thống kê, 2021, Việt Nam	Bản mềm			Học kỳ 2, năm học thứ 1	
78.	Tài liệu học tập Đầu tư tài chính	Trần Đức Cân, Phùng Thị Lan Hương, Đường Thị Thanh Hải, Vũ Thành Long	NXB Khoa học và kỹ thuật, 2019, Việt Nam	Bản mềm				
79.	Tài chính cá nhân dành cho người Việt Nam	Lâm Minh Chánh	NXB Văn hóa – Văn nghệ TP.HCM, 2020, Việt Nam					
80.	Tài liệu học tập Tài trợ thương mại quốc tế	Đặng Hương Giang	Khoa TCNH, 2021, Việt Nam	Bản mềm	Tài trợ thương mại quốc tế		Học kỳ 2, năm học thứ 1	
81.	Thanh toán quốc tế & Tài trợ ngoại thương	Nguyễn Văn Tiến	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2021, Việt Nam	1				
82.	Bài tập và bài giải thanh toán quốc tế	Nguyễn Văn Tiến	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2021, Việt Nam	1				
83.	Thương mại quốc tế	Hoàng Đức Thân	NXB Kinh tế quốc dân, 2018, Việt Nam	1				
84.	Bình luận UCP600 – Quy tắc & thực hành thống nhất tín dụng chứng từ	Nguyễn Thị Thủy	NXB Tài chính, 2018, Việt Nam	1				
85.	Giáo trình Phân tích đầu tư chứng khoán	Nguyễn Thị Minh Huệ	Nguyễn Thị Minh Huệ, Đại học Kinh tế	5	Phân tích chứng khoán			

			Quốc dân, 2019, Việt Nam					
86.	Phân tích thị trường chứng khoán = Mastering the market cycle: Làm chủ chu kỳ thị trường và tâm lý nhà đầu tư để trở thành người thắng cuộc	Howard Marks; Nguyễn Minh Chung dịch	NXB Kinh tế Quốc dân, 2020, Việt Nam	5				
87.	Chiến lược đầu tư chứng khoán: Những phong cách đầu tư phổ biến nhất hiện nay và cận cảnh về mọi ngóc ngách trên con đường tối đa hóa lợi nhuận	David Brown,...[và những người khác],	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2019, Việt Nam	5			Học kỳ 2, năm học thứ 1	
88.	Cẩm nang chứng khoán phái sinh: Chiến lược từ A-Z về đầu tư-phòng hộ-đầu cơ thành công nhất	Robertl L. Mcdonald; Dịch: Vũ Thanh Tùng	NXB Thanh niên, 2017, Việt Nam	5				
89.	Chiến lược đầu tư chứng khoán - Những quy định pháp lý và kỹ năng phân tích khi đầu tư chứng khoán	Tăng Bình, Ái Phương	NXB Hồng Đức, 2021, Việt Nam	10				
90.	TLHT Quản trị ngân hàng thương mại	Phạm Thị Phương Thảo	ĐH KTKTCN, 2019, Việt Nam	Bản mềm				

91.	An Introduction to Banking: Principles, Strategy and risk Management	Moorad Chaudhry	[K.đ]: Wiley, 2018, Việt Nam		Quản trị ngân hàng hiện đại		Học kỳ 1, năm học thứ 2	
92.	Quản Trị Rủi Ro Trong Ngân Hàng - Risk Management In Banking	Joel Bessis	NXB Lao động xã hội, 2017, Việt Nam					
93.	Giáo trình quản trị ngân hàng thương mại	Nguyễn Văn Tiến	NXB Thống kê, 2015, Việt Nam	4				
94.	Cẩm nang quản trị rủi ro trong kinh doanh ngân hàng	Nguyễn Văn Tiến, Nguyễn Mạnh Hùng	NXB Lao động, 2017, Việt Nam	10				
95.	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Phùng Thị Lan Hương	Đại học Kinh tế kỹ thuật công nghiệp, 2023, Việt Nam		Quản trị tài chính doanh nghiệp		Học kỳ 1, năm học thứ 2	
96.	Bài giảng điện tử Slidehọc phần "Quản trị tài chính doanh nghiệp	Khoa TCNH &BH	Xây dựng mới 2023.					
97.	Quản trị tài chính	Nguyễn Tấn Bình, Nguyễn Trần Huy	NXB Tài chính, 2022, Việt Nam					
98.	Giáo trình Tài Chính Doanh Nghiệp	Vũ Duy Hào, Trần Minh Tuấn	NXB Đại học kinh tế quốc dân, 2019, Việt Nam	14				
99.	Đầu tư tài chính tập 2	Nguyễn Ngọc Huy	NXB Thông tin và truyền thông, 2017, Việt Nam	3				

100	Tài liệu học tập Thị trường Công cụ phái sinh	Đặng Hương Giang	Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp, 2020, Việt Nam	Bản mềm	Hợp đồng tương lai và quyền chọn		Học kỳ 2, năm học thứ 2	
101	Giáo trình Công cụ phái sinh	Đỗ Thị Kim Hảo	NXB Dân Trí, 2022, Việt Nam	6				
102	Sản phẩm phái sinh và quản trị rủi ro tài chính An introduction to derivatives and risk management	Don M. Chance; Robert Brooks	NXB Cengage learning Asia Pate, 2015, Việt Nam	5				
103	Giáo trình thị trường tài chính phái sinh	Nguyễn Văn Tiến, Nguyễn Minh Hà	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2022, Việt Nam	6				
104	Cẩm nang chứng khoán phái sinh: Chiến lược từ A-Z về đầu tư-phòng hộ-đầu cơ thành công nhất	Robertl L. Mcdonald; Dịch: Vũ Thanh Tùng	NXB Thanh niên, 2017, Việt Nam	5				
105	Giáo trình Phân tích tài chính	Ngô Thế Chi	NXB Tài chính, 2017, Việt Nam		Chuyên đề 2: Phân tích tài chính doanh nghiệp nâng cao		Học kỳ 2, năm học thứ 2	
106	Giáo trình phân tích tài chính doanh nghiệp	Vũ Thị Thục Oanh	ĐH Kinh tế Kỹ thuật CN, 2019, Việt Nam	Bản mềm				
107	Giáo trình phân tích báo cáo tài chính	Nguyễn Văn Công	NXB Đại học kinh tế quốc dân, 2019, Việt Nam	1				

108	Giáo trình Phân tích tài chính doanh nghiệp	Ngô Kim Phương	Nhà xuất bản tài chính, 2021, Việt Nam	5				
109	Lý thuyết và thực hành Phân tích báo cáo tài chính	Nguyễn Ngọc Quang	NXB Tài chính, 2021, Việt Nam	8				
110	Tài liệu học tập Quản trị rủi ro tài chính	Mai Tuấn Anh	Trường Đại học kinh tế kỹ thuật công nghiệp 2019, Việt Nam	Bản mềm	Quản trị rủi ro tài chính		Học kỳ 1, năm học thứ 2	
111	Bài giảng Quản trị rủi ro tài chính	Phan Thị Thu Hà, Lê Thanh Tâm, Hoàng Đức Mạnh	NXB ĐH Kinh tế Quốc dân, 2019, Việt Nam					
112	Sản phẩm phái sinh và quản trị rủi ro tài chính	Don M Chance, Robert Brook	NXB Cengage learning, 2015, Việt Nam	5				
113	Quản trị rủi ro tài chính (Lý thuyết – Bài tập)	Nguyễn Minh Kiều	NXB Thống kê, Hà Nội, 2014, Việt Nam					
114	Cẩm Nang Quản Trị Rủi Ro Trong Kinh Doanh Ngân Hàng	Nguyễn Văn Tiến	NXB Lao Động, 2019, Việt Nam	10				
115	Tài liệu học tập định giá tài sản	Đường Thị Thanh Hải	Trường ĐH Kinh tế Kỹ thuật công nghiệp, (2018), Việt Nam		Định giá doanh nghiệp		Học kỳ 2, năm học thứ 1	
116	Thẩm định giá tài sản và doanh nghiệp : Lý thuyết và bài tập	Nguyễn Minh Điện	NXB Thống kê, 2014, Việt Nam.					

117	Mô hình phân tích và định giá tài sản tài chính	Hoàng Đình Tuấn	NXB Khoa học kỹ thuật, 2011, Việt Nam					
118	Quản trị tài chính	Nguyễn Tấn Bình, Nguyễn Trần Huy	NXB Tài chính, 2022, Việt Nam	6	Quản trị dòng tiền		Học kỳ 1, năm học thứ 2	
119	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính	Nguyễn Văn Ngọc	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2021, Việt Nam	8				
120	Báo cáo tài chính dưới góc nhìn của Warren Buffett = Warren Buffett and the interpretation of financial statements : Cuộc tìm kiếm Công ty có lợi thế cạnh tranh bền vững	Marry Buffett, David Clark; Dịch: Nguyễn Trường phú, Hồ Quốc Tuấn	NXB Hồng Đức, 2021, Việt Nam	5				
121	Phân tích tài chính doanh nghiệp	Ngô Kim Phượng [và những người khác]	NXB Tài Chính, 2021, Việt Nam	5				
122	Tài chính công ty đa quốc gia	Đinh Thị Thu Hồng	NXB Kinh tế TP Hồ Chí Minh, 2016, Việt Nam	10	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia		Học kỳ 2, năm học thứ 1	
123	Tài chính công ty đa quốc gia	Huỳnh Thị Thúy Giang	NXB kinh tế TP Hồ Chí Minh, 2015, Việt Nam					

124	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	ROSS WESTERFIELD JAFFE	NXB Học viên Ngân hàng, 2021, Việt Nam					
125	Tài chính công ty đa quốc gia	Phan Thị Nhi Hiếu	NXB Kinh tế TP Hồ Chí Minh 2016, Việt Nam					
126	Giáo trình Tài chính quốc tế	Đặng Hương Giang	NXB Lao động 2016, , Việt Nam	Bản mềm				
127	Giáo trình thuế 1	Lê Quang Cường, Nguyễn Kim Quyến	NXB Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, 2020, Việt Nam	5	Thuế quốc tế		Học kỳ 1, năm học thứ 2	
128	Giáo trình thuế	Lê Thị Diệu Huyền, Bùi Thị Mến	NXB Lao động, 2022, Việt Nam	6				
129	Giáo trình thuế: Thông lệ thế giới và chế độ hiện hành tại Việt Nam	Nguyễn Văn Hiệu	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022, Việt Nam	8				
130	Thuế Tax 2022: Biểu thuế xuất khẩu- Nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	Nguyễn Viết Hùng	NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2022, Việt Nam	6				
131	Tài liệu học tập Đầu tư tài chính	Trần Đức Cân	Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp, 2019, Việt Nam	Bản mềm	Đầu tư tài chính nâng cao		Học kỳ 2, năm học thứ 1	

132	Tài liệu học tập Định giá tài sản	Đường Thị Thanh Hải	Trường Đại học Kinh tế Kỹ Thuật Công nghiệp, 2018, Việt Nam	Bản mềm				
133	Chiến Lược Đầu Tư Chứng Khoán - Những Quy Định Pháp Lý Và Kỹ Năng Phân Tích Khi Đầu Tư Chứng Khoán	Tăng Bình, Ái Phương	NXB Hồng Đức, 2021, Việt Nam	10				
134	Giáo trình Phân tích đầu tư chứng khoán	Nguyễn Thị Minh Huệ	NXB ĐH KTQD, 2019, Việt Nam	5				
135	Đầu Tư Tài Chính - Investments	Bodie, Kane, Marcus	NXB Kinh tế TP HCM, 2019, Việt Nam	5				
136	Giáo trình Quản lý danh mục đầu tư	Hoàng Văn Quỳnh	Nhà xuất bản Tài chính, 2017, Việt Nam	6	Quản lý danh mục đầu tư		Học kỳ 1, năm học thứ 2	
137	Tài liệu học tập Định giá tài sản	Đường Thị Thanh Hải	Trường Đại học Kinh tế Kỹ Thuật Công nghiệp, 2019, Việt Nam	Bản mềm				
138	Chiến Lược Đầu Tư Chứng Khoán - Những Quy Định Pháp Lý Và Kỹ Năng	Tăng Bình, Ái Phương	NXB Hồng Đức, 2021, Việt Nam	10				

	Phân Tích Khi Đầu Tư Chứng Khoán							
139	Giáo trình Phân tích đầu tư chứng khoán	Nguyễn Thị Minh Huệ	NXB ĐH KTQD, 2019, Việt Nam	5				
140	Đầu Tư Tài Chính - Investments	Bodie, Kane, Marcus	NXB Kinh tế TP HCM, 2019, Việt Nam	5				
141	Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và Quản trị kinh doanh	Nguyễn Văn Thắng	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2014, Việt Nam		**Tốt nghiệp (Đồ án, dự án, đề án)**		Học kỳ 2, năm học thứ 2	
142	Giáo trình tài chính doanh nghiệp	Phùng Thị Lan Hương	NXB Khoa học Kỹ thuật, 2020, Việt Nam	Bản mềm				
143	Giáo trình ngân hàng thương mại	Đặng Hương Giang	Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp, 2021, Việt Nam	Bản mềm				
144	Giáo trình tài chính doanh nghiệp	Vũ Duy Hào	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2019, Việt Nam	14				
145	Giáo trình đánh giá giá trị doanh nghiệp	Nguyễn Ngọc Quang	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2015, Việt Nam					

PHẦN VI. ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Đề án mở ngành đào tạo Tài chính - Ngân hàng trình độ thạc sĩ, Nhà trường giao cho Khoa Tài chính - Ngân hàng và Bảo hiểm chịu trách nhiệm chính trong việc quản lý các hoạt động chuyên môn, giảng viên, người học. Bộ môn Tài chính và Bộ môn Ngân hàng và bảo hiểm là đơn vị quản lý chuyên trách đáp ứng yêu cầu chuyên môn và chịu trách nhiệm trước Nhà trường về chất lượng đào tạo. Trưởng Khoa Tài chính - Ngân hàng và Bảo hiểm có trách nhiệm phối hợp với các Khoa liên quan tổ chức, chỉ đạo tiến hành xây dựng đề cương chi tiết học phần đảm bảo mục tiêu, nội dung, yêu cầu đề ra, đồng thời phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường, của địa phương, đáp ứng nhu cầu của người học và của xã hội.

6.1. Bộ máy quản lý cấp Khoa

Về Bộ máy quản lý: Lãnh đạo khoa gồm có 02 người: 01 Trưởng Khoa; 01 Phó Trưởng khoa. Hiện tại Khoa có 2 Bộ môn là: Bộ môn Tài chính; Bộ môn Ngân hàng và Bảo hiểm.

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ
1. Ban chủ nhiệm Khoa			
Trưởng khoa	Phùng Thị Lan Hương	1975	TS, Trưởng Khoa
Phó Trưởng khoa	Vũ Thị Thục Oanh	1982	TS, Phó trưởng khoa
2. Các tổ chức Đảng, Đoàn, Công đoàn			
Chi ủy	Phùng Thị Lan Hương	1975	TS, Bí thư
Công đoàn CS Hà Nội	Đường Thị Thanh Hải Phạm Thị Phương Thảo	1973 1981	TS, Tổ trưởng ThS, Tổ phó
Công đoàn CS Nam Định	Nguyễn Hồng Yến	1984	ThS, Tổ trưởng
Liên chi đoàn khoa	Phạm Đức Tài Trần Ngọc Vân	1987 1988	TS, Bí thư ThS, Phó bí thư
3. Các bộ môn			
Bộ môn Ngân hàng và Bảo hiểm	Đặng Hương Giang	1982	TS, Trưởng bộ môn
Bộ môn Tài chính	Phùng Thị Lan Hương	1975	TS, Trưởng bộ môn

6.2. Bộ môn quản lý chuyên môn

Khoa giao cho Bộ môn Tài chính và Bộ môn Ngân hàng và Bảo hiểm quản lý chuyên môn CTĐT ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ thạc sĩ, với các nhiệm vụ chuyên môn cụ thể như sau:

a) Chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng, tiến độ giảng dạy của những môn học được giao trong chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ thạc sĩ, kế hoạch giảng dạy chung của Trường, của Khoa;

b) Xây dựng và hoàn thiện nội dung môn học; tổ chức biên soạn giáo trình, xây dựng tài liệu tham khảo phù hợp với nội dung môn học được trưởng khoa, Hiệu trưởng giao;

c) Nghiên cứu đổi mới phương pháp giảng dạy; tổ chức kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả học tập của sinh viên theo quy định của nhà trường;

d) Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, thực hiện các dịch vụ khoa học và công nghệ theo kế hoạch của trường và khoa;

đ) Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ của Bộ môn; tham gia đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên thuộc lĩnh vực chuyên môn ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ thạc sĩ;

e) Tổ chức đánh giá công tác quản lý, hoạt động đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ của cá nhân, của Bộ môn, của Khoa và Trường theo yêu cầu của Hội đồng trường và Trưởng khoa.

PHẦN VII. KẾ HOẠCH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

7.1. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý

Với mong muốn phát triển đào tạo bậc học thạc sĩ chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng, Khoa Tài chính - Ngân hàng và Bảo hiểm, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp đặt mục tiêu trong 5 năm tới đạt được 40% đội ngũ GV có trình độ tiến sĩ, phát triển GV có chức danh GS, PGS, khoảng 15% giảng viên chuyên môn có thể giảng dạy bằng tiếng Anh. Cụ thể:

- Chuẩn hoá đội ngũ GV bằng cách bổ sung, bồi dưỡng, sàng lọc đội ngũ GV, nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ. Mời chuyên gia trong nước hoặc nước ngoài có kinh nghiệm giảng dạy, có phương pháp giảng dạy tốt tham gia giảng dạy để bồi dưỡng kỹ năng đổi mới phương pháp giảng dạy cho GV.

- Phát triển đội ngũ GV cơ hữu có chức danh PGS chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng, và TS ngành Tài chính - Ngân hàng.

- Khuyến khích và tạo điều kiện về thời gian và kinh phí cho đội ngũ cán bộ giảng dạy tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước và học tập để nâng cao trình độ từ các chương trình, dự án, chương trình hợp tác đào tạo trong và ngoài nước theo đúng chuyên ngành nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ;

- Nhà trường có chính sách khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện cho đội ngũ GV, đặc biệt là các GV trẻ được bồi dưỡng, tự bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, học tập các chứng chỉ chuyên môn về Tài chính - Ngân hàng, tham gia các khóa học nâng cao trình độ ngoại ngữ, phương pháp giảng dạy thạc sĩ, kỹ năng sử dụng CNTT phục vụ công tác đào tạo và NCKH;

- Khuyến khích, tạo điều kiện để đội ngũ GV đăng ký các phát minh, sáng chế giải thưởng KHCN trong nước và quốc tế;

- Có cơ chế đồng bộ nhằm thu hút, duy trì và phát triển đội ngũ cán bộ GV giỏi từ nhiều nguồn trong và ngoài nước;

- Kết nối GV liên ngành, liên trường trong nước và nước ngoài trên các lĩnh vực giảng dạy và NCKH để tiếp thu kinh nghiệm và phương pháp mới.

7.2. Kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, đầu tư chi phí đào tạo

Trong chiến lược phát triển của Nhà trường, trong vòng 5 năm tới, toàn bộ khu giảng đường cơ sở 218 Lĩnh Nam, Hà Nội sẽ ngày càng hoàn thiện về cơ sở vật chất, với số lượng vài trăm giảng đường, cùng các phòng hội thảo, phòng chức năng, phòng thực hành sử dụng cho công tác đào tạo. Hệ thống thư viện, giáo trình cũng nằm trong kế hoạch phát triển của nhà trường với dự kiến tăng thêm 3 phòng đọc với tổng diện tích 500 m2 với đầy đủ đầu sách tương ứng với chương trình đào tạo và số lượng sách tương ứng với lưu lượng sinh viên, học viên.

7.3. Kế hoạch hợp tác quốc tế về đào tạo, tổ chức hội nghị, hội thảo và nghiên cứu khoa học

Hiện nay, cùng với sứ mạng và sự phát triển của Nhà trường ngày càng lớn, với xu hướng toàn cầu hóa ngày càng sâu, rộng trong mọi lĩnh vực, công tác hợp tác quốc tế trong Nhà trường ngày càng quan trọng. Nhận thức được vấn đề này, Nhà trường hiện đang triển khai một loạt các nhiệm vụ:

- Xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách, có trình độ và năng lực để thực hiện hiệu quả công tác quan hệ quốc tế, thu hút các nguồn vốn đầu tư, vốn vay, tài trợ, học bổng. Đẩy mạnh các hoạt động hợp tác quốc tế của các khoa, gắn các chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học với các hoạt động quan hệ quốc tế;

- Tham gia hợp tác và liên kết một cách bình đẳng với các trường đại học và các trung tâm nghiên cứu trong khu vực và trên thế giới trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và sản xuất;

- Thường xuyên tổ chức và tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế; đẩy mạnh các chương trình giao lưu, trao đổi học thuật, trao đổi giảng viên và sinh viên, hướng tới việc tạo một mạng lưới liên kết ổn định;

- Thường xuyên đánh giá hiệu quả các hoạt động quan hệ quốc tế để có định hướng lựa chọn đối tác phù hợp, đẩy mạnh các bước hợp tác tiếp theo sau khi đã đặt mối quan hệ.

- Thực hiện các nhiệm vụ này, trong những năm gần đây, Nhà trường tiếp tục đưa mối quan hệ với các đối tác hiện có đi vào chiều sâu và mở rộng quan hệ với các đối tác mới với mục đích hợp tác đào tạo và trao đổi về nghiên cứu khoa học, hỗ trợ lẫn nhau về các chương trình đào tạo tiên tiến và hướng vào việc mở các lớp chất lượng cao trên tinh thần hợp tác, cùng có lợi. Mặt khác, hợp tác quốc tế đã tạo điều kiện cho các cán bộ được tham gia các lớp học bồi dưỡng, có cơ hội giao lưu, học hỏi, tranh thủ sự giúp đỡ của các trường Đại học, các tổ chức Quốc tế trong việc tăng cường trang thiết bị cho nhà trường.

Trong kế hoạch 5 năm tới, Nhà trường đã dự kiến một số chương trình hợp tác với các trường nước ngoài trong công tác đào tạo, phát triển đội ngũ giảng viên, cụ thể là:

+ Chương trình đưa GV đi tu nghiệp, thực tập, tập huấn cập nhật chế độ, phương pháp giảng dạy mới;

+ Chương trình đưa GV đi đào tạo tiến sĩ ở các nước tiên tiến;

+ Chương trình hợp tác đào tạo với các trường: Trường Đại học Western Sydney của Australia, Trường Đại học Khoa học và Công nghệ của Đài Loan; Trường Đại học quốc gia Lào, Trường Đại học Công nghệ thực phẩm Plovdiv của Bulgaria.

PHẦN VIII. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG, NGĂN NGỪA, XỬ LÝ RỦI RO TRONG MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

8.1. Rủi ro trong mở ngành đào tạo

Có một số rủi ro trong quá trình đào tạo ngành cần mở như sau:

- Nhu cầu của thị trường lao động ảnh hưởng đến ngành đào tạo. Một số yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu lao động, như:

+ Khoa học công nghệ: Khoa học công nghệ phát triển; các khâu trong sản xuất được tự động hóa nhờ các robot và công nghệ trí tuệ nhân tạo AI. Đây cũng có thể là nguyên nhân dẫn đến thị trường lao động cần ít nhân lực hơn.

+ Mức lương, nhu cầu về các sản phẩm, năng suất lao động, … cũng là các yếu tố tác động tiêu cực đến nhu cầu của nhân lực Tài chính - Ngân hàng của thị trường lao động.

- Thiếu nguồn lực giảng viên: do yêu cầu nâng cao trình độ để đáp ứng được với công nghệ mới.

- Khó khăn trong công tác tuyển sinh: để đảm bảo tốt công tác tuyển sinh thì cơ sở đào tạo cần xây dựng kế hoạch tuyển sinh hàng năm minh bạch, cụ thể, rõ ràng và có chiến lược tuyển sinh phù hợp với từng đối tượng khác nhau góp phần mang đến cho xã hội và người có nhu cầu học tập sự thu hút; đội ngũ tư vấn nắm vững thông tin và nhiệt tình hỗ trợ giúp người học an tâm, tin cậy để lựa chọn ngành học và tham gia lớp học.

- Học viên bỏ học, học trễ tiến độ: cần có chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy phù hợp với người học và công tác chăm sóc học viên cụ thể, rõ ràng và hiệu quả tạo sự tin tưởng, an tâm từ người học; đảm bảo đội ngũ giảng viên giỏi về chuyên môn và có phương pháp giảng dạy hiện đại, phù hợp, lấy người học làm trung tâm để tạo sự hứng thú cho người học. Hơn nữa, cơ sở đào tạo cần có chính sách, quy định về mặt quản lý và thủ tục hành chính đơn giản, thuận tiện sẽ góp phần hạn chế, khắc phục được việc học viên bỏ học, học trễ tiến độ.

8.2. Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro

- Giải pháp đối với rủi ro về nhu cầu thị trường lao động: Để đối phó được với những rủi ro về thị trường lao động, Nhà trường và Khoa tập trung đào tạo đội ngũ sinh viên phù hợp với thị trường lao động. Cụ thể:

+ Hàng năm nhà trường và khoa tiến hành khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về mức độ đáp ứng của chuẩn đầu ra để điều chỉnh chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu từ thị trường lao động;

+ Nhà trường yêu cầu Khoa thường xuyên rà soát, cập nhật, bổ sung và điều chỉnh chương trình đào tạo và 2 năm Nhà trường tiến hành điều chỉnh lớn 1 lần cả chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo;

+ Nhà trường và Khoa thường xuyên kết hợp với doanh nghiệp để tăng cường giảng dạy gắn với thực tiễn;

+ Khoa thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo, chủ động mời các chuyên gia, các bên liên quan nhằm đánh giá, cập nhật những kiến thức, công nghệ mới;

+ Nhà trường đầu tư thêm các trang thiết bị hiện đại, cơ sở vật chất, công nghệ mới cho giảng dạy và nghiên cứu; để đáp ứng sự đòi hỏi ngày càng cao của thị trường lao động.

- Giải pháp đối với rủi ro về nguồn lực giảng viên: Hàng năm khoa có kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ giảng viên nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn, cập nhật các kiến thức mới để đáp ứng điều chỉnh các nội dung học phần sao cho phù hợp với sự thay đổi từ thị trường lao động.

PHẦN IX. ĐỀ NGHỊ VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN

1. Địa chỉ website đăng thông tin 3 công khai, chuẩn đầu ra, các quy định của cơ sở đào tạo liên quan đến hoạt động tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Đề án mở ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ thạc sĩ đã được công khai tại website https://uneti.edu.vn từ ngày ... tháng ... năm 2024

2. Đề nghị của Khoa chuyên môn:

Để khẳng định việc mở ngành đào tạo Tài chính - Ngân hàng – trình độ thạc sĩ sẽ đem lại kết quả và đảm bảo chất lượng, Khoa Tài chính - Ngân hàng và Bảo hiểm có một số đề nghị với Nhà trường như sau:

+ Xây dựng chiến lược đào tạo: cần phải có một chiến lược đào tạo rõ ràng, xác định được mục tiêu đào tạo, đối tượng học viên, nội dung chương trình đào tạo, các phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả;

+ Nâng cao chất lượng giảng viên: Giảng viên đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình đào tạo. Nhà trường cần đầu tư để tuyển dụng và đào tạo giảng viên có trình độ chuyên môn cao, kinh nghiệm thực tiễn, có kỹ năng dạy tốt và đam mê nghề;

+ Đầu tư trang thiết bị hiện đại: Để đảm bảo chất lượng đào tạo, Nhà trường cần đầu tư vào trang thiết bị hiện đại, đầy đủ và đáp ứng được nhu cầu của ngành công nghệ kỹ thuật ô tô;

+ Xây dựng mối quan hệ với doanh nghiệp: Nhà trường cần xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ Tài chính - Ngân hàng để có được thông tin về nhu cầu tuyển dụng, kỹ năng cần thiết và các công nghệ mới nhất;

+ Đánh giá kết quả đào tạo: Nhà trường cần đánh giá kết quả đào tạo của sinh viên, đo lường sự tiết bộ và đáp ứng nhu cầu thực tế của doanh nghiệp.

3. Cam kết triển khai thực hiện

Khoa Tài chính - Ngân hàng và Bảo hiểm Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp cam kết triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung trong Đề án, đảm bảo chất lượng đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng trình độ thạc sĩ theo các quy định hiện hành./.

Nơi nhận:
- Hội đồng KH&ĐT;
- Lưu: Hồ sơ mở ngành.

TM. BAN XÂY DỰNG ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH
TRƯỞNG BAN

TRƯỞNG KHOA TCNH&BH
TS. Phùng Thị Lan Hương